

Số: /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 - 2025,
dự kiến Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026 - 2030
của tỉnh Quảng Ngãi**

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 18/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026 - 2030; Công văn số 16684/BTC-NSNN ngày 24/10/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn đánh giá thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2021 - 2025, dự kiến Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2026 - 2030; UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo như sau:

Phần thứ nhất
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
05 NĂM 2021 - 2025

I. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030; các Nghị quyết¹ của Quốc hội, Chính phủ về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 - 2025; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025; Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025; Nghị quyết của HĐND tỉnh² về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) 05 năm 2021 - 2025; trên cơ sở tình hình thực tế của tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định triển khai các Chương trình hành động thực hiện các Nghị quyết đại hội đảng; Nghị quyết của Quốc hội, của Chính phủ và Nghị quyết của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển³ KTXH 05 năm 2021 - 2025, trong đó, đã cụ thể hóa, xác lập các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, thời gian thực hiện và phân công trách

¹ Nghị quyết số 16/2021/QH15 ngày 27/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2021 - 2025; Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII; Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện Nghị quyết số 16/2021/QH15 ngày 27/7/2021 của Quốc hội.

² Các Nghị quyết: số 56/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh Kon Tum (cũ) và số 49/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) về Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2021 - 2025.

³ Các Quyết định: số 43/2020/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của UBND tỉnh Kon Tum (cũ) và số 19/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) về Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2021 - 2025.

nhiệm trong thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá chiến lược đề ra trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng gắn với Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025, phấn đấu thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2021 - 2025.

Hàng năm, căn cứ Nghị quyết của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH và dự toán ngân sách nhà nước; Kết luận của Tỉnh ủy; Nghị quyết của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển KTXH, UBND tỉnh ban hành các Quyết định về giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển KTXH và Quyết định về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH, theo đó đã chỉ đạo, giao nhiệm vụ cụ thể, tiến độ thực hiện và hoàn thành cho các sở, ban ngành, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện góp phần thúc đẩy phát triển KTXH, đảm bảo quốc phòng và an ninh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VÀ CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021 - 2025⁴

1. Bối cảnh triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 - 2025

Bước vào nhiệm kỳ 2020 - 2025, Tỉnh Quảng Ngãi đã nhận diện những thời cơ, thuận lợi và những khó khăn, thách thức trong quá trình thực hiện. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết phát sinh những khó khăn mới chưa lường hết được. Tình hình thế giới và trong nước có những diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó đoán định, nhất là phải chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19 bùng phát mạnh và diễn biến phức tạp trên phạm vi toàn cầu đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt KTXH của các quốc gia trên thế giới, trong đó có nước ta, tỉnh ta. Các nền kinh tế lớn đối mặt với tình trạng suy thoái sâu, tồi tệ nhất trong nhiều thập kỷ qua. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, gia tăng căng thẳng địa chính trị, xung đột quân sự leo thang ở một số quốc gia làm suy yếu hệ thống thương mại đa phương, cản trở đầu tư, gây bất định cho cả sản xuất và tiêu dùng, đồng thời làm tăng biến động tài chính. Bên cạnh đó, tần suất và mức độ nghiêm trọng của thiên tai đã tăng lên theo thời gian và còn tiếp tục tăng hơn nữa do biến đổi khí hậu đã đe dọa an ninh lương thực, an ninh năng lượng, bất ổn xã hội...

Trong nước và trong tỉnh, với quyết tâm phục hồi và phát triển KTXH, tạo đà để hoàn thành các mục tiêu phát triển KTXH giai đoạn 2021 - 2025, dưới sự lãnh đạo thống nhất của cả hệ thống chính trị và sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành những quyết sách⁵ kịp thời để

⁴ Số liệu ước đến hết năm 2025.

⁵ Đặc biệt, Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 ban hành quy định tạm thời “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19”, cùng với các chính sách bảo đảm an sinh xã hội; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 về Chương trình phục hồi và phát triển KTXH và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình; Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển KTXH và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29/12/2022 của Chính phủ ban hành Chương

phòng, chống dịch Covid-19 và phát triển KTXH. Cùng với quyết tâm của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã đoàn kết, thống nhất, chung sức, đồng lòng, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện sát sao, quyết liệt, kịp thời, đồng bộ, hiệu quả nhiệm vụ phục hồi và phát triển KTXH với tinh thần quyết tâm chính trị cao nhất; đã ban hành nhiều văn bản để quán triệt và chỉ đạo các cấp, các ngành tập trung thực hiện các chỉ đạo của Trung ương nhằm hoàn thành các mục tiêu phát triển KTXH giai đoạn 2021 - 2025 với kết quả cao nhất,... Cùng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, Tỉnh ta đã từng bước khắc phục kịp thời và vượt qua khó khăn, thách thức, vừa tập trung phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh, vừa thúc đẩy phục hồi và phát triển KTXH đạt được những kết quả khá toàn diện trên nhiều lĩnh vực.

2. Về phát triển kinh tế

2.1. Về tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

2.1.1. Tăng trưởng kinh tế

- *Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh⁶ (GRDP) năm 2025 (theo giá so sánh 2010)* ước đạt 92.813 tỷ đồng, bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng 7,30%/năm; trong đó: (1) Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2025 ước đạt 15.409 tỷ đồng, tăng bình quân 4,57%/năm; (2) Khu vực công nghiệp - xây dựng năm 2025 ước đạt 37.120 tỷ đồng, tăng bình quân 10,23%/năm; trong đó: công nghiệp năm 2025 ước đạt 30.190 tỷ đồng, tăng bình quân 11,58%/năm; (3) Khu vực dịch vụ năm 2025 ước đạt 28.294 tỷ đồng, tăng bình quân 5,91%/năm; (4) Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm năm 2025 ước đạt 11.989 tỷ đồng, tăng bình quân 6,20%/năm.

Tốc độ phát triển GRDP giai đoạn 2021 - 2025

DVT: %

	2021	2022	2023	2024	2025	BQ GD 2021-2025
Tổng SP trên địa bàn (GRDP)	106,86	108,95	106,01	104,22	110,59	107,30
* Tổng giá trị tăng thêm	107,00	109,13	106,66	104,03	110,67	107,47
- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	105,72	103,19	104,31	104,47	105,16	104,57
- Công nghiệp - xây dựng	113,92	111,68	108,17	102,31	115,58	110,23
+ Công nghiệp	120,68	111,86	108,72	100,68	117,05	111,58
+ Xây dựng	91,87	110,94	105,78	109,57	109,60	105,30
- Dịch vụ	100,30	109,64	106,15	105,95	107,74	105,91
* Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	106,00	107,81	101,78	105,54	110,04	106,20

- *Quy mô nền kinh tế (GRDP theo giá hiện hành)* tỉnh có sự tăng trưởng qua

trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển KTXH và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;...

⁶ Giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Quảng Ngãi tăng trưởng GRDP bình quân 7,30%/năm, xếp hạng 10/34 tỉnh, thành phố trong cả nước (theo Báo cáo của Thống kê tỉnh Quảng Ngãi).

từng năm, cụ thể: Năm 2020 đạt 109.595 tỷ đồng, dự kiến đến năm 2025 đạt 188.701 tỷ đồng, tăng 72,2% so với năm 2020, bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng 11,5%/năm.

- *GRDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành)* năm 2025 dự kiến đạt 100,3 triệu đồng/người/năm (*tương đương 3.980 USD/người/năm*), tăng 63,7% so với năm 2020, bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng 10,4%/năm.

- *Thu nhập bình quân đầu người (theo giá hiện hành)* năm 2025 dự kiến đạt 52,5 triệu đồng/người/năm, tăng 50,1% so với năm 2020, bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng 8,5%/năm.

- *Năng suất lao động xã hội (theo giá hiện hành)* năm 2020 đạt 114,8 triệu đồng/lao động, đến năm 2025 ước đạt 184,8 triệu đồng/lao động, bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng 10%/năm. Theo giá so sánh 2010, năng suất lao động xã hội năm 2020 đạt 68,3 triệu đồng/lao động, đến năm 2025 ước đạt 91 triệu đồng/lao động, bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng 5,9%/năm.

- *Tổng vốn đầu tư toàn xã hội* trong 5 năm 2021 - 2025 theo giá hiện hành ước đạt khoảng 339.789 tỷ đồng. Tỷ lệ vốn đầu tư so với GRDP theo giá hiện hành qua các năm luôn ở mức cao: Năm 2021 đạt 34,9%; năm 2022 đạt 34,2%; năm 2023 đạt 40,1%; năm 2024 ước đạt 55,0%; dự kiến kế hoạch năm 2025 đạt 43,6%. Bình quân 5 năm giai đoạn 2021 - 2025, tỷ lệ vốn đầu tư so với GRDP đạt 42,1% được thể hiện qua bảng số liệu sau đây:

Tỷ lệ vốn đầu tư toàn xã hội so với GRDP hiện hành

ĐVT: Tỷ đồng

	Vốn đầu tư toàn xã hội theo giá hiện hành	Tổng sản phẩm trên địa bàn theo giá hiện hành	Tỷ lệ vốn đầu tư so với tổng sản phẩm trên địa bàn (%)
Tổng 5 năm 2021-2025	339.789	806.776	42,1
2021	44.857	128.550	34,9
2022	53.041	155.302	34,2
2023	65.179	162.376	40,1
2024	94.507	171.847	55,0
Dự kiến 2025	82.205	188.701	43,6

- *Tổng thu ngân sách Nhà nước* trên địa bàn giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt 167.202 tỷ đồng, vượt 29,8% so với mục tiêu kế hoạch 05 năm 2021 - 2025 (*Kế hoạch giao 128.798 tỷ đồng*).

2.1.2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Giai đoạn 2021 - 2025, khu vực công nghiệp - xây dựng có mức tăng trưởng cao hơn mức tăng trưởng chung và chiếm tỷ trọng lớn trong GRDP nên tỷ trọng của khu vực này trong GRDP có sự chuyển biến đáng kể; trong khi đó các khu vực còn lại có mức tăng trưởng thấp hơn mức tăng chung GRDP nên tỷ trọng của các khu vực này giảm xuống trong cơ cấu GRDP. Tuy nhiên, tính

chung tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GRDP có sự chuyển biến tích cực trong giai đoạn 2021 - 2025: Năm 2020, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế của tỉnh là 66,9%, trong đó công nghiệp - xây dựng chiếm 34,7%, dịch vụ chiếm 32,2% trong GRDP. Dự kiến đến năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ chiếm 70,3% trong GRDP, trong đó công nghiệp - xây dựng chiếm 40,7%, dịch vụ chiếm 29,6%. Như vậy, cơ cấu kinh tế của tỉnh trong 5 năm chuyển dịch theo định hướng tăng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ.

Cơ cấu GRDP giai đoạn 2021 - 2025 (Theo giá hiện hành)

ĐVT: %

	2020	2021	2022	2023	2024	Ước 2025
- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	19,5	18,3	16,1	16,7	17,5	17,2
- Công nghiệp - xây dựng	34,7	40,3	44,5	42,9	41,0	40,7
- Dịch vụ	32,2	28,0	26,0	27,7	28,8	29,6
- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	13,6	13,4	13,4	12,8	12,7	12,6

2.2. Về khai thác và sử dụng hiệu quả các tiềm năng, lợi thế, nguồn lực để phát triển kinh tế nhanh và bền vững

2.2.1. Phát triển công nghiệp

Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đẩy mạnh phát triển công nghiệp là nhiệm vụ đột phá⁷ của tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2025. Trong giai đoạn này, sản xuất công nghiệp phát sinh những khó khăn mới do ảnh hưởng của đại dịch Covid -19 và biến động địa chính trị toàn cầu. Đồng thời, Nhà máy lọc dầu Dung Quất nghỉ bảo dưỡng tổng thể lần thứ 5 trong năm 2024; Khu liên hợp Hòa Phát Dung Quất dừng hoạt động 02 lò cao từ tháng 11/2022 đến tháng 4/2023. Hiện nay Khu liên hợp Hòa Phát Dung Quất 1 hoạt động ổn định và Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất đã đưa vào vận hành thử nghiệm dự án Khu liên hợp gang thép Hòa Phát Dung Quất 2, nên dự kiến sản lượng sắt thép năm 2025 ước đạt 7,1 triệu tấn/năm; nhà máy lọc dầu Dung Quất hoạt động ổn định và có bước phát triển nên dự kiến sản lượng dầu năm 2025 đạt 7,2 triệu tấn/năm; một số dự án mới đi vào hoạt động trong năm 2025 sẽ góp phần tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh. Nhờ vậy, trong giai đoạn 2021 - 2025 phát triển công nghiệp tiếp tục giữ đà tăng trưởng, đạt nhiều kết quả tích cực so với thời kỳ trước.

⁷ Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 11/5/2021 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 3 (khóa XX) về huy động và sử dụng các nguồn lực để đẩy mạnh phát triển công nghiệp. Thực hiện Nghị quyết, UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định và Kế hoạch, trong đó đã giao nhiệm vụ cho các sở, ban, ngành, địa phương liên quan triển khai thực hiện: (1) số 998/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 về việc Kế hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025; (2) số 1125/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 về Đề án phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030; số 2125/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 về Đề án tái cơ cấu ngành công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045; số 222/KH-UBND ngày 28/12/2023 về Kế hoạch tái cơ cấu ngành Công Thương tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030.

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) hàng năm đều tăng so với năm trước, đến năm 2025 dự kiến đạt 112,9%, tăng 12,9 điểm % so với năm 2024.

Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh 2010) năm 2025 ước đạt 185.401 tỷ đồng, tăng 16,0% so với năm 2024, bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng 10,7%/năm, trong đó: Giá trị sản xuất công nghiệp của sản phẩm lọc hóa dầu năm 2025 ước đạt 58.174 tỷ đồng, tăng 13,3% so với năm 2024, bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng 5,9%/năm; giá trị sản xuất công nghiệp ngoài sản phẩm lọc hóa dầu năm 2025 ước đạt 127.227 tỷ đồng, tăng 17,2% so với năm 2024, bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng 13,4%/năm.

Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp năm 2025 ước đạt 30.191 tỷ đồng, tăng 17,1% so với năm 2024, bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng 11,6%/năm, trong đó: giá trị tăng thêm của sản phẩm lọc dầu ước đạt 8.179 tỷ đồng, tăng 13,3%, bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng 5,9%/năm; giá trị tăng thêm của công nghiệp không tính sản phẩm lọc dầu ước đạt 22.011 tỷ đồng, tăng 18,5%, bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng 14,2%/năm.

Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, tỷ trọng của khu vực công nghiệp - xây dựng trong GRDP có sự chuyển biến đáng kể, cụ thể: Năm 2020, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng chiếm 34,7%, trong đó, công nghiệp chiếm 26,1%; dự kiến đến năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng chiếm 40,7%, trong đó, công nghiệp chiếm 34,0%; chuyển dịch cơ cấu công nghiệp đạt mục tiêu đề ra.

Cơ cấu ngành công nghiệp trong GRDP giai đoạn 2021 - 2025

DVT: %

	2020	2021	2022	2023	2024	Ước 2025
Công nghiệp - xây dựng	34,7	40,3	44,5	42,9	41,0	40,7
<i>Trong đó: công nghiệp</i>	26,1	33,5	37,8	36,2	34,5	34,0

Ngành công nghiệp là trụ cột trong tăng trưởng và phát triển kinh tế của tỉnh, trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giữ vai trò chủ lực và là điểm sáng hiện nay trong phát triển công nghiệp của tỉnh, chiếm tỷ trọng rất cao (*năm 2025, chiếm gần 95% giá trị sản xuất ngành công nghiệp*). Cơ cấu giá trị sản xuất năm 2025 của một số ngành trong nội bộ ngành công nghiệp: Công nghiệp lọc hóa dầu (*tỷ trọng hơn 36%*); ngành luyện kim, sản xuất kim loại phát triển mạnh mẽ kể từ năm 2019, đây cũng là ngành thế mạnh chủ lực thứ 2 hiện nay của tỉnh (*tỷ trọng gần 31%*); công nghiệp chế biến thực phẩm, đồ uống⁸ là ngành thế mạnh của tỉnh nhờ khai thác tốt lợi thế nguồn nguyên liệu tại chỗ (*tỷ trọng 4,5%*); công nghiệp dệt may, da giày là ngành công nghiệp có lợi thế phát triển, chủ yếu tập trung ở Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Quảng Ngãi, Khu công nghiệp Tịnh Phong và một số cụm công nghiệp ở các địa phương vùng đồng bằng, sản phẩm của ngành phần lớn xuất khẩu (*tỷ trọng 3,8%*); công

⁸ Một số sản phẩm như: Thủy sản, tinh bột mỳ, bánh kẹo, nước khoáng, sữa, bia các loại...

ngành chế biến nông, lâm nghiệp⁹ và thủy sản được quan tâm đầu tư với sự tham gia từ nhiều loại hình kinh tế; một số sản phẩm đã từng bước thâm nhập và được đón nhận tại một số thị trường quốc tế có tiêu chuẩn cao, nhất là các sản phẩm từ Sâm Ngọc Linh và dược liệu; công nghiệp sản xuất máy móc, thiết bị¹⁰ cũng là ngành có thế mạnh của tỉnh. Các nhóm ngành công nghiệp khai khoáng; công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nhóm ngành cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải chiếm tỷ trọng nhỏ (khoảng 5,2%) trong giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh.

Tỉnh đang tích cực phối hợp với Bộ Công Thương trong việc xây dựng và hoàn thành Đề án Trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu Kinh tế Dung Quất theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ chính trị. Bên cạnh đó cũng thường xuyên quan tâm, tạo điều kiện hỗ trợ các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án¹¹ có quy mô lớn, có tác động lan tỏa, thúc đẩy phát triển KTXH tỉnh như: dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất, dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2, dự án Nhà máy sản xuất ray thép và thép đặc biệt, dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp VSIP II Quảng Ngãi (giai đoạn 1), các dự án Nhà máy điện tuabin khí hỗn hợp Dung Quất I, Dung Quất II, Dung Quất III, Khu công nghiệp và sản xuất dược liệu tập trung Đắc Tô,... tạo điều kiện đẩy mạnh phát triển công nghiệp.

⁹ Như: Keo lai, bạch đàn, quế và cây gỗ lớn bản địa; sản phẩm của ngành như dăm gỗ, bàn ghế gỗ ngoài trời chủ yếu xuất khẩu. Tuy nhiên, những năm gần đây ngành chế biến có tỷ trọng trong nội bộ ngành công nghiệp giảm dần, nguyên nhân thiếu nguồn nguyên liệu sản xuất và thị trường xuất khẩu dăm gỗ chủ yếu là Trung Quốc.

¹⁰ Sản phẩm chủ yếu là máy móc cơ khí công nghiệp nặng của Công ty TNHH Doosan Enerbility Việt Nam và Công ty TNHH hệ thống điện GE ở Khu Kinh tế Dung Quất, đây là những sản phẩm thay thế sản phẩm nhập khẩu, đồng thời cũng là sản phẩm xuất khẩu chủ lực được xuất sang nhiều nước trên thế giới và mang lại lượng lớn kim ngạch xuất khẩu cho tỉnh.

¹¹ **Cụ thể: (1) Dự án nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc hóa dầu Dung Quất:** Đã hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và bàn giao cho nhà đầu tư phần diện tích 108,2ha. Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn đã phê duyệt điều chỉnh Dự án và phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà thầu gói thầu Tư vấn thiết kế kỹ thuật tổng thể điều chỉnh (FEED). Theo kế hoạch dự kiến, hợp đồng Tư vấn thiết kế kỹ thuật tổng thể điều chỉnh sẽ có hiệu lực và họp khởi động (kick-off meeting) vào đầu tháng 9/2024, tiến độ thực hiện thiết kế kỹ thuật tổng thể (FEED) là 07 tháng tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực. **(2) Dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất:** Được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư tại Công văn 152/TTg-CN ngày 25/01/2017; Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư với diện tích 342,62 ha, công suất thiết kế là 06 triệu tấn/năm, tổng vốn đầu tư 86.000 tỷ đồng và được phân thành 02 giai đoạn: (i) Giai đoạn I đã cấp phép lần đầu 4 triệu tấn/năm (đã đi vào hoạt động). (ii) Giai đoạn II điều chỉnh nâng công suất từ 4 triệu tấn/năm lên 6 triệu tấn/năm: Đang trong giai đoạn hoàn thiện thủ tục pháp lý. Hiện nay, Nhà đầu tư đang tiếp tục hoàn thiện thủ tục thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi theo đúng quy định. **(3) Dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2:** Dự án được cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời chấp thuận nhà đầu tư với diện tích 276,33 ha, công suất thiết kế 5,6 triệu tấn/năm, tổng vốn đầu tư 85.000 tỷ đồng. Dự án được triển khai từ Quý I/2022, năm 2025 đã vận hành chạy thử trước 01 dây chuyền với công suất 2,3 triệu tấn/năm. **(4) Các dự án điện khí:** (i) Dự án Nhà máy điện TBKHH Dung Quất I và Dự án Nhà máy điện TBKHH Dung Quất III, có công suất 750MW/mỗi nhà máy (do Tập đoàn Điện lực Việt Nam làm chủ đầu tư đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định chủ trương đầu tư số 1460/QĐ-TTg và số 1461/QĐ-TTg ngày 25/10/2019): Hiện nay đã lập hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi nhưng chưa thể trình cấp thẩm quyền phê duyệt để có cơ sở triển khai các bước tiếp theo vì chưa xác định được thời điểm cấp khí từ mỏ Cá Voi Xanh. (ii) Dự án Nhà máy điện TBKHH hỗn hợp Dung Quất II, do Sembcorp Utilities Pte Ltd (Singapore) làm chủ đầu tư theo hình thức BOT với công suất 750MW, vốn đầu tư khoảng 793 triệu USD, sử dụng nhiên liệu khí từ mỏ khí Cá Voi Xanh. Nhà đầu tư đã lập, trình báo cáo nghiên cứu khả thi và đã được Bộ Công Thương phê duyệt tại Quyết định số 4345/QĐ-BCT ngày 20/11/2018. Hiện nay, Nhà đầu tư đang phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện các bước tiếp theo đối với dự án, trong đó có việc ký hợp đồng dự án BOT theo quy định.

2.2.2. Về phát triển nông nghiệp

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản (theo giá so sánh 2010) năm 2025 ước đạt 31.208 tỷ đồng, tăng 5,2% so với năm 2024, bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng 4,7%/năm. Trong đó, nông nghiệp tăng 5,1%/năm, lâm nghiệp tăng 5,3%/năm, thủy sản tăng 3,5%/năm. Cơ cấu nội bộ ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chưa có sự chuyển dịch đáng kể qua các năm trong giai đoạn 2021 - 2025: Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp chiếm khoảng 66%; lâm nghiệp chiếm khoảng 8% và thủy sản chiếm khoảng 26%. Giá trị tăng thêm ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2025 ước đạt 15.409 tỷ đồng, tăng 5,2% so với năm 2024, bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng 4,6%/năm.

a) Phát triển nông nghiệp

- *Về trồng trọt:* Năm 2025, sản lượng cây lương thực có hạt ước đạt 634.347 tấn, bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng 1,47%/năm. Diện tích lúa gieo trồng ước đạt 95.802,5 ha, năng suất ước đạt 58 tạ/ha, sản lượng 555.882,6 tấn; bình quân giai đoạn 2021 - 2025: Diện tích tăng 0,31%/năm, năng suất tăng 1,46%/năm, sản lượng tăng 1,77%/năm. Diện tích ngô gieo trồng ước đạt 13.928,5 ha, năng suất 56,3 tạ/ha, sản lượng 78.464,4 tấn; bình quân giai đoạn 2021 - 2025: Diện tích giảm 2,2%/năm, năng suất tăng 1,72%/năm, sản lượng giảm 0,52%/năm.

Đã rà soát, phát triển các loại cây trồng chủ lực, nâng cao năng suất, sản lượng đối với một số cây trồng truyền thống để phục vụ các cơ sở chế biến; mở rộng diện tích một số cây trồng đặc hữu, cây trồng mới có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng từng vùng; đến năm 2025, diện tích trồng cây ăn quả các loại ước đạt 13.547 ha, bình quân giai đoạn 2021-2025 tăng 9,7%/năm, cây mắc ca ước đạt 4.418 ha, bình quân tăng 127,6%/năm, cây cà phê ước đạt 34.568 ha, bình quân tăng 6,5%/năm, cây cao su ước đạt 81.211 ha, bình quân tăng 1,7%/năm. Tăng cường dồn điền đổi thửa, tích tụ đất nông nghiệp để hình thành “cánh đồng lớn”, vùng sản xuất tập trung, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, nông nghiệp hữu cơ gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ. Các mô hình kinh tế trong nông nghiệp hoạt động ngày càng hiệu quả. Công tác cấp, quản lý mã vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, khai thác chỉ dẫn địa lý và nhãn hiệu nông sản được chú trọng. Hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp có nhiều tiến bộ.

Nhiều công trình thủy lợi được đầu tư, nâng cấp và kiên cố hóa hệ thống kênh mương nội đồng; hệ thống công trình thủy lợi bảo đảm cấp nước tưới chủ động cho 103.145 ha/ 142.009 ha tổng diện tích gieo trồng cả năm 2025 (*đạt 72,63% diện tích gieo trồng cần tưới*); hạ tầng thủy lợi từng bước được đầu tư kiên cố nên tăng mức ổn định cấp nước, giảm tổn thất, tiết kiệm nước trong sản xuất nông nghiệp, tăng cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp. Tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp từng bước tăng lên (*toàn tỉnh có khoảng 6.186 máy làm đất, 9.622 máy phun thuốc BVTV, 932 máy gặt đập liên hợp phục vụ trong sản xuất trồng trọt. Tỷ lệ cơ giới hóa các khâu sản xuất: làm đất lúa 85 %, phun thuốc BVTV bằng máy bơm có động cơ 30%, thu hoạch bằng máy GDLH 75%*).

- *Về chăn nuôi*: Phát triển đàn bò theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng; chuyển đổi giống có chất lượng như: Bò Zêbu thay cho bò vàng địa phương, tỷ trọng bò lai khoảng 67,01%; ước đến cuối năm 2025, tổng đàn bò đạt 365.450 con, bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng 0,3%/năm. Đàn heo đảm bảo ổn định về sản lượng và chất lượng, ước đến cuối năm 2025 đạt 612.109 con (*không tính heo con chưa tách mẹ*); bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng 3,11%/năm; sản lượng thịt hơi xuất chuồng tăng 4,52%/năm. Công tác phòng chống dịch gia súc, gia cầm được quan tâm, kịp thời thực hiện các biện pháp chống dịch theo quy định... Nhờ đó, nhiều ổ dịch được khống chế gọn, không lây lan ra diện rộng, dịch bệnh qua các năm cũng giảm dần.

b) Phát triển lâm nghiệp

Tổng diện tích rừng năm 2025 ước đạt hơn 966.900 ha; diện tích rừng trồng mới hàng năm bình quân giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 27,75 ha/năm. Tỷ lệ che phủ rừng năm 2025 ước đạt 59,45%. Sản lượng gỗ khai thác từ rừng trồng năm 2025 ước đạt 2.580.621 m³, bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng 2,4%/năm. Đẩy mạnh công tác chỉ đạo và tổ chức giao rừng cho các thành phần kinh tế quản lý sử dụng; thực hiện liên kết trồng rừng sản xuất, trồng rừng gỗ lớn theo hướng có Chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC. Chú trọng bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng; tổ chức nhiều đợt truy quét, kiểm tra, tuần tra quản lý bảo vệ rừng, phát hiện kịp thời những vụ vi phạm quy định quản lý bảo vệ rừng. Đã tập trung phát triển được liệu dưới tán rừng, trong đó hơn 3.922 ha rừng có trồng Sâm Ngọc Linh. Việc hình thành vùng được liệu trọng điểm quốc gia và trung tâm sản xuất được liệu lớn của cả nước đạt được một số kết quả bước đầu.

c) Phát triển thủy sản

Sản lượng thủy sản năm 2025 ước đạt 300.397 tấn. Trong đó, sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 282.850 tấn (*trong đó khai thác biển 280.450 tấn, khai thác nội địa 2.400 tấn*), so với năm 2020 tăng 19.883 tấn.

Tăng cường công tác quản lý hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, các hệ sinh thái biển, giảm các nghề có tác động xấu đến môi trường và nguồn lợi, phát triển nghề cá theo hướng bền vững, có trách nhiệm và hội nhập quốc tế, nhằm nâng cao đời sống, cải thiện sinh kế của người dân vùng ven biển, góp phần đảm bảo an ninh, quốc phòng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Chuyển dịch cơ cấu tàu thuyền theo đúng định hướng, giảm dần tàu cá có chiều dài dưới 15m khai thác vùng biển ven bờ; ước năm 2025 có 4.890 chiếc với tổng công suất 1.811.957 CV, có 3.026 chiếc có chiều dài từ 15m trở lên, giảm 9,37% so với năm 2020, giảm 1,66% so với năm 2024. Trong những năm qua, được sự tuyên truyền, vận động của các cấp chính quyền, ngư dân mạnh dạn nâng cấp cải hoán tàu cá công suất lớn, chuyển đổi nghề khai thác thủy sản thân thiện với môi trường (*giảm tỷ lệ nghề lưới kéo từ 30,99% vào năm 2020 xuống còn 24,31% vào năm 2025*), áp dụng những tiến bộ về kỹ thuật trong khai thác và bảo quản, nhờ vậy sản lượng khai thác thủy sản qua các năm đều tăng.

Chú trọng định hướng phát triển nuôi trồng thủy sản theo từng vùng, địa phương, khu vực phù hợp với thực tiễn. Đến năm 2025, diện tích nuôi trồng thủy sản ước đạt 2.531 ha, sản lượng ước đạt 17.547 tấn. Diện tích sản xuất muối qua các năm thường dao động từ 80 - 100 ha¹²; sản lượng muối hàng năm thường giao động từ 3.500 - 7.000 tấn. Sản xuất muối theo phương pháp phơi nước phân tán, kết tinh trên nền đất truyền thống và nền bạt HDPE. Trên địa bàn tỉnh có 03 công ty chế biến muối, 02 Hợp tác xã sản xuất muối. Các công ty được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị tương đối đầy đủ, đảm bảo các điều kiện sản xuất kinh doanh¹³.

Về công tác chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU): Thời gian qua, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương nỗ lực triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chống khai thác IUU trên địa bàn tỉnh và đạt được một số kết quả nhất định theo các khuyến nghị của EC, trong đó: Việc tuyên truyền chống khai thác IUU đã đến được chủ tàu, thuyền trưởng và ngư dân của địa phương; hầu hết đều hưởng ứng tích cực và nhận thấy trách nhiệm trong việc chống khai thác IUU; cơ bản kiểm soát, ngăn chặn tàu cá và ngư dân Quảng Ngãi vi phạm vùng biển nước ngoài để khai thác hải sản trái phép; công tác quản lý tàu cá ngày càng chặt chẽ, số lượng tàu cá giảm dần theo đúng định hướng; thực hiện tốt công tác theo dõi, kiểm tra, kiểm soát hoạt động tàu cá trên biển; công tác kiểm tra tàu cá tại cảng, giám sát sản lượng thủy sản bốc dỡ qua cảng phục vụ truy xuất nguồn gốc, cấp xác nhận, chứng nhận thủy sản được triển khai thực hiện đồng bộ, đảm bảo theo quy định.

d) Về phát triển hợp tác xã và tổ hợp tác; kinh tế trang trại; liên kết sản xuất trong nông nghiệp

Tính đến nay, toàn tỉnh hiện có 497 hợp tác xã (HTX) nông nghiệp¹⁴, so với thời điểm 31/12/2020, số HTX nông nghiệp tăng lên 163 HTX. Toàn tỉnh có 40 tổ hợp tác (THT) nông nghiệp¹⁵. Hoạt động của các THT đã phân nào hỗ trợ và nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh của các hộ thành viên, tạo việc làm và thu nhập cho một bộ phận lao động.

Có 364 trang trại¹⁶ đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường*). Tổng diện tích đất của các trang trại

¹² Nguyên nhân: Một số diện tích làm muối không đưa vào sản xuất, do thuộc vùng trũng thấp, chi phí để cải tạo lớn trong khi giá muối các tháng đầu năm còn thấp, ngoài ra một phần diện tích bị bỏ hoang vì giá muối các năm thường ở mức thấp và không ổn định, lượng tồn kho hàng năm lớn.

¹³ Trong đó, có 01 cơ sở sử dụng 100% nguồn nguyên liệu từ đồng muối Sa Huỳnh, tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị gia tăng cao: Muối hầm, muối tre, muối ớt, muối tiêu, muối rong biển... góp phần nâng cao giá trị hạt muối Sa Huỳnh.... Đặc biệt cơ sở đã liên kết với hộ diêm dân để sản xuất hoa muối đây là sản phẩm có giá trị về kinh tế cao và được khách hàng khó tính rất ưa chuộng.

¹⁴ Gồm: 03 HTX trồng trọt, 02 HTX chăn nuôi, 02 HTX lâm nghiệp, 09 HTX thủy sản (03 HTX nuôi trồng, 06 HTX khai thác), 02 HTX diêm nghiệp và 479 HTX tổng hợp.

¹⁵ Gồm: 15 THT trồng trọt, 14 THT chăn nuôi, 08 THT thủy sản, 01 THT SX đồ thủ công mỹ nghệ, 02 THT điều tiết nước, dùng nước.

¹⁶ Gồm: 151 trang trại chăn nuôi chiếm 41,5%; 187 trang trại trồng trọt chiếm 51,4%; 02 trang trại lâm nghiệp chiếm 0,5%; 24 trang trại tổng hợp chiếm 6,6%. Trang trại đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời là 20 trang trại, trang trại có liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm là 36 trang trại.

là 412,8 ha, giá trị vốn đầu tư và vốn sản xuất kinh doanh bình quân một trang trại là 10.455,38 triệu đồng, tổng số lao động thường xuyên của các trang trại là 715 người, tổng giá trị sản xuất của các trang trại là 743.722,58 triệu đồng. Tổ chức liên kết sản xuất trong nông nghiệp được thực hiện hiệu quả, nhiều HTX thực hiện việc liên kết giữa nông dân, HTX, doanh nghiệp để tổ chức sản xuất, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và tiêu thụ sản phẩm cho thành viên.

đ) Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)

Toàn tỉnh có 642 sản phẩm¹⁷ đạt OCOP 3 - 5 sao; hơn 600 sản phẩm OCOP lên sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Quảng Ngãi; đã xây dựng 33 Điểm¹⁸ giới thiệu và bán sản phẩm OCOP. Qua đó, nâng cao giá trị, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp của tỉnh; cải thiện đời sống của nông dân các vùng nông thôn, giảm nghèo bền vững; góp phần xây dựng nông nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả với chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng và hướng tới xuất khẩu; khai thác tốt tiềm năng, nâng cao giá trị, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm của tỉnh trên thị trường.

2.2.3. Về thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG)

Đã tích cực tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG. Ngay sau khi có các văn bản quy định, chỉ đạo và hướng dẫn của Trung ương đối với việc triển khai các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025, Tỉnh đã kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành thực hiện 03 Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh, thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025 và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, cấp huyện; thành lập các Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và Nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025. Đồng thời, hàng năm Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị về việc tập trung thực hiện hiệu quả 03 Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh, trong đó, xác định những nhiệm vụ trọng tâm trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện; phân công từng nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư trong triển khai thực hiện 03 Chương trình.

Công tác xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo được tích cực thực hiện; triển khai sâu rộng, hiệu quả xây dựng thôn (làng) nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Quảng Ngãi năm 2025, sau khi sắp xếp, tỉnh Quảng Ngãi có 86 xã thực hiện xây dựng nông thôn mới¹⁹; qua rà soát theo nguyên tắc, xác định xã đạt chuẩn nông thôn mới thì trên địa bàn tỉnh dự kiến có 45 xã đạt chuẩn nông thôn mới, không còn xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; tỷ lệ

¹⁷ Trong đó, có 02 sản phẩm đạt 5 sao, có 48 sản phẩm đạt 4 sao và 592 sản phẩm đạt 3 sao.

¹⁸ Trong đó, Nhà nước hỗ trợ 12 điểm; xã hội hóa 100% có 21 điểm.

¹⁹ Trước khi sáp nhập, tính đến 30/6/2025, tỉnh Quảng Ngãi (cũ) có 03 huyện đạt chuẩn NTM, có 98 xã đạt chuẩn NTM; 12 xã đạt chuẩn NTM nâng cao; tỉnh Kon Tum (cũ) có 51 xã đạt chuẩn NTM; 10 xã đạt chuẩn NTM nâng cao; 4 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu.

hộ đồng bào dân tộc thiểu số có đất ở, đất sản xuất đạt 98,86%; tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 2,17%/năm; trong đó miền núi giảm bình quân 4,64%/năm.

2.2.4. Phát triển đa dạng các ngành dịch vụ

Phát triển đa dạng các ngành dịch vụ, trong đó, đẩy mạnh phát triển du lịch được xác định là nhiệm vụ trọng tâm đặt ra của tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2025. Tỉnh đã ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn, trong đó đã giao cụ thể các nhiệm vụ, giải pháp cho các Sở, ngành triển khai thực hiện thúc đẩy tăng trưởng khu vực dịch vụ. Tuy nhiên, *giá trị sản xuất khu vực dịch vụ (theo giá so sánh 2010) năm 2025 ước đạt 49.434 tỷ đồng, tăng 8% so với năm 2024, bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng 6,05%/năm. Giá trị tăng thêm ngành dịch vụ năm 2025 ước đạt 28.294 tỷ đồng, tăng 7,7% so với năm 2024, bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng 5,91%/năm.*

Trong năm 2021, dịch Covid-19 bùng phát mạnh nên các địa phương trên địa bàn tỉnh thực hiện các biện pháp chống dịch đặc thù, các các hoạt động dịch vụ du lịch, lưu trú, ăn uống và dịch vụ tiêu dùng khác đều giảm nên đã ảnh hưởng lớn đến tổng mức bán lẻ hàng hóa và hầu hết các ngành dịch vụ giảm so với năm 2020. Từ tháng 4/2022 tình hình dịch bệnh Covid-19 đã được kiểm soát. Năm 2023 đến năm 2025, hoạt động ngành thương mại khôi phục trở lại và phát triển mạnh. Giai đoạn 2021 - 2025 xác nhận cho doanh nghiệp đăng ký tổ chức 07 Hội chợ cấp tỉnh, 17 hội chợ cấp huyện; tổ chức 41 phiên chợ/ đợt hàng Việt về nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo; tổ chức 08 Hội nghị kết nối cung cầu, tiêu thụ sản phẩm hàng Việt; hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, đẩy mạnh xuất khẩu, góp phần thúc đẩy sản xuất; hỗ trợ hơn 603 lượt doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh tham gia hơn 76 đợt hội chợ, phiên chợ, hội nghị kết nối cung cầu trong và ngoài tỉnh; tổ chức 06 gian hàng tại Chương trình kết nối thúc đẩy hợp tác đầu tư, thương mại, du lịch Việt Nam - Lào - Thái Lan tại tỉnh Champasak (Lào), tham gia Hội chợ triển lãm tại tỉnh Sê Kông và tỉnh Attapur (Lào). Đặc biệt, trong năm 2025 đã tổ chức thành công: (i) tổ chức 02 Hội nghị kết nối cung cầu, tiêu thụ sản phẩm hàng Việt Nam tại thị trường trong nước năm 2025 giữa tỉnh Quảng Ngãi với nhà phân phối các tỉnh khu vực Bắc Trung Bộ tại tỉnh Quảng Trị đã kết nối thành công 20 cặp doanh nghiệp ký kết hợp đồng hợp tác, các sản phẩm của 10 doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi²⁰ đã kết nối vào 6 hệ thống phân phối²¹ của tỉnh Quảng Trị; (ii) Hội chợ Công Thương - OCOP năm 2025 từ ngày 29/8/2025 - 02/9/2025 tại Quảng trường Phạm Văn Đồng, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng

²⁰ Hợp tác xã sản xuất và kinh doanh nấm Đức Nhuận; Cơ sở sản xuất kinh doanh và chế biến hành tỏi Lý Sơn Thanh Thúy; Hợp tác xã Nông nghiệp sạch Sơn Hà; Công ty TNHH một thành viên thu mua thủy hải sản Trang Hùng; Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp hoa Nghĩa Hiệp; Công ty TNHH một thành viên sản xuất- thương mại- dịch vụ Mười Quý; Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khoa học và Công nghệ Nông Tín; Công ty TNHH Một thành viên Nấm Dược Liệu Ninh Trương; Hợp tác xã Sản xuất và kinh doanh hàng nông sản Bốn Vân; Hộ kinh doanh sản xuất thương mại OLY.

²¹ Công ty TNHH MTV TMDV Sài Gòn - Đông Hà (Siêu thị Co.opmart Quảng Trị); Công ty TNHH sản xuất và thương mại nông sản sạch Trần Lan; HTX dịch vụ nông nghiệp Hùng Anh; HKD đặc sản OCOP- Nông sản sạch Quảng Bình; Siêu thị Thái Hậu; Hộ kinh doanh Bình Minh mart.

Ngãi với quy mô 60 gian hàng, thu hút hơn 60 lượt doanh nghiệp tham gia, 25.000 lượt khách đến tham quan mua sắm, doanh thu ước đạt 05 tỷ đồng; tại Hội chợ, nhiều gian hàng đã tổ chức livestream bán hàng trực tuyến và trực tiếp mang lại hiệu quả cao; (iii) Tổ chức gian hàng, khu vực trưng bày, quảng bá sản phẩm hàng hóa tiêu biểu OCOP của tỉnh Quảng Ngãi để trưng bày tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; (iv) Tổ chức Khu trưng bày, giới thiệu sản phẩm tỉnh Quảng Ngãi tại Hội chợ Mùa Thu năm 2025 diễn ra từ ngày 25/10/2025 - 04/11/2025 tại Trung tâm Triển lãm Việt Nam (VEC) nhằm tạo môi trường kết nối cung - cầu, kích cầu tiêu dùng, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, mở rộng xuất nhập khẩu.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng dự kiến đến năm 2025 đạt 133.745 tỷ đồng; bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng 11,8%/năm. Trong những năm qua, nhu cầu sử dụng các loại dịch vụ tăng lên đáng kể, làm thay đổi cơ cấu các ngành kinh doanh trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng. Hình thức bán lẻ cũng đa dạng và phong phú hơn. Bên cạnh hệ thống chợ được củng cố và phát triển, siêu thị cũng được mở ra với phương thức bán tự chọn và chất lượng hàng hóa đảm bảo hơn, giá cả được niêm yết, tạo thuận tiện cho người tiêu dùng.

Hoạt động vận tải chuyển biến tích cực cả về số lượng và chất lượng phục vụ; phát triển hợp lý các phương thức vận tải, dịch vụ hỗ trợ vận tải, vận tải đa phương thức, góp phần cải thiện dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh. Lượng khách và lượng hàng hóa vận chuyển tăng bình quân lần lượt là 5,3%/năm và 13,5%/năm; doanh thu vận tải bình quân hàng năm đạt hơn 7.600 tỷ đồng, doanh thu vận tải bình quân tăng 14,8%/năm.

Dịch vụ bưu chính, viễn thông và internet đã “phủ sóng” đến hầu hết địa bàn, điểm dân cư, đáp ứng nhu cầu thông tin, liên lạc, giúp người dân có thể tiếp cận được các thông tin thiết yếu cũng như thông tin về sản xuất, kinh doanh, giải trí... Mạng bưu chính với 397 điểm phục vụ; mạng thông tin di động với hơn 3.095 vị trí trạm BTS; 100% số xã, phường, đặc khu đã phủ cáp quang và sóng thông tin di động; hầu hết các thôn, bản trên địa bàn tỉnh có sóng di động 3G, 4G. Mạng 5G phủ 76% khu vực thành phố và trung tâm hành chính huyện thuộc tỉnh Kon Tum (cũ), 90% khu vực thành phố, Khu Công nghiệp VSIP, Khu Công nghiệp Dung Quất tỉnh Quảng Ngãi.

Ngành ngân hàng trên địa bàn tỉnh đã vượt qua khó khăn, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động. Ước đến cuối năm 2025, tổng nguồn vốn huy động đạt 136.515 tỷ đồng, tăng 13,16% so với năm 2024, bình quân tăng 12,5%/năm; tổng dư nợ tín dụng đạt 135.890 tỷ đồng, tăng 5,18% so với năm 2024, bình quân tăng 8,9%/năm; nợ xấu dưới mức 2% so với tổng dư nợ.

Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, triển khai nhiều giải pháp nhằm hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn tỉnh tận dụng có hiệu quả các FTA; cung cấp kịp thời thông tin về các biện pháp phòng vệ thương mại của nước nhập khẩu; cập nhật, thông báo những thay đổi trong chính sách xuất nhập khẩu và thông quan từ các đối tác thương mại lớn đến các doanh

nghiệp xuất nhập khẩu. Qua đó, giúp doanh nghiệp đã tận dụng tốt các Hiệp định thương mại tự do (*FTA, FTA thế hệ mới*) để tìm kiếm thị trường xuất khẩu. Nhờ đó kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2021 - 2025, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn do giá nguyên liệu đầu vào tăng, lạm phát, suy thoái kinh tế ở các thị trường nhập khẩu lớn, nhưng các doanh nghiệp của tỉnh vẫn duy trì và mở rộng được thị trường xuất khẩu hàng hóa, theo đó hoạt động xuất nhập khẩu của tỉnh tiếp tục đạt những kết quả tích cực. Kim ngạch xuất khẩu năm 2025 ước đạt 2.890 triệu USD, bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng 11,3%/năm, tăng hơn 1,7 lần với năm 2020²². Kim ngạch nhập khẩu năm 2025 ước đạt 5.550 triệu USD, bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng 27%/năm; sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là: Dầu thô, sắt thép, máy móc, phụ tùng thay thế, bông, sợi, vải, nguyên phụ liệu... phục vụ nhu cầu sản xuất ở tỉnh.

Đẩy mạnh phát triển du lịch, từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn được xác định là nhiệm vụ trọng tâm²³ của tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2025. Tuy nhiên, trong năm 2021 và những tháng đầu năm 2022, du lịch gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19; sau khi dịch được kiểm soát, hoạt động du lịch được phục hồi, Tỉnh đã triển khai²⁴ thực hiện hiệu quả các hoạt

²² Trong các nhóm hàng xuất khẩu, nhóm hàng hóa khác (*cuộn cảm, thiết bị, hệ thống điều phối khí xả, bọc đệm ghế, đệm lò xo, bộ phận của ghế, bộ dây điện, bộ dây nguồn, nệm mút, khung giường bằng kim loại, bàn nhựa plastic, giường kim loại, ghế sofa, vỏ bọc ghế sofa, dây thun khoanh*) chiếm tỷ trọng cao thứ nhất và chiếm 27,8%; sắt thép chiếm tỷ trọng cao hai và chiếm 26% đó là nhờ Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất đi vào hoạt động mạnh từ năm 2020 và dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2 và chạy thử nghiệm 01 dây chuyền vào quý II/2025; nhóm hàng dệt may, sợi, da giày chiếm tỷ trọng cao thứ ba và chiếm 17,8%, chủ yếu thuộc Khu công nghiệp VSIP Quảng Ngãi và nhờ khai thác được lực lượng lao động dồi dào ở tỉnh; nhóm hàng chế biến nông, lâm, thủy sản, đồ uống chiếm tỷ trọng cao thứ 4 và chiếm 12,2%; nhóm hàng nông sản chiếm tỷ trọng cao thứ 5 và chiếm 10,8%; nhóm hàng cơ khí máy móc thiết bị công nghiệp nặng trong giai đoạn trước luôn chiếm tỷ trọng hàng đầu về kim ngạch xuất khẩu của tỉnh nhưng trong giai đoạn 2021 - 2025 chỉ chiếm tỷ trọng thấp và chiếm 3,2%, nguyên nhân chủ yếu do Công ty TNHH Doosan Enerbility Việt Nam và Công ty TNHH hệ thống điện GE Việt Nam chủ yếu sản xuất hàng hóa thay thế hàng nhập khẩu và hàng hóa xuất khẩu theo đơn đặt hàng. Riêng sản phẩm dầu FO đến năm 2025 đạt kim ngạch 65 triệu USD, chiếm tỷ trọng 2,2% tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh.

²³ Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 02/11/2021 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 5 (*khóa XX*) về đẩy mạnh phát triển du lịch, từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

²⁴ Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 10/3/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án phát triển du lịch Quảng Ngãi đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 13/5/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án xây dựng chương trình định vị và phát triển thương hiệu du lịch Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, công bố Biểu trưng (logo) du lịch Quảng Ngãi; Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh về phục hồi hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 26/6/2023 về việc Triển khai thực hiện Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 18/5/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh phục hồi, tăng tốc phát triển du lịch hiệu quả, bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 22/01/2024 về triển khai thực hiện Đề án phát triển du lịch Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trong năm 2024; Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 về việc Ban hành Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến 2025, tầm nhìn đến 2030; Quyết định số 1239/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án Tổ chức khai thác bay dù lượn gắn với phát triển du lịch tại một số địa phương trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 555/QĐ-UBND ngày 27/9/2023 của UBND tỉnh Kon Tum về phê duyệt Đề án tổ chức Festival Sâm Ngọc Linh Kon Tum Việt Nam; Quyết định số 538/QĐ-UBND ngày 26/8/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án phát triển đa dạng các loại hình, sản phẩm du lịch tỉnh Kon Tum đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Kế hoạch số 4001/KH-UBND, ngày 08/11/2021 của UBND tỉnh về triển khai các chính sách kích cầu, phục hồi hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh Kon Tum theo tình hình dịch Covid-19; Kế hoạch số 3250/KH-UBND ngày 29/9/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 18/5/2022 về phát triển du lịch tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 3412/KH-UBND ngày 09/10/2023 của UBND tỉnh Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số

động quản lý, khai thác, phát triển sản phẩm, liên kết, xúc tiến, hợp tác và quảng bá du lịch. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong công tác xúc tiến, quảng bá du lịch; tăng cường quảng bá du lịch Quảng Ngãi trên mạng xã hội... Chủ trương phát triển Lý Sơn thành trung tâm du lịch biển - đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được tích cực triển khai thực hiện. Khu du lịch Măng Đen được quy hoạch bài bản, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, hạ tầng và chất lượng dịch vụ được nâng lên. Tập trung xây dựng và phát triển các sản phẩm du lịch mới, đặc trưng riêng, trọng tâm là du lịch tham quan, nghiên cứu văn hóa, lịch sử, tâm linh, du lịch thể thao mạo hiểm, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng. Năm 2025, tổng lượng khách ước đạt khoảng 4,9 triệu lượt; tổng doanh thu du lịch ước đạt 2.640 tỷ đồng.

2.2.5. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại

Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, tạo động lực cho phát triển là nhiệm vụ đột phá²⁵ của tỉnh trong giai đoạn 2021-2025. Đầu tư phát triển là một trong những yếu tố quyết định tăng trưởng kinh tế và giải quyết nhiều vấn đề xã hội, vì hoạt động này trực tiếp làm tăng tài sản cố định, tài sản lưu động, tài sản trí tuệ và số lượng cũng như chất lượng nguồn nhân lực, đồng thời góp phần quan trọng vào việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia nhằm nâng cao mức sống dân cư và mặt bằng dân trí, bảo vệ môi trường sinh thái và đưa các chương trình phát triển KTXH vào cuộc sống.

Nhận thức được vai trò quan trọng của đầu tư phát triển như vậy nên những năm qua tỉnh đã có nhiều chính sách và giải pháp khơi dậy nguồn nội lực và tranh thủ nguồn lực từ bên ngoài để huy động vốn cho đầu tư phát triển. Nhờ đó, tổng vốn đầu tư toàn xã hội trong 5 năm 2021 - 2025 theo giá hiện hành ước đạt khoảng 339.789 tỷ đồng.

- *Về phát triển hạ tầng cung cấp điện:* Trong thời gian qua, trên địa bàn tỉnh thu hút đầu tư các dự án năng lượng tái tạo, sử dụng công nghệ tiên tiến gắn với bảo vệ môi trường. Kết quả, trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi hiện có:

+ Thủy điện: 56 nhà máy đang vận hành với tổng công suất 1.085,5 MW; 17 dự án đang triển khai thi công với tổng công suất 336,9 MW; 12 dự án đã Quyết định chủ trương đầu tư, chuẩn bị triển khai thi công với tổng công suất 137,2 MW; 25 dự án chuẩn bị các thủ tục lựa chọn Nhà đầu tư với tổng công suất 249,7 MW; 27 dự án tiềm năng được cập nhật điều chỉnh bổ sung trong Quy hoạch, Kế hoạch thực hiện điện VIII điều chỉnh với tổng công suất 191,3 MW và 01 dự án thủy điện tích năng với công suất 300 MW.

82/NQ-CP ngày 18/5/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh phục hồi, tăng tốc phát triển du lịch hiệu quả, bền vững; Kế hoạch số 1253/KH-UBND ngày 16/04/2025 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Công điện số 34/CD-TTg ngày 10/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy phát triển du lịch, bảo đảm thực hiện tốc độ tăng trưởng kinh tế hai con số.

²⁵ Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 24/8/2021 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 4 (khóa XX) về đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại tạo động lực cho phát triển. Triển khai thực hiện Nghị quyết, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1715/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 phê duyệt Đề án Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại tạo động lực cho phát triển, giai đoạn 2021 - 2025.

+ Điện gió (782 MW): 01 dự án đã thi công hoàn thành với công suất 50 MW, đang thực hiện các thủ tục pháp lý để phát điện; 01 dự án đang xin điều chỉnh chủ trương đầu tư với công suất 103,5 MW; 06 dự án đã có trong Quy hoạch điện VIII điều chỉnh, đang đề xuất cập nhật vào Quy hoạch tỉnh với tổng công suất 582,75 MW; 04 dự án với tổng công suất 149,25 đã được phân bổ công suất theo Quy hoạch điện VIII điều chỉnh, đang đề xuất bổ sung vào Quy hoạch tỉnh.

+ Điện mặt trời (905 MW): 03 dự án điện mặt trời đã vận hành với tổng công suất 105 MW; 01 dự án đã quyết định chủ trương đầu tư, đang chuẩn bị đầu tư với tổng công suất 160 MW; 8 dự án đã có trong Quy hoạch điện VIII điều chỉnh, đang đề xuất cập nhật vào Quy hoạch tỉnh với tổng công suất 530 MW; 04 dự án với tổng công suất 110 MW đã được phân bổ công suất trong Quy hoạch điện VIII điều chỉnh, đang đề xuất bổ sung vào Quy hoạch tỉnh.

+ Điện sinh khối: 03 dự án với tổng công suất 86 MW; Điện rác: 01 dự án với công suất 15 MW.

- *Về phát triển hạ tầng thương mại*: Trong thời gian qua, trên địa bàn tỉnh đã đầu tư phát triển mới và đưa vào hoạt động 02 trung tâm thương mại (*Trung tâm thương mại Vincom Plaza Quảng Ngãi và Trung tâm thương mại và Siêu thị Hùng Cường Big C*), các siêu thị *Vinmart Quảng Ngãi và bách hóa xanh*. Giai đoạn 2021 - 2025 đầu tư xây mới 08 chợ²⁶; nâng cấp cải tạo 07 chợ²⁷. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 03 Trung tâm thương mại hạng III; 12 siêu thị²⁸; 181 chợ²⁹; 357 cửa hàng bán lẻ xăng dầu, 10 thương nhân đầu mối, thương nhân phân phối xăng dầu có trụ sở trên địa bàn tỉnh; 39 cửa hàng tiện ích (*29 cửa hàng Winmart⁺, 10 cửa hàng Bách Hóa Xanh*); 23 cửa hàng tự chọn và trên 6.000 cơ sở bán lẻ hàng hóa với nhiều loại hình khác nhau như cửa hàng tiện lợi, cửa hàng kinh doanh, cửa hàng tổng hợp, đại lý phân phối, bán lẻ rộng khắp trên địa bàn tỉnh.

- *Phát triển hạ tầng cụm công nghiệp (CCN)*: Công tác phát triển hạ tầng CCN trên địa bàn tỉnh đã được chú trọng và triển khai một cách đồng bộ, góp phần nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư và phát triển sản xuất công nghiệp. Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án phát triển khu kinh tế, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Phương án phát triển CCN giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2050. Đồng thời, thường xuyên hỗ trợ, hướng dẫn các địa phương và nhà đầu tư trong quá trình thực hiện các nội dung, thủ tục đầu tư hạ tầng CCN và các dự án sản xuất công nghiệp. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 33 CCN đã thành lập, tổng diện tích 888,955 ha. Trong đó: 23 CCN với diện tích 552,255 ha đã đầu tư xây

²⁶ Xây dựng mới 08 chợ: (1) Chợ Mới xã Đồng Sơn; (2) chợ Tịnh Đông xã Trường Giang; (3) chợ Ga xã Tịnh Thọ; (4) chợ Trung tâm xã Bình Thuận, xã Vạn Tường; (5) chợ Trung tâm xã Bình Chương, xã Bình Chương; (6) chợ Trung tâm huyện Lý Sơn, đặc khu Lý Sơn; (7) chợ xã Ia Dal, huyện Ia H'Drai; (8) chợ xã Ngọc Lậy huyện Tư Mờ Rông.

²⁷ Nâng cấp cải tạo 07 chợ: (1) Chợ Bình An xã Bình Minh; (2) chợ An Hải, thôn Tây An Hải, đặc khu Lý Sơn; (3) Chợ xã Đăk Hring, xã Đăk Mar; (4) chợ Trung tâm cụm xã Đăk Trăm, xã Kon Đào; (5) chợ xã Bờ Y, xã Bờ Y; (6) chợ xã Đăk Pét, xã Đăk Pék; (7) chợ xã Rờ Koi, xã Rờ Koi.

²⁸ 02 siêu thị hạng I, 01 siêu thị hạng II và 09 siêu thị hạng III

²⁹ 03 chợ hạng 1, 13 chợ hạng 2, 138 chợ hạng 3, 26 chợ tạm.

dựng hạ tầng kỹ thuật và có doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh, đi vào hoạt động. Hiện tại có 139 dự án sản xuất kinh doanh, 388 cơ sở sản xuất đang hoạt động trong CCN, giải quyết việc làm cho khoảng 6.300 lao động, tỷ lệ lấp đầy trung bình các CCN là 68,72%.

- *Về phát triển hạ tầng giao thông*: Phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan triển khai thực hiện dự án Đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông đoạn qua tỉnh. Tập trung nguồn lực đầu tư, phát triển hạ tầng giao thông với một số dự án quan trọng: Cầu và đường nối từ trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh đến huyện Tư Nghĩa (cũ); Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong; Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi; Cầu và đường hai đầu cầu từ bến du lịch xã Ia Chim, thành phố Kon Tum (cũ) (Tỉnh lộ 671) đến đường giao thông kết nối với Tỉnh lộ 675A xã Ya Ly huyện Sa Thầy (cũ); cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 671 đoạn từ Km49+500 - Km52 (đường Đồng Nai), thành phố Kon Tum (cũ); cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 676 nối huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum (cũ) với các huyện Sơn Tây, Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi (cũ); Đường tránh phía Tây thành phố Kon Tum (cũ); Đường Trường Chinh, thành phố Kon Tum (cũ);...

- *Hạ tầng đô thị*: Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị từng bước đồng bộ, hiện đại. Đến nay có 2 đô thị cơ bản đạt chuẩn đô thị loại II (*thành phố Quảng Ngãi và Kon Tum cũ*). Đã và đang thực hiện đầu tư, nâng cấp các công trình hạ tầng đô thị quy mô lớn: nâng cấp, cải tạo Sân vận động tỉnh; Nâng cấp, chỉnh trang Quảng trường và trục đường Phạm Văn Đồng; nâng cấp, chỉnh trang các trục đường chính trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi (cũ); Kè chống sạt lở và tôn tạo cảnh quan bờ Nam sông Trà Khúc (*Cầu Trà Khúc 1 - Bến Tam Thương*), nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng công cộng các tuyến đường và thôn hẻm phố trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi (cũ),...; đồng thời đang triển khai đầu tư các dự án xử lý chất thải rắn, xử lý nước thải đô thị: Dự án nhà máy xử lý rác thải kết hợp phát điện được đề xuất xây dựng tại thôn Thế Lợi, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi (cũ); Hệ thống thu gom, xử lý nước mưa, nước thải thành phố Quảng Ngãi (cũ) lưu vực phía Nam hạ lưu sông Trà Khúc,...

- *Về hạ tầng phục vụ phát triển nông nghiệp*: Giai đoạn 2021 - 2025 đã thực hiện đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa khoảng 211 công trình thủy lợi (*46 hồ chứa nước; 153 đập dâng, đập ngăn mặn; 06 trạm bơm tưới; 06 công trình tiêu, thoát nước*), 198 công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung và 58 công trình đề điều, kè chống sạt lở bờ sông, bờ biển. Với tổng mức đầu tư hơn 7.071 tỷ đồng.

- *Hạ tầng giáo dục*: Hệ thống mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp, cao đẳng, trung cấp toàn tỉnh hiện có 959, cụ thể: mầm non có 339 trường; tiểu học có 225 trường; trung học cơ sở có 171 trường; tiểu học - trung học cơ sở có 118 trường; trung học phổ thông có 64 trường; 01 Trường Mầm non - Tiểu học Việt Úc; 01 Trường Liên cấp thành phố giáo dục quốc tế IEC - Quảng Ngãi; 02 Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập; 02 Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh; 12 Trung tâm GDNN-GTDX; 5 trung cấp; 6 cao đẳng; 13 cơ sở tham gia đào tạo GDNN.

+ Hạ tầng khoa học và công nghệ: Trung tâm Ứng dụng khoa học công nghệ và Trung tâm Giống tỉnh được bố trí khu thử nghiệm, trạm, trại, khu sản xuất,... với tổng diện tích 686.063 m². Ngoài ra, Trung tâm Ứng dụng khoa học công nghệ được bố trí Khu thực nghiệm tại thôn 6, Ia Chim, tỉnh Quảng Ngãi tổng diện tích 4,2ha. Đầu tư về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu, ứng dụng KH&CN gồm: khu nghiên cứu công nghệ sinh học, nuôi cấy mô tế bào thực vật; nhà xưởng sản xuất chế phẩm, giá thể hữu cơ; 02 nhà màng triển khai các mô hình trình diễn và các mô hình thực nghiệm khác,... với tổng diện tích hơn 4,2 ha. Trong đó, quy mô Phòng thí nghiệm được đầu tư trang thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN trên tổng diện tích xây dựng 523m² đã phục vụ tốt cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học tại Trung tâm. Hạ tầng thông tin và thống kê khoa học và công nghệ được quan tâm đầu tư, đưa vào khai thác sử dụng, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động thông tin, thống kê KH&CN, phục vụ tốt hơn nhu cầu của cá nhân, tổ chức và người dân trên địa bàn tỉnh.

- Về đầu tư phát triển nhà ở xã hội: Thực hiện quy hoạch bố trí quỹ đất nhà ở xã hội để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại 19 vị trí, với tổng diện tích dự kiến thực hiện 271,79ha; bố trí quỹ đất 20% làm nhà ở xã hội trong các dự án nhà ở, khu đô thị trên địa bàn tại 07 dự án, với diện tích đất là 26,6ha. Trong năm 2025, số căn hộ đã xây dựng hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng là 268 căn hộ³⁰, đạt tỷ lệ 112% so với chỉ tiêu được giao tại Quyết định số 444/QĐ-TTg ngày 27/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ (240 căn hộ).

2.2.6. Về công tác quy hoạch và phát triển đô thị

a) Về công tác quy hoạch

Hoàn thành việc lập và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Quy hoạch tỉnh, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Măng Đen đến năm 2045; điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045 và đã phê duyệt 9 Đồ án³¹ Quy hoạch phân khu các khu chức năng trong Khu kinh tế Dung Quất, đây sẽ là công cụ cực kỳ quan trọng tổ chức quản lý, thu hút đầu tư thúc đẩy phát triển Khu kinh tế Dung Quất theo hướng “*Chuyên biệt, xanh, thông minh và phát triển bền vững*” trong giai đoạn tới. Hiện nay, tỉnh đang lập các thủ tục để điều chỉnh quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; đồng thời thực hiện lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh sau khi thực hiện chính quyền 2 cấp.

³⁰ 01 Block chung cư 48 căn hộ thuộc Khu dân cư Hoàng Thành, phường Đăk Cẩm do Công ty TNHH TM Vinh Quang I làm chủ đầu tư; chuyển đổi công năng từ nhà ở tái định cư sang nhà ở xã hội là 96 căn hộ theo Quyết định số 303/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 của UBND tỉnh Kon Tum (cũ) và 124 căn hộ Khu nhà ở công nhân Hòa Phát - Dung Quất.

³¹ Gồm: (1) Khu công nghiệp, đô thị, dịch vụ Bình Thạnh; (2) Khu đô thị, công nghiệp, dịch vụ Tịnh Phong; (3) Khu đô thị, dịch vụ Đông Nam Dung Quất; (4) Đô thị Lý Sơn; (5) Khu công nghiệp Bình Hòa - Bình Phước; (6) Khu Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ Dung Quất II; (7) Khu đô thị, công nghiệp, dịch vụ Tây Bắc Dung Quất; (8) Khu dịch vụ hỗn hợp Đông Dung Quất; (9) Điều chỉnh Khu công nghiệp phía Đông Dung Quất.

b) Về phát triển đô thị

Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 31/12/2022; ban hành Quyết định số 1551/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 về việc phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đến cuối năm 2025, tỷ lệ đô thị hóa đạt 20%³². Tỷ lệ hộ dân cư đô thị dùng nước sạch ước đạt 91,75%; tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh ước đạt 98,3% (trong đó: người dân sử dụng nước sạch ước đạt 62%). Đời sống Nhân dân vùng ven biển, đảo, vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa được nâng lên. Đã quan tâm triển khai các dự án bố trí, sắp xếp dân cư vùng sâu, vùng xa, biên giới.

2.2.7. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư; thúc đẩy khởi nghiệp; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển

a) Về cải thiện môi trường đầu tư, xúc tiến thu hút đầu tư

Tập trung chỉ đạo quyết liệt việc triển khai thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh theo tinh thần Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định của UBND tỉnh. Chủ tịch UBND tỉnh là Tổ trưởng Tổ công tác đặc biệt của UBND tỉnh để tháo gỡ ngay khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ hiệu quả các doanh nghiệp, nhà đầu tư, dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Phê duyệt Chương trình xúc tiến đầu tư hàng năm; ban hành danh mục dự án thu hút đầu tư vào tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025³³. Tổ chức các Chương trình Cà phê Doanh nghiệp - Doanh nhân; Hội nghị đối thoại với doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh để kịp thời nắm bắt, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và tạo điều kiện cho doanh nghiệp, nhà đầu tư phục hồi sản xuất, kinh doanh, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; hướng dẫn, hỗ trợ cho nhà đầu tư, doanh nghiệp lớn tiêu biểu đến tìm hiểu cơ hội đầu tư tại tỉnh. Thường xuyên liên hệ và làm việc trực tiếp với các tổ chức xúc tiến đầu tư nước ngoài tại Việt Nam như KOTRA, JETRO, EUROCHAM, HKBV... để kết nối doanh nghiệp nước ngoài đã đầu tư tại Việt Nam đến tìm hiểu môi trường đầu tư tại tỉnh; tham gia và tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư trong nước và nước ngoài³⁴. Đẩy mạnh thông tin, truyền thông: xây dựng, đưa vào vận hành bản đồ số

³² Sau khi sáp nhập 02 tỉnh Quảng Ngãi và Kon Tum.

³³ Tại các Quyết định: (Kon Tum cũ) số 114/QĐ-UBND ngày 06/4/2023, số 20/QĐ-UBND ngày 19/01/2024, số 116/QĐ-UBND ngày 15/3/2024, số 124/QĐ-UBND ngày 12/3/2025 và số 272/QĐ-UBND ngày 28/4/2025; (Quảng Ngãi cũ) số 393/QĐ-UBND ngày 22/5/2024.

³⁴ Tổ chức các hoạt động xúc tiến, gặp gỡ doanh nghiệp tại Hội nghị Gặp gỡ Indonesia tại Khánh Hòa do Bộ Ngoại giao tổ chức và làm việc trực tiếp với Đại sứ quán Indonesia tại Việt Nam để giới thiệu, quảng bá và thu hút các nhà đầu tư tiềm năng đến Quảng Ngãi khảo sát và tìm hiểu môi trường đầu tư; làm việc với Đại sứ quán Canada tại Hà Nội và Đoàn công tác tỉnh Oita, Nhật Bản. Đã phối hợp với Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Fukuoka, Nhật Bản tổ chức tham gia chương trình xúc tiến thương mại, đầu tư và hợp tác nhiều mặt giữa Việt Nam với khu vực lãnh sự và tỉnh Fukuoka, Nhật Bản vào tháng 7/2022; tham gia đoàn công tác xúc tiến đầu tư tại Nhật Bản và Hàn Quốc vào tháng 3/2023; tổ chức Hội nghị “Quảng Ngãi gặp gỡ, tiếp xúc doanh nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh” vào tháng 10/2024; tổ chức chuyến công tác xúc tiến đầu tư tại Đức và Đan Mạch vào tháng 9/2023; tổ chức Đoàn công tác xúc tiến đầu tư thương mại của lãnh đạo UBND tỉnh tại các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất và Qatar để tăng cường kết nối, gặp gỡ với các doanh nghiệp, nhà đầu tư tại UAE và Qatar (11/5/2025 - 18/5/2025). Cung cấp thông tin về tiềm năng, thế mạnh thu hút đầu tư chính sách ưu đãi đầu

đầu tư tỉnh Quảng Ngãi và cơ sở dữ liệu phục vụ công tác xúc tiến đầu tư (*danh mục dự án trọng điểm thu hút đầu tư, brochure, chính sách ưu đãi...*) và dịch sang các loại ngoại ngữ khác nhau (*Anh, Nhật, Hàn, Trung*) để cung cấp thông tin chuyên sâu cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp; phối hợp với các đơn vị truyền thông triển khai tuyên truyền, quảng bá tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Hiện nay, Trung tâm đang tiếp tục khảo sát, nghiên cứu thị trường, thường xuyên rà soát, chọn lọc các dự án ưu tiên, đủ điều kiện để triển khai thực hiện ngay để giới thiệu cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư phù hợp, có quan tâm đầu tư trên địa bàn tỉnh. Triển khai lồng ghép danh mục dự án thu hút đầu tư vào các hoạt động quảng bá tiềm năng, thế mạnh và môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh trên các phương tiện thông tin truyền thông.

Triển khai Nghị quyết số 08-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (KNĐMST) tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định 827/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 về Kế hoạch xây dựng Hệ sinh thái KNĐMST tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030, hàng năm ban hành kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện. Tổ chức Hội thảo “Thực trạng và giải pháp thúc đẩy hệ sinh thái KNĐMST tỉnh Quảng Ngãi”; tổ chức đa dạng các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức về KNĐMST; 03 lượt Cuộc thi KNĐMST và 03 lượt ngày Hội KNĐMST; 02 đoàn học tập kinh nghiệm xây dựng hệ sinh thái KNĐMST. Hỗ trợ 12 doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia triển lãm tại Ngày hội khởi nghiệp các tỉnh.

Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài (FDI): Có 22 dự án FDI được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, tổng vốn đăng ký 807 triệu USD (tương đương 19.204 tỷ đồng); tổng vốn thực hiện ước đạt 541 triệu USD; thu hồi 09 dự án, tổng vốn 262 triệu USD. Ước thực hiện đến hết năm 2025, toàn tỉnh có khoảng 81 dự án đầu tư FDI còn hiệu lực, tổng vốn đăng ký 2.912 triệu USD, trong đó có 56 dự án hoạt động.

Tình hình đầu tư trong nước: Đã cấp chủ trương đầu tư cho 149 dự án, tổng vốn đăng ký 120.520 tỷ đồng; tổng vốn thực hiện ước đạt 135.000 tỷ đồng; thu hồi 104 dự án, tổng vốn 40.472 tỷ đồng. Bên cạnh đó, đã chấp thuận chủ trương đầu tư 41 dự án để đấu thầu, đấu giá lựa chọn nhà đầu tư với tổng vốn đăng ký 104.671 tỷ đồng; đến nay, đã lựa chọn được nhà đầu tư 21 dự án với tổng vốn đầu tư 16.633 tỷ đồng. Ước thực hiện đến hết năm 2025, toàn tỉnh có khoảng 1.075 dự án đầu tư trong nước còn hiệu lực, tổng vốn đăng ký 477.672 tỷ đồng, trong đó có 781 dự án hoạt động.

Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Giai đoạn năm 2021 - 2025 có 5.365 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tổng vốn đăng ký khoảng 47.310.563 triệu đồng, vốn đăng ký bình quân/doanh nghiệp đạt 8.818 triệu đồng/1 doanh nghiệp; số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể là 1.172 doanh nghiệp. Từ năm 2021 đến nay số hồ sơ đăng ký trực tuyến qua cổng Thông tin

đăng ký doanh nghiệp Quốc gia là 18.045 hồ sơ, chiếm 55,3% tổng số hồ sơ tiếp nhận và xử lý. Bên cạnh đó, toàn tỉnh có 13 doanh nghiệp có 100% vốn nhà nước đang hoạt động, với tổng vốn chủ sở hữu đạt khoảng 5.566.606 triệu đồng, tổng số nộp ngân sách nhà nước khoảng 1.156.605 triệu đồng và tổng lợi nhuận đạt 471.571 triệu đồng. Các chỉ tiêu về vốn, nộp ngân sách và lợi nhuận của khối doanh nghiệp nhà nước đều vượt so với mục tiêu đề ra, góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế và ổn định ngân sách địa phương

b) Về kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025

Tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh Quảng Ngãi (*mới*) là 55.706,3 tỷ đồng, trong đó: (1) Ngân sách địa phương là 36.934,5 tỷ đồng; (2) Ngân sách trung ương là 18.771,8 tỷ đồng (*trong đó, vốn trong nước là 12.597,6 tỷ đồng, vốn nước ngoài (ODA) là 1.208,3 tỷ đồng và vốn CTMTQG 4.965,8 tỷ đồng*). Lũy kế vốn đã phân bổ hằng năm trong giai đoạn 2021 - 2025 là 48.019,1 tỷ đồng, số vốn còn lại chưa phân bổ là 7.687,3 tỷ đồng (*bao gồm cả dự phòng ngân sách địa phương là 2.174,8 tỷ đồng*).

Từ nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh đã tập trung đầu tư khoảng 416 công trình (*chưa bao gồm các dự án thuộc các Chương trình MTQG*), bao gồm: chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang là 138 dự án và đầu tư mới trong giai đoạn này khoảng 278 dự án. Dự kiến đến cuối năm 2025 sẽ hoàn thành khoảng 348 dự án của kỳ kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025. Trong đó, đã ưu tiên tập trung nguồn lực đầu tư, phát triển một số dự án lớn, có tác động tích cực, lan tỏa và tạo động lực phát triển KTXH của tỉnh, như: Cầu và đường nối từ trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh đến huyện Tư Nghĩa (*cũ*); Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong; Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi; Cầu và đường hai đầu cầu từ bến du lịch xã Ia Chim, thành phố Kon Tum (*cũ*) (*Tỉnh lộ 671*) đến đường giao thông kết nối với Tỉnh lộ 675A xã Ya Ly huyện Sa Thầy (*cũ*); cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 671 đoạn từ Km49+500 - Km52 (*đường Đồng Nai*), thành phố Kon Tum (*cũ*); cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 676 nối huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum (*cũ*) với các huyện Sơn Tây, Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi (*cũ*); Đường tránh phía Tây thành phố Kon Tum (*cũ*); Đường Trường Chinh; ... góp phần đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của người dân. Hạ tầng thủy lợi, đề điều được đầu tư, nâng cấp, cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất. Hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông, giáo dục, y tế, văn hóa, du lịch, khoa học, công nghệ được quan tâm đầu tư phù hợp với yêu cầu phát triển của các ngành, lĩnh vực.

Ngoài ra, từ 03 Chương trình MTQG đã hoàn thành hàng ngàn công trình nhỏ góp phần hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển KTXH, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu sản xuất và dân sinh, nhất là các loại hạ tầng thiết yếu. Công tác phát triển sản xuất nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống được quan tâm. Từ đó, hoàn thành mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững, vượt kế hoạch xây dựng nông thôn mới; góp phần hoàn thành các chỉ tiêu KTXH trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2025.

*** Về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội:** Tổng kế hoạch vốn của Chương trình phục hồi và phát triển KTXH được Thủ tướng Chính phủ giao cho tỉnh Quảng Ngãi là 976 tỷ đồng, được phân bổ cho 11 dự án³⁵; đã giải ngân hết số vốn được giao và 11 dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng³⁶.

c) Về thu - chi ngân sách

Tổng thu ngân sách Nhà nước (NSNN) trên địa bàn trong các năm qua đạt kết quả tích cực. Cụ thể: Tổng thu NSNN trên địa bàn giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt 167.202 tỷ đồng, vượt 29,8% so với mục tiêu kế hoạch 05 năm 2021 - 2025 (*Kế hoạch giao 128.798 tỷ đồng*). Trong đó: Thu nội địa ước đạt 111.206 tỷ đồng, tăng 14,6% so với mục tiêu kế hoạch 05 năm (*KH giao 96.997 tỷ đồng*) và chiếm 66,5% tổng thu NSNN trên địa bàn; thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu ước đạt 55.090 tỷ đồng, tăng 88,3% so với mục tiêu kế hoạch 05 năm (*KH giao 29.249 tỷ đồng*), chiếm 32,9% tổng thu NSNN trên địa bàn.

Tổng chi ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt 229.615 tỷ đồng, tăng 73,4% so với mục tiêu kế hoạch 05 năm 2021 - 2025 (*KH giao 132.408 tỷ đồng*). Việc quản lý, kiểm soát và sử dụng chi ngân sách được thực hiện theo đúng chế độ quy định, trong phạm vi dự toán được giao đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả.

d) Về thực hiện liên kết và phát triển vùng

Tỉnh đã kịp thời ban hành các Chương trình hành động thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị, của Chính phủ³⁷ để triển khai thực hiện, trong đó, xác

³⁵ Gồm các dự án: (1) Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Sở Hầu, thị xã Đức Phổ; (2) Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Biều Qua, huyện Minh Long; (3) Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước huyện Bình Sơn (Châu Long, Châu Thuận, Bình Yên, Lỗ Tây, Hồ Chuối); (4) Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước huyện Sơn Tịnh (Hồ Vàng, Hồ Đèo, Đá Chông); (5) Kè chống sạt lở bờ Bắc sông Trà Khúc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi; (6) Trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi; (7) Nâng cấp Trung tâm công tác xã hội tỉnh Quảng Ngãi (trụ sở I, II); (8) Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng và mua sắm trang thiết bị cho 04 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Quảng Ngãi; (9) Dự án xây mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị và nâng cao năng lực tuyến đầu cơ sở trợ giúp xã hội (cơ sở I, II) tỉnh Kon Tum; (10) Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước (Đăk Chà Mòn I, Đăk Pret, Kon Tu, Đăk Loh); (11) Đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 03 Bệnh viện đa khoa khu vực, trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Kon Tum.

³⁶ Kết thúc Chương trình, có 03 bệnh viện đa khoa khu vực, 04 trung tâm y tế hoàn thành, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân, giảm tình trạng quá tải cho Bệnh viện đa khoa tỉnh, giảm tỷ lệ chuyển tuyến trên, giảm chi phí khám, chữa bệnh cho người bệnh, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho nhân dân; 01 cơ sở đào tạo và dạy nghề, đảm bảo điều kiện giảng dạy, học tập và nâng cao chất lượng đào tạo nghề trong tỉnh nói riêng và khu vực miền Trung và Tây Nguyên nói chung; 04 trụ sở của Trung tâm công tác xã hội, đảm bảo điều kiện tốt cho việc chăm sóc cho người cao tuổi, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người khuyết tật, đối tượng yếu thế trên địa bàn tỉnh; tạo điều kiện thuận lợi cho người tâm thần, người rối loạn tâm trí không nơi nương tựa được đưa vào điều trị, nuôi dưỡng và phục hồi chức năng, sớm hòa nhập cộng đồng; phòng ngừa người rối loạn tâm trí chuyển thành tâm thần có hành vi gây nguy hiểm cho gia đình và xã hội, góp phần đảm bảo an ninh, an toàn xã hội; thể hiện được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với cộng đồng xã hội; hoàn thành 01 kè chống sạt lở và sửa chữa, nâng cấp 14 hồ chứa nước, phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển, thích ứng biến đổi khí hậu, khắc phục hậu quả thiên tai; đảm bảo an toàn hồ chứa nước giảm thiểu nguy cơ vỡ đập, bảo vệ người và tài sản ở hạ lưu; đảm bảo cấp nước tưới ổn định cho sản xuất nông nghiệp, tạo nguồn cấp nước sinh hoạt và kết hợp phát triển giao thông, chỉnh trang đô thị dọc bờ sông, nuôi trồng thủy sản tại các hồ chứa.

³⁷ - Tỉnh Quảng Ngãi (cũ): Ban hành Chương trình hành động số 28-CTr/TU ngày 14/02/2023 thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW; đồng thời, triển khai Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29/12/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 về Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29/12/2022 của

định rõ các nhiệm vụ trọng tâm, lộ trình thực hiện và giải pháp chủ yếu, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, gắn với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện Kế hoạch.

Chủ động, tích cực phối hợp với các cơ quan Bộ, ngành Trung ương, cũng như các tỉnh trong vùng tham gia hoàn thiện thể chế, chính sách và đẩy mạnh phát triển liên kết vùng³⁸; tích cực phối hợp với Bộ Tài chính (*trước đây là Bộ Kế hoạch và Đầu tư*) trong công tác xây dựng Quy hoạch vùng Tây Nguyên và Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tham gia ý kiến đối với Quy hoạch tỉnh của các địa phương trong vùng và các tỉnh liền kề để đảm bảo tính kết nối, đồng bộ và tính kế thừa. Thực hiện tốt vai trò là Ủy viên của Hội đồng điều phối vùng, ban hành các Quyết định thành lập Tổ điều phối cấp tỉnh³⁹, trong đó đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Tổ điều phối cấp tỉnh để triển khai hiệu quả hoạt động liên kết và điều phối vùng tại tỉnh; tham dự các Hội nghị vùng do Chủ tịch Hội đồng điều phối vùng tổ chức.

Tỉnh đã tích cực phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương xây dựng Đề án Trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng Quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất và xây dựng Đề án phát triển huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi thành trung tâm du lịch biển - đảo, hiện nay đang hoàn thiện trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Bên cạnh đó, tỉnh cũng đang phối hợp với Bộ Xây dựng và các bộ, ngành Trung ương bổ sung Cảng hàng không Măng Đen vào Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để triển khai thực hiện trong thời gian tới.

2.2.8. Tăng cường công tác quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên; bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu

Quản lý nhà nước về khai thác tài nguyên, khoáng sản được tăng cường. Khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên gắn với bảo vệ môi trường. Nâng cao trách nhiệm của các địa phương; trao quyền mạnh mẽ hơn cho các địa phương trong việc quản lý, sử dụng tài nguyên nhằm thúc đẩy ngành khai thác tài nguyên phát triển bền vững. Việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển

Chính phủ và Chương trình hành động số 28-CTr/TU ngày 14/02/2023 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển KTXH và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh.

- Tỉnh Kon Tum (*cũ*): Ban hành Chương trình số 50-CTr/TU ngày 09/01/2023 triển khai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị; đồng thời, triển khai thực hiện Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị và Chương trình số 50-CTr/TU, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 434/KH-UBND ngày 22/02/2023 về phương hướng phát triển KTXH và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh.

³⁸ Triển khai thực hiện Quyết định số 824/QĐ-TTg ngày 11/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng điều phối vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; Quyết định số 827/QĐ-TTg ngày 11/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng điều phối vùng Tây Nguyên; Quyết định số 49/QĐ-HĐDPBTBDHTB ngày 01/8/2023 của Chủ tịch Hội đồng điều phối vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối;...

³⁹ Các Quyết định: Số 1242/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi cũ; số 625/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum cũ.

mục đích sử dụng đất được thực hiện công khai theo đúng quy định. Các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đăng ký đất đai được thực hiện kịp thời.

Công tác bảo vệ môi trường được quan tâm thực hiện. Tỷ lệ thu gom xử lý chất thải rắn, nguy hại đạt 81%. Khuyến khích cơ sở sản xuất sử dụng công nghệ sạch, ít tiêu hao nhiên liệu góp phần giảm phát thải ra môi trường. Mạng lưới quan trắc môi trường của tỉnh được đầu tư bài bản. Chất lượng nước thải tại các khu, cụm công nghiệp, khu chế xuất, bệnh viện và cơ sở sản xuất có phát sinh nguồn thải lớn được kiểm soát. Tỷ lệ khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn đạt 83,3%. Công tác thanh tra, kiểm tra được thực hiện thường xuyên, các vụ việc về môi trường được phát hiện và xử lý kịp thời, không để lại hậu quả nghiêm trọng. Đã thực hiện tốt công tác ứng phó, giảm nhẹ hậu quả thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Công tác phòng, chống thiên tai ngày càng nâng cao hiệu quả trong việc điều hành, chỉ đạo, với 99 trạm đo mưa tự động, 11 trạm đo mực nước tự động, 06 trạm cảnh báo ngập lụt tại ngầm, tràn, vùng thường xuyên bị ngập lũ và Hệ thống Cơ sở dữ liệu phòng, chống thiên tai được xây dựng đã từng bước ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, kịp thời cung cấp thông tin đến các cấp chính quyền và người dân để chủ động ứng phó thiên tai trong các tình huống. Cùng với kinh phí hỗ trợ từ Trung ương, tỉnh đã kịp thời bố trí ngân sách để hỗ trợ người dân, các địa phương, đơn vị khắc phục thiệt hại và tái thiết sau thiên tai.

Trong các năm qua, công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã được các bộ, ngành Trung ương đánh giá cao, năm 2022, tỉnh Quảng Ngãi đã được xếp hạng thứ 1 về Bộ chỉ số thực hiện công tác phòng, chống thiên tai trên cả nước.

2.3. Phát triển các Khu kinh tế (Khu kinh tế Dung Quất, Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y) và các Khu công nghiệp

Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 168/QĐ-TTg ngày 28/02/2023, đây là cơ sở pháp lý quan trọng kịp thời tháo gỡ các nút thắt, tồn tại hạn chế đối với sự phát triển của Khu kinh tế Dung Quất trong thời kỳ vừa qua; đồng thời đây sẽ là công cụ cực kỳ quan trọng tổ chức quản lý, thu hút đầu tư thúc đẩy phát triển Khu kinh tế Dung Quất trong thời gian đến.

Trong thời gian qua, các Khu kinh tế (KKT), các Khu công nghiệp (KCN) trên địa bàn tỉnh được quan tâm đầu tư, thu hút được nhiều dự án lớn⁴⁰. Đặc biệt, chủ trương xây dựng Trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất được tích cực triển khai, mở ra cơ sở để đẩy mạnh thu hút đầu tư và phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn tới. Bên cạnh đó, hệ thống hạ tầng trên địa bàn các KKT, KCN Quảng Ngãi đã và đang được đầu tư đồng bộ, đặc biệt là hệ thống cảng biển nước sâu Dung Quất và hạ tầng giao thông trục chính

⁴⁰ Dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2, Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp VSIP II Quảng Ngãi (giai đoạn 1), các dự án FDI tại KCN VSIP Quảng Ngãi.

đối ngoại cơ bản đáp ứng được nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong và ngoài KKT, KCN; đồng thời, tạo lợi thế cạnh tranh quan trọng trong việc thu hút đầu tư. Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi đã thường xuyên, tích cực chủ động hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác triển khai thực hiện các dự án đầu tư, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn; tập trung tháo gỡ những vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng cho các dự án lớn; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn.

- *Về thu hút đầu tư:* Trong giai đoạn 2021 - 2025, thu hút được 68 dự án còn hiệu lực, tổng số vốn đăng ký đầu tư khoảng 4,75 tỷ USD (*trong đó có 20 dự án FDI, vốn đăng ký 561 triệu USD*); điều chỉnh tăng vốn cho 52 dự án với số vốn đăng ký tăng thêm là 1,67 tỷ USD; Lũy kế đến nay, tại các KKT (KKT Dung Quất, KKT cửa khẩu quốc tế Bờ Y) và các KCN Quảng Ngãi có 449 dự án còn hiệu lực, tổng vốn đăng ký đầu tư khoảng 417.068 tỷ đồng (*tương đương 19,2 tỷ USD*); trong đó có 67 dự án đầu tư nước ngoài, vốn đăng ký đầu tư khoảng 2,5 tỷ USD và 382 dự án đầu tư trong nước, vốn đăng ký 359.765 tỷ đồng (*tương đương 16,7 tỷ USD*); có 348 dự án đi vào hoạt động.

- *Về sản xuất công nghiệp:* Hiện nay, trên địa bàn các KKT, KCN có 216 dự án công nghiệp đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh⁴¹, các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp trong giai đoạn này hoạt động ổn định, đã hình thành một lực lượng sản xuất khá lớn, tạo ra giá trị sản lượng công nghiệp cao, đặc biệt là công nghiệp thép và công nghiệp lọc hóa dầu góp phần quan trọng làm tăng nguồn thu ngân sách tỉnh Quảng Ngãi.

- *Về phát triển dịch vụ:* Trên địa bàn hiện có 119 dự án thương mại, dịch vụ đã đi vào hoạt động với các doanh nghiệp kinh doanh khai thác cảng, hệ thống nhà hàng, khách sạn, dịch vụ hạ tầng, logistics, dịch vụ chiết nạp khí, gas, kinh doanh xăng dầu... Từ năm 2021 đến nay, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 và kinh tế thế giới đang lạm phát cao dẫn đến hoạt động dịch vụ trên địa bàn bị chậm lại. Tuy nhiên, các ngành dịch vụ, vận tải, kho bãi, thương mại phụ trợ 02 năm gần đây phát triển mạnh, đáp ứng ngày càng tốt cho xuất nhập khẩu và vận chuyển sản phẩm công nghiệp nặng, hàng hóa qua cảng; tính bình quân cả giai đoạn 2021 - 2025 ngành dịch vụ, thương mại tăng 25,34 %/năm; đặc biệt năm 2021 là năm có tốc độ tăng trưởng cao nhất, tăng 105,5% so với năm 2020.

- *Đóng góp thu ngân sách Nhà nước:* Tổng thu ngân sách 5 năm trên địa bàn đạt khoảng 124.275 tỷ đồng, bình quân thu ngân sách nhà nước khoảng hơn 24.800 tỷ đồng/năm, trong đó thu nội địa chiếm phần lớn, chủ yếu từ các doanh nghiệp lớn như: Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất, Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn, Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi cùng các nhà máy

⁴¹ Với các ngành nghề như công nghiệp lọc hóa dầu, cơ khí, các thiết bị công nghiệp nặng, sản xuất sắt thép, may mặc, điện tử, giấy da, vải sợi, đồ nội ngoại thất, chế biến dăm gỗ, đồ gỗ, chế biến thủy sản, sản xuất bao bì, giấy, nhựa tiêu dùng, sản xuất phân bón....

công nghiệp nặng, chế biến. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đóng vai trò quan trọng, đặc biệt các năm kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh.

- *Kim ngạch xuất khẩu (KNXK)*: KNXK bình quân giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt 2.311 triệu USD/năm; ước đến năm 2025 đạt 2.570 triệu USD (*tăng gấp 2 lần so với năm 2020*), tốc độ tăng trưởng xuất khẩu bình quân giai đoạn 2021 - 2025 là 16,6%, tăng trưởng chủ yếu nhờ vào kim ngạch xuất khẩu các ngành chủ lực như thép, dệt may, da giày, sản phẩm cơ khí. Kim ngạch nhập khẩu tăng ổn định, chủ yếu là nguyên vật liệu cho sản xuất thép, lọc hóa dầu, dệt may và ngành công nghiệp hỗ trợ.

- *Hàng hóa thông qua cảng*: Sản lượng hàng hóa thông qua Cảng Dung Quất tăng mạnh, bình quân trên 40 triệu tấn/năm với các sản phẩm đặc thù chủ lực là xuất, nhập khẩu thép, sản phẩm lọc hóa dầu, thiết bị công nghiệp nặng. Dịch vụ logistics và hạ tầng cảng tiếp tục được quan tâm nâng cấp với công nghệ xếp dỡ hàng hóa hiện đại, đầy đủ các trang thiết bị và phương tiện phục vụ cho công việc, đáp ứng tăng trưởng sản lượng hàng hóa qua cảng mỗi năm.

- *Giải quyết việc làm*: đạt kết quả nổi bật với số lượng lao động tăng đều qua các năm, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Giai đoạn 2021 - 2025, giải quyết mới cho khoảng 25.000 lao động, lũy kế đến cuối năm 2025 dự kiến tổng số lao động trên địa bàn các KKT, KCN khoảng 80.340 lao động⁴². Trong đó, một số doanh nghiệp tiêu biểu như Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất tạo việc làm cho khoảng 16.085 lao động có việc làm ổn định, các doanh nghiệp thứ cấp tại KCN VSIP khoảng 38.000 lao động.

- *Kết quả các hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh, thu NSNN tại Cửa khẩu quốc tế Bờ Y*: (1) Tổng lượt hành khách xuất nhập cảnh đạt 873.695 lượt (*giảm 25,8% so với giai đoạn 2016 - 2020*); (2) Tổng số phương tiện xuất nhập cảnh đạt 201.097 phương tiện (*tăng 25,5% so với giai đoạn 2016 - 2020*); (3) Tổng giá trị kim ngạch XNK đạt 1,7 tỷ USD (*tăng 66,2% so với giai đoạn 2016 - 2020*)⁴³; Tổng số thu NSNN đạt 1.731 tỷ đồng (*tăng 60,22% so với giai đoạn 2016 - 2020*).

2.4. Phát triển kinh tế số, xã hội số

2.4.1. Công tác chỉ đạo, điều hành: Tỉnh thường xuyên chỉ đạo quán triệt, tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về các quy định của pháp luật, các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về công tác chuyển đổi số cho công chức, viên chức và người lao động.

2.4.2. Truyền thông, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số:

Công tác truyền thông, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực về chuyển đổi số luôn được coi trọng. Hàng năm, đã tổ chức Tuần lễ Chuyển đổi số trên địa

⁴² Tăng chủ yếu từ các dự án lớn ngành thép, dệt may, da giày và một số dự án mới đi vào hoạt động.

⁴³ Hàng hóa nhập khẩu chủ yếu là cao su tự nhiên, cà phê, đường, năng lượng điện, gỗ nguyên liệu các loại, trái cây tươi, chanh dây, sắn khô, quặng quá cảnh sang Trung Quốc... Hàng hóa xuất khẩu chủ yếu là bách hóa tổng hợp, hóa chất, thiết bị điện, phân hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật, nhiên liệu diesel, máy móc vật tư các loại, kết cấu thép, cây con giống các loại...

bàn tỉnh nhằm hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia với chuỗi nhiều sự kiện liên tục thu hút được đông đảo cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân theo dõi, lan tỏa rộng rãi đến các địa phương trong tỉnh. Bên cạnh đó, các Chương trình Tọa đàm, hội nghị, hội thảo cũng thường xuyên được tổ chức, với sự tham dự của các chuyên gia, CBCCVC và các Tổ công nghệ số cộng đồng; qua đó, đã phát hiện nhiều mô hình hay để nhân rộng trên toàn tỉnh.

2.4.3. Phát triển hạ tầng số; Xây dựng Chính quyền số và cung cấp dịch vụ công trực tuyến:

Hạ tầng viễn thông và internet được quan tâm đầu tư, mở rộng và đã “phủ sóng” đến hầu hết địa bàn, điểm dân cư trên địa bàn tỉnh. Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) được vận hành ổn định. Đã đầu tư xây dựng Trung tâm dữ liệu tỉnh với tổng dung lượng lưu trữ là 170 TB, triển khai 24 HTTT, cơ sở dữ liệu (CSDL) của các cơ quan nhà nước tỉnh. Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh đảm bảo khả năng lưu trữ và kết nối dữ liệu từ các CSDL, HTTT của tỉnh. Đã đầu tư, khai thác gần 60 ứng dụng, CSDL, HTTT; trong đó, có 20 hệ thống được kết nối, khai thác dữ liệu quốc gia, CSDL Bộ ngành. Các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh sử dụng các Hệ thống dùng chung của tỉnh để quản lý, điều hành và xử lý công việc⁴⁴.

Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh hoạt động ổn định, kết nối với CSDL quốc gia về dân cư, Cổng dịch vụ công Quốc gia và các HTTH của các Bộ ngành, đảm bảo phục vụ tổ chức và cá nhân trong thực hiện các dịch vụ công trực tuyến⁴⁵. Đã tích hợp, cung cấp 732/1.692 dịch vụ công trực tuyến toàn trình và 599/1.692 dịch vụ công trực tuyến một phần trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Cổng dịch vụ công của các Bộ, ngành.

2.4.5. Kinh tế số, Xã hội số

- Toàn tỉnh có 6.900 doanh nghiệp; mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa còn thấp. Có 2.725 doanh nghiệp công nghệ số, trong đó: 1.602 doanh nghiệp có mã ngành kinh tế số ICT và 1.123 doanh nghiệp có mã ngành kinh tế số nền tảng đang hoạt động. Một số doanh nghiệp đã triển khai IoT ứng dụng trong sản xuất, kinh doanh; một số DN lớn đã triển khai một số mô hình phục vụ sản xuất, thương mại; có 02 doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực sản xuất bán dẫn.

⁴⁴ Cổng thông tin điện tử tỉnh, 100% cơ quan cấp sở, cấp huyện, cấp xã có Trang thông tin điện tử; Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; Hệ thống thư điện tử công vụ; Cổng dữ liệu mở; LGSP; Tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung; Đánh giá DTI; Phòng chống mã độc tập trung; Trợ lý ảo lĩnh vực thông tin và truyền thông; Trợ lý ảo phục vụ người dân và doanh nghiệp; Hộp trực tuyến; Kho số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; CSDL cấp huyện; App Công chức, App Công dân;...

⁴⁵ Cổng Dịch vụ công quốc gia (Văn phòng Chính phủ); Cơ sở dữ liệu đất đai VBDLIS (Bộ Tài nguyên và Môi trường, nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường); Hệ thống cấp mã số ngân sách (Bộ Tài chính); Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm (Bảo hiểm xã hội); Các cơ sở dữ liệu về Lý lịch Tư pháp và Hộ tịch (Bộ Tư pháp); Hệ thống Đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nay là Bộ Tài chính); Hệ thống VNPOST (Bưu điện Việt Nam); CSDL Quốc gia về Dân cư và Dịch vụ công liên thông (Bộ Công an); Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến (Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội);...

- Các mô hình Chợ 4.0; Tuyến phố không dùng tiền mặt; Điểm chi trả không dùng tiền mặt,... được triển khai tại các địa phương trong tỉnh. 100% cán bộ, công chức cấp tỉnh được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản; 80% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành. Đến nay, có hơn 957.600 người dân trên địa bàn tỉnh đã tham gia ít nhất 01 lớp tập huấn về kỹ năng số.

3. Phát triển toàn diện lĩnh vực văn hóa - xã hội

3.1. Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa; xây dựng con người Quảng Ngãi đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững; phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao

Việc xây dựng môi trường văn hóa được chú trọng. Các thiết chế văn hóa ở cơ sở được quan tâm đầu tư, phát huy giá trị. Chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hoá từng bước được nâng cao. Đời sống văn hoá của Nhân dân không ngừng được cải thiện. Các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể được quan tâm bảo tồn và phát huy, nhất là các giá trị văn hóa đặc sắc của đồng bào các dân tộc thiểu số, tạo nên không gian văn hóa đa dạng, độc đáo và giàu bản sắc. Các hủ tục, phong tục không còn phù hợp cơ bản được xóa bỏ. Vai trò của văn học, nghệ thuật được coi trọng, phát huy hơn.

Công tác quản lý, bảo vệ và phát huy di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh được triển khai hiệu quả. Các di tích lịch sử, văn hóa, di sản văn hóa phi vật thể được phục dựng và tổ chức quản lý, phát huy giá trị. Đến nay, toàn tỉnh có 05 di tích quốc gia đặc biệt, 33 di tích cấp quốc gia, 191 di tích cấp tỉnh, 56 di tích được quyết định khoanh vùng bảo vệ; 31 di tích thuộc danh mục kiểm kê; 12 di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia, 02 di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh vào di sản văn hóa phi vật thể nhân loại; 05 bảo vật quốc gia. Toàn tỉnh hiện có 06 nghệ nhân nhân dân, 125 nghệ nhân ưu tú được Chủ tịch nước phong tặng trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể. Các di tích đã xếp hạng được chú trọng trùng tu, phục dựng và phát huy⁴⁶.

Hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị quan trọng của tỉnh, của đất nước, nhất là vào dịp kỷ niệm năm tròn được chú trọng triển khai với nội dung phong phú, đổi mới thiết thực⁴⁷. Qua đó tuyên truyền hiệu quả các giá trị lịch sử, củng cố niềm tự hào, tin của nhân dân đối lịch sử đồng thời góp

⁴⁶ Xây dựng Quy hoạch bảo tồn và phát huy di tích quốc gia đặc biệt về Địa điểm cuộc khởi nghĩa Ba Tơ; Tu bổ tôn tạo: di tích cấp quốc gia đặc biệt địa điểm Chiến thắng Đăk Tô Tân Cảnh; di tích cấp quốc gia đặc biệt Điểm cao 1015 và Điểm cao 1049; di tích cấp tỉnh (*Chứng tích Kon Hring, Điểm cao 601, điểm cao 995 Chư Tân Kra, Chiến thắng Đăk Tô 1967 và điểm cao 875 lịch sử, Chiến thắng Đôn Kon Braih...*)

⁴⁷ Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ mừng Đảng mừng Xuân; chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; Lễ kỷ niệm 80 năm Ngày Khởi nghĩa Ba Tơ (11/3/1945 - 11/3/2025) và 50 năm Ngày Giải phóng tỉnh Quảng Ngãi (24/3/1975 - 24/3/2025); Lễ công bố Giải thưởng Văn học - Nghệ thuật Phạm Văn Đồng và Lễ dâng hoa, dâng hương nhân dịp kỷ niệm 119 năm Ngày sinh Thủ tướng Phạm Văn Đồng; Lễ Kỷ niệm 60 năm Ngày Chiến thắng Ba Gia (31/5/1965 - 31/5/2025); Lễ Kỷ niệm 60 năm ngày Chiến thắng Vạn Tường (18/8/1965 - 18/8/2025); Lễ Kỷ niệm 140 năm ngày Chí sĩ yêu nước Lê Trung Đình bị thực dân Pháp xử chém; các hoạt động Kỷ niệm 80 năm Ngày Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2025); hoạt động tháng 8 với chủ đề “Về Làng trải nghiệm nét văn hóa truyền thống” tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam;...

phần tạo không khí thi đua xây dựng quê hương đất nước. Các hoạt động nghệ thuật⁴⁸ được chú trọng quan tâm triển khai, góp phần đáp ứng và nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân. Các thiết chế văn hoá, các công trình phúc lợi công cộng, khu du lịch, vui chơi giải trí, quảng trường, công viên, thư viện, bảo tàng và nhà văn hoá tổ, thôn, nhà Rông văn hoá được quan tâm đầu tư⁴⁹.

Tổ chức xét tặng Giải thưởng Văn học - Nghệ thuật Phạm Văn Đồng. Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh tổ chức, phát động sâu rộng nhiều phong trào sáng tác văn học nghệ thuật cho các đối tượng chuyên nghiệp, không chuyên nghiệp và thiếu nhi nhằm tạo môi trường văn học nghệ thuật sôi động, phản ánh kịp thời các vấn đề của đời sống xã hội, định hướng giáo dục nhân cách qua tác phẩm văn học nghệ thuật. Quan tâm chỉ đạo công tác huy động sức mạnh của toàn xã hội nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm giàu văn hóa dân tộc. Hoạt động quảng bá tác phẩm, công trình về đề tài chiến tranh cách mạng, về lịch sử vùng đất, con người Việt Nam và sự nghiệp phát triển của tỉnh được đẩy mạnh theo tinh thần “Huy động sức mạnh của toàn xã hội nhằm bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm giàu văn hóa dân tộc”.

Thực hiện tốt phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá, công tác gia đình, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội trên địa bàn tỉnh. Hạ tầng thông tin được đầu tư, nâng cấp, kịp thời phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, qua đó, đã tác động tích cực đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần cải thiện đời sống dân sinh, nâng cao dân trí, mở rộng dân chủ, bộ mặt nông thôn và đô thị khởi sắc, tạo sự đoàn kết, gắn bó trong các tầng lớp Nhân dân.

Phong trào thể dục thể thao quần chúng ngày càng phát triển rộng khắp trên địa bàn tỉnh; tỷ lệ người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên ngày càng được tăng lên. Tính đến cuối năm 2025, toàn tỉnh có số người thường xuyên tập luyện thể dục thể thao đạt 39,39%, số gia đình tập luyện TDTT đạt tỷ lệ 27,5%. Thể

⁴⁸ Hàng năm, trung bình tổ chức 04 cuộc triển lãm; 80 buổi tuyên truyền, chiếu phim lưu động phục vụ nhân dân vùng sâu, vùng xa. Thực hiện 48 chuyên mục Văn hóa (24 chuyên mục phát thanh, 24 chuyên mục truyền hình); Tổ chức trung bình 40 buổi biểu diễn nghệ thuật, 100 buổi tuyên truyền lưu động, 04 cuộc triển lãm tranh, ảnh phục vụ Nhân dân. Tổ chức Giải thưởng Mỹ thuật thiếu nhi hàng năm; Liên hoan Nghệ thuật quần chúng tỉnh Quảng Ngãi hai năm một lần (năm 2021, 2023, 2025); Liên hoan tuyên truyền lưu động tỉnh hai năm một lần; thường xuyên tổ chức, tham gia các hội thi, hội diễn khu vực và toàn quốc, bảo đảm đan xen hài hòa giữa các loại hình nghệ thuật truyền thống và đương đại, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc gắn với hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch, phục vụ khách du lịch trong và ngoài tỉnh.

⁴⁹ Tỉnh Kon Tum (cũ): cơ bản đã thực hiện hoàn thành các tiêu chí xây dựng, thành lập và vận hành có hiệu quả thiết chế văn hóa cấp huyện. Toàn tỉnh có 9/10 huyện/thành phố cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới 09 công trình nhà văn hóa, sân vận động nâng tổng số công trình Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện đạt chuẩn quy định lên 90%; Tỉnh Quảng Ngãi (cũ): Toàn tỉnh có 13/13 Trung tâm truyền thông Văn hoá - Thể thao cấp huyện; 156/173 xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa, đạt tỷ lệ 90,1%; có 908/954 thôn, tổ dân phố có Nhà Văn hóa, đạt tỷ lệ 95% (trong đó có 584 nhà văn hóa thôn, TDP đạt chuẩn, 293 nhà văn hóa thôn, TDP xuống cấp; 314 khu thể thao thôn, TDP đạt chuẩn); có 319.999/345.733 (đạt 92,55 %) hộ gia đình được công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”; có 923/954 thôn, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa (đạt 96,7%).

thao thành tích cao được chú trọng có nhiều chuyển biến tích cực, các vận động viên thi đấu đạt nhiều huy chương ở các giải khu vực, toàn quốc và thế giới⁵⁰.

3.2. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Năm học 2020 - 2021 và 2021 - 2022 là năm học ngành giáo dục và đào tạo chịu nhiều ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19, trong bối cảnh dịch bệnh, kế hoạch năm học bị đứt đoạn, chương trình giáo dục phải thay đổi theo hướng chỉ còn phần cốt lõi của các môn học trong điều kiện phòng, chống dịch. Vì vậy, các cơ sở giáo dục chủ động, linh hoạt chuyển đổi giữa dạy học trực tiếp và dạy học trực tuyến, trên truyền hình nhằm đánh giá, phân loại kết quả học tập trực tuyến của học sinh đảm bảo chất lượng giáo dục.

Tuy gặp nhiều khó khăn, thách thức nhưng ngành giáo dục tỉnh đã có nhiều nỗ lực, đổi mới, đồng bộ triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục và đạt nhiều kết quả tích cực, nổi bật như: Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia năm học 2024 - 2025 có bước tiến vượt bậc cả về số lượng và chất lượng, số lượng giải tăng từ 35 lên 88 giải (*tăng 53 giải so với năm học 2020 - 2021*); kết quả xét công nhận tốt nghiệp THPT năm 2025, đạt tỷ lệ 98,41% (*tăng 1,36% so với năm 2021*); tỷ lệ học sinh đầu vào các trường đại học, cao đẳng đứng vị thứ cao trong cả nước.

Trong giai đoạn 2021 - 2025, duy trì và giữ vững kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi và triển khai thực hiện tốt Chương trình GDPT 2018. Ngành đã chủ động triển khai thực hiện các Đề án, Chương trình, Dự án trên địa bàn tỉnh như: Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số; tăng cường bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh; dạy và học ngoại ngữ giai đoạn mới 2021 - 2025; “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”; “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”; Triển khai giáo dục STEM trong các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030; Thực hiện mua sắm thiết bị máy tính bảng cấp cho học sinh trên địa bàn tỉnh thuộc Chương trình “Sóng và máy tính cho em” góp phần hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn;...

Công tác tư vấn, hướng nghiệp, phân luồng học sinh THCS có chuyển biến và đạt được những kết quả nhất định trong thời gian qua; 100% học sinh lớp 9 THCS được tư vấn hướng nghiệp để chọn trường, chọn nghề⁵¹. Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; tổ chức rà soát, sắp xếp lại đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục gắn với vị trí việc làm, bảo đảm sự cân đối về số lượng, chất lượng

⁵⁰ Vận động viên wushu Đinh Văn Tâm đã giành Huy chương Bạc tại Giải vô địch Wushu thế giới 2025, Huy chương Vàng tại Cúp tán thủ thế giới 2025 (*Sanda World Cup*); vận động viên Kickboxing Nguyễn Trung Dũng đạt Huy Chương Bạc và vận động viên Võ Minh Triết đạt Huy Chương Đồng tại giải Vô địch Cúp Kickboxing thế giới năm 2025 tại Uzbekistan.

⁵¹ Hàng năm, số học sinh tốt nghiệp THCS đi học các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có chiều hướng tăng và các Trung tâm GDNN-GDTX thường xuyên tăng cường liên kết với các trường trung cấp, cao đẳng, cao đẳng nghề để tổ chức cho học sinh học văn hóa cấp THPT kết hợp với trình độ trung cấp nghề tại các trường.

giữa các cấp học. Đồng thời, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý theo quy định, đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và các môn học bắt buộc theo lộ trình.

Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn toàn tỉnh được giữ vững, ước thực hiện giai đoạn 2021 - 2025 đạt 55,46% trường mầm non; 82,67% trường tiểu học; 76,17% trường trung học cơ sở; 38,89% trường tiểu học - trung học cơ sở; 68,75% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ được xác định là nhiệm vụ đột phá⁵² trong giai đoạn 2021 - 2025: Công tác tuyển dụng công chức, viên chức được thực hiện đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định; tuyển dụng theo nhu cầu vị trí việc làm và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; ngoài một số trường hợp tuyển dụng không qua thi tuyển, còn lại tổ chức thi tuyển cạnh tranh rộng rãi. Tổ chức thi tuyển trên máy tính đối với các môn thi trắc nghiệm bảo đảm khách quan, công bằng, minh bạch hơn. Từ đầu năm 2021 đến nay, tỉnh đã tổ chức thi tuyển 302 công chức; tổ chức xét tuyển 114 công chức, tiếp nhận công chức không qua thi tuyển 433 trường hợp.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng: Công tác đào tạo đã cử 1.886 cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã đi đào tạo trình độ cao đẳng, đại học, sau đại học (*15 tiến sĩ; 65 thạc sĩ; 46 Chuyên khoa II; 220 Chuyên khoa I; 1.382 đại học; 158 cao đẳng*). Công tác bồi dưỡng: tổ chức mở 275 lớp bồi dưỡng cho 23.329 lượt cán bộ, công chức, viên chức tham gia.

Phê duyệt 100% đề án vị trí việc làm các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập của các cơ quan, đơn vị, địa phương; tập trung, tăng cường công tác tổ chức tuyển dụng, thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, bố trí; tổ chức thi nâng ngạch từ cán sự lên chuyên viên, từ chuyên viên lên chuyên viên chính và tương đương và đã bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên, chuyên viên chính và tương đương; chú trọng bồi dưỡng lãnh đạo cấp phòng (*178 người*), bồi dưỡng ngạch công chức, chức nghề nghiệp viên chức (*278 người*) cho cán bộ, công chức, viên chức.

Tính đến thời điểm hiện nay, số lượng cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh có 14.859 người (*bao gồm số lượng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp đã tự chủ tài chính*)⁵³; số lượng cán bộ, công chức cấp xã có 3.550 người⁵⁴.

⁵² Tỉnh ủy ban hành Kết luận số 298-KL/TU ngày 13/4/2021 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 3 (*khóa XX*) về tiếp tục phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ.

⁵³ Trong đó: (1) Về trình độ chuyên môn: Tiến sĩ và tương đương: 68 người; Thạc sĩ và tương đương: 4.743 người; Đại học: 8.894 người; Cao đẳng: 676 người; dưới Cao đẳng: 478 người. (2) Về ngạch công chức và chức danh nghề nghiệp viên chức: Chuyên viên cao cấp và tương đương: 1.020 người; Chuyên viên chính và tương đương: 2.485 người; Chuyên viên và tương đương: 9.933 người; Cán sự và tương đương: 1.390 người; Nhân viên: 31 người. (3) Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân: 163 người; Cao cấp: 1.264 người; Trung cấp: 4.242 người.

⁵⁴ Trong đó: (1) Về trình độ chuyên môn: Tiến sĩ: 02 người; Thạc sĩ: 349 người; Đại học: 3.108 người; Cao đẳng: 44 người; Trung cấp: 46 người; Dưới Trung cấp 01 người. (2) Về ngạch công chức: Chuyên viên cao cấp 06 người; Chuyên viên chính 277 người; Chuyên viên 3.095 người; Cán sự 132 người; Nhân viên 40 người. (3)

3.3. Phát triển khoa học, công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo; nâng cao chất lượng công tác thông tin, truyền thông và báo chí

Công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ (KH&CN) được tăng cường; tổ chức theo dõi, quản lý chặt chẽ các nhiệm vụ KH&CN⁵⁵; việc triển khai thực hiện các đề tài, dự án KH&CN đã đạt nhiều kết quả quan trọng, có những đóng góp lớn cho phát triển KTXH của tỉnh. Thông qua công tác thẩm định công nghệ⁵⁶, các chủ đầu tư đã đầu tư công nghệ, thiết bị mới, đồng bộ hạn chế ô nhiễm môi trường, giảm tiêu hao nhiên liệu, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm từng bước tiếp cận Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Hoạt động bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh được đảm bảo đúng quy định, các cơ sở sử dụng thiết bị X-quang trong y tế đều có Giấy phép khi đi vào hoạt động, chấp hành tốt công tác bảo đảm an toàn bức xạ trong quá trình hoạt động; công tác an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ trong các cơ sở sử dụng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ được đảm bảo và không có sự cố về bức xạ và hạt nhân xảy ra⁵⁷. Các hoạt động về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được tổ chức sôi nổi, thiết thực góp phần xây dựng và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn 345 tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục về sở hữu công nghiệp. Công nhận 243 sáng kiến, đề tài có hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng trong toàn tỉnh cho các cá nhân thuộc các sở, ban, ngành, địa phương căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, qua đó góp phần thúc đẩy hoạt động sáng kiến, phong trào thi đua lao động sáng tạo. Hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng ngày càng được chú trọng, tích cực hướng dẫn các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn TCVN, công bố hợp quy; công bố phù hợp TCVN, xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, mã số mã vạch, định lượng hàng hóa... Công tác truyền truyền, hướng dẫn, đào tạo, tập huấn cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp bảo hộ và phát triển sở hữu công nghiệp, tiêu chuẩn đo lường chất lượng⁵⁸ được thực hiện thường xuyên và đạt kết quả tốt, góp phần nâng cao ý thức trong sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa của người dân, doanh nghiệp. Công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng⁵⁹, sở hữu công nghiệp, an toàn bức xạ được quan tâm thực hiện, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các cơ sở vi phạm, góp phần tăng

Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân 10 người; Cao cấp 634 người; Trung cấp 2.259 người; Sơ cấp và chưa qua đào tạo 656 người.

⁵⁵ Giai đoạn năm 2021 - 2025 đã tổ chức triển khai 89 nhiệm vụ (*trong đó: cấp quốc gia và cấp bộ 14 nhiệm vụ; cấp tỉnh 73 nhiệm vụ; cấp cơ sở 02 nhiệm vụ*).

⁵⁶ Thẩm định công nghệ 401 dự án đầu tư theo quy định tại Luật Chuyển giao Công nghệ năm 2017.

⁵⁷ Thẩm định cấp mới và gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ đối với 150 thiết bị X-quang trong y tế cho 105 cơ sở đủ điều kiện; cấp hơn 120 Chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn. Tiếp nhận Thông báo vận chuyển nguồn phóng xạ đi ngang qua địa bàn tỉnh của 20 đơn vị, thông báo tăng cường quản lý việc sử dụng nguồn phóng xạ trên địa bàn tỉnh cho 10 công ty, nhà máy đã và đang sử dụng 60 nguồn phóng xạ và 28 thiết bị phát tia X cơ sở sử dụng nguồn.

⁵⁸ Hướng dẫn, hỗ trợ 44 cơ sở sản xuất xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở, đăng ký, sử dụng mã số mã vạch. Tổ chức 35 khóa đào tạo, tập huấn, hội nghị nhằm cung cấp các kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp.

⁵⁹ Giai đoạn từ năm 2021-2025 đã tổ chức 37 cuộc kiểm tra về việc thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng đối với 450 lượt cơ sở được kiểm tra, phát hiện và xử lý vi phạm hành chính đối với 29 cơ sở, số tiền xử phạt VPHC là 155.500.000 đồng.

cường thực thi pháp luật, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và nâng cao nhận thức về các quy định pháp luật trong sản xuất kinh doanh.

Báo chí, truyền thông thông tin kịp thời, trung thực, toàn diện đời sống chính trị, kinh tế, xã hội trên địa bàn; tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, lan tỏa năng lượng tích cực, tạo đồng thuận và niềm tin xã hội. Hoạt động báo chí, tổ chức họp báo và phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí tuân thủ đúng quy định pháp luật. Công tác theo dõi quản lý báo chí, chỉ đạo, định hướng tuyên truyền và xử lý những vấn đề “nổi cộm” đã từng bước đi vào trọng tâm, trọng điểm, kịp thời. Nhận thức, trách nhiệm của lãnh đạo các cấp, các ngành về tầm quan trọng của báo chí, tuyên truyền và định hướng dư luận trong tình hình hiện nay ngày càng được nâng cao. Tỉnh đã duy trì thường xuyên hợp tác truyền thông với các cơ quan báo chí. Công tác quản lý, giám sát thông tin trên mạng nhằm đấu tranh phản bác các thông tin “xấu, độc”, sai sự thật, gây ảnh hưởng không tốt đối với xã hội được theo dõi sát sao, xử lý quyết liệt. Công tác thông tin, truyền thông về tình hình thực hiện các nhiệm vụ chính trị của tỉnh, quảng bá hình ảnh Quảng Ngãi đến đông đảo người dân trong tỉnh, trong nước và bạn bè quốc tế luôn được quan tâm, đổi mới và đẩy mạnh thực hiện để có hình ảnh tốt về giá trị trải nghiệm, tăng thu hút đầu tư, tăng lượng khách du lịch, tăng giá trị sản phẩm hàng hóa của tỉnh⁶⁰.

3.4. Phát triển sự nghiệp y tế đáp ứng tốt hơn việc bảo vệ, nâng cao sức khỏe, phòng bệnh, nhu cầu khám, chữa bệnh của Nhân dân

Công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh trong năm 2020 và năm 2021 được tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả; thực hiện các biện pháp hành chính và chuyên môn y tế phù hợp với các cấp độ dịch, qua đó dịch Covid-19 đã được kiểm soát; đồng thời, triển khai hiệu quả Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ ban hành Quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19”.

Ngành y tế đã tập trung nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của Nhân dân; kiện toàn tổ chức và nâng cao năng lực hoạt động của hệ thống truyền thông giáo dục sức khỏe từ tỉnh đến cơ sở, đầu tư trang bị các phương tiện cần thiết để hoạt động đạt hiệu quả. Triển khai thực hiện đề án Hồ sơ sức khỏe điện tử; hệ thống Hội chẩn từ xa, kết nối giữa các bệnh viện tuyến tỉnh với các bệnh viện tuyến trung ương; các bệnh viện đang triển khai hệ thống công nghệ thông tin quản lý bệnh viện (HIS), liên thông dữ liệu với cổng Bảo hiểm xã hội và cổng Bộ Y tế. Ngành Y tế đã triển khai và duy trì hệ thống giao ban trực tuyến từ tỉnh đến huyện, góp phần thực hiện chỉ đạo

⁶⁰ Thời gian qua, việc ứng dụng CNTT, sử dụng các nền tảng số trong công tác tuyên truyền được đẩy mạnh như: ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong sản xuất tin bài, nâng cao hiệu quả truyền thông; phát hành Bản tin CCHC, Bản tin chuyển đổi số trên các nền tảng mạng xã hội zalo, facebook; tổ chức Cuộc thi video clip Tổ công nghệ số cộng đồng, Hội thi truyền thông CCHC và chuyển đổi số bằng hình thức sân khấu hóa có sự tham gia của các Tổ CNSCĐ, cán bộ truyền thông các cấp và được phát trên sóng truyền hình, đăng tải lên mạng xã hội đã nhận được sự quan tâm của Nhân dân với hàng trăm nghìn lượt tương tác...

xuyên suốt. Các kỹ thuật mới được thực hiện tại Bệnh viện đa khoa tỉnh⁶¹ và Bệnh viện Sản nhi⁶². Thành lập và đưa vào hoạt động Bệnh viện Nội tiết với quy mô ban đầu 35 giường nội trú. Tiếp tục triển khai Đề án về Xã hội hoá y tế; tăng cường công tác quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra hoạt động hành nghề y được tư nhân, các hoạt động liên kết tại các bệnh viện công lập trên địa bàn tỉnh; triển khai giải quyết kịp thời các vướng mắc phát sinh trong hoạt động khám chữa bệnh.

Triển khai công tác Đầu thầu cung ứng thuốc, trang thiết bị, hóa chất và vật tư y tế cho hoạt động thường xuyên của các cơ sở y tế trong toàn ngành và phục vụ công tác phòng, chống dịch; công khai kết quả đầu thầu bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả. Công tác thanh, kiểm tra an toàn thực phẩm từng bước được đẩy mạnh và phát huy hiệu quả nhờ làm tốt việc tổ chức phối hợp liên ngành; công tác phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm được triển khai tích cực.

Công tác dân số đạt được một số kết quả nhất định: Dự kiến năm 2025, dân số trung bình là 1.881.239 người với tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 9,7 ‰; bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng 0,76%/năm; số con trung bình mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ còn 2,2 con. Chất lượng dân số được cải thiện; hoạt động tầm soát, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh được mở rộng trên địa bàn tỉnh. Dự kiến năm 2025, tỷ lệ bà mẹ mang thai được sàng lọc trước sinh vượt 20% so với kế hoạch đề ra (*Kế hoạch 50% phụ nữ mang thai tầm soát ít nhất 4 bệnh phổ biến*); tỷ lệ trẻ sơ sinh được sàng lọc đạt 100% kế hoạch (*70% trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 loại bệnh phổ biến*); tuổi thọ bình quân đạt 72,9 tuổi; tỷ lệ suy dinh dưỡng⁶³ và tỷ suất tử vong trẻ em đã giảm đáng kể. Tăng cường công tác truyền thông trên phạm vi toàn tỉnh về nâng cao nhận thức của cộng đồng về chính sách DS-KHHGD. Tiếp tục triển khai các Đề án về nâng cao chất lượng dân số. Duy trì các hoạt động nâng cao chất lượng dân số: Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh; Đề án Giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh; Đề án Chăm sóc sức khỏe Người cao tuổi. Ước đến hết năm 2025, có 100% đơn vị hành chính cấp xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; có 10,11 bác sĩ và 35,35 giường bệnh trên 01 vạn dân; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95,17% dân số.

3.5. Thực hiện tốt các chính sách xã hội, bảo đảm an sinh xã hội

Công tác đền ơn đáp nghĩa, chăm lo cho các đối tượng người có công đã được quan tâm chỉ đạo thường xuyên, triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời; thực hiện tốt các chính sách trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội; đã ban

⁶¹ Chụp động mạch vành, Chụp, nong và đặt stent động mạch vành, PP Thâm tách siêu lọc máu HDF-Online. Nội soi dạ dày có gây mê; Ghi điện cơ. Các kỹ thuật cao thực hiện tại BVĐK tỉnh: Mô thay khớp háng, Mô nội soi khớp gối, Mô thoát đĩa đệm CSTL, PT nội soi niệu quản tán sỏi bằng máy Laser, PT máu tụ dưới màng cứng, Phẫu thuật nội soi đốt hạch giao cảm, Phẫu thuật nạo vét hạch D3, cắt 2/3 dạ dày, cắt đường mật ngoài gan, cắt túi mật, nối hồng tràng ống gan chung....

⁶² Sàng lọc sơ sinh; Giảm đau trong đẻ bằng phương pháp gây tê ngoài màng cứng (*Đẻ không đau*); Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng gây mê; Chụp cộng hưởng từ, ICU...

⁶³ Năm 2025 dự ước còn 22,7%, thấp hơn so với năm 2020 là 28,8%.

hành nhiều chính sách hỗ trợ đặc thù cho đối tượng người có công, quan tâm đến đối tượng người có công thuộc hộ nghèo. Ngoài ra, chính sách bảo trợ xã hội cũng ngày càng mở rộng đối tượng và mức chuẩn trợ cấp được điều chỉnh tăng đã góp phần quan trọng vào việc ổn định đời sống và hòa nhập cộng đồng cho phần lớn đối tượng trợ giúp xã hội, đời sống của các đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội cơ bản được ổn định. Tăng cường huy động nguồn lực xã hội hóa để hỗ trợ cho các đối tượng người có công, bảo trợ xã hội, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn trên địa bàn tỉnh. Hoàn thành Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của Trung ương với tổng số 9.071 căn nhà (trong đó, sửa chữa 2.702 căn, xây mới 6.369 căn), kinh phí 517,54 tỷ đồng.

Trong thời qua, việc thực hiện chính sách ưu đãi người có công và phong trào Đền ơn đáp nghĩa trên địa bàn tỉnh đạt được nhiều kết quả; nhiều quy định của chính sách đã được sửa đổi, bổ sung về điều kiện, tiêu chuẩn xác nhận người có công phù hợp với thực tiễn; ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực người có công được đẩy mạnh, phát huy hiệu quả, tạo thuận lợi trong việc theo dõi, quản lý hồ sơ đối tượng người có công; việc phân cấp, quy định thẩm quyền trong khâu xác nhận đã tăng cường trách nhiệm, giảm bớt thủ tục trung gian nhằm nâng cao hiệu quả, đảm bảo việc thực hiện chính xác, loại bỏ những thủ tục phiền hà, góp phần hạn chế tiêu cực. Chế độ trợ cấp, phụ cấp hàng tháng được điều chỉnh theo lộ trình cải cách tiền lương phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế; một số chính sách đặc thù của tỉnh được ban hành phù hợp hoàn cảnh, điều kiện sống của người có công và khả năng tài chính của địa phương. Qua đó, thể hiện sự tri ân đối với các liệt sĩ, gia đình liệt sĩ và người có công, đã tác động tích cực đến đời sống người có công, góp phần cải thiện nâng cao đời sống vật chất và tinh thần đối với người có công trên địa bàn toàn tỉnh.

Công tác giảm nghèo luôn được quan tâm, chỉ đạo quyết liệt, triển khai thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp. Đồng thời, có sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, sự phối hợp của Mặt trận, đoàn thể, sự nỗ lực phấn đấu vươn lên của người nghèo, huy động nguồn lực ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương hằng năm thực hiện Chương trình đều đảm bảo thực hiện theo kế hoạch các dự án của Chương trình, công tác giảm nghèo được lồng ghép cùng với các Chương trình MTQG, các chương trình dự án, chính sách phát triển KTXH, từ đó chỉ tiêu giảm nghèo đạt và vượt kế hoạch đề ra.

Các giải pháp kết nối cung - cầu lao động được tăng cường; thị trường lao động trên địa bàn tỉnh tiếp tục được phục hồi, lực lượng lao động, số người có việc làm tiếp tục tăng⁶⁴; các địa phương tích cực đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền chính sách, pháp luật về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, Tỉnh thường xuyên chỉ đạo các địa phương nắm tình hình tiền lương, quan hệ lao động, hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ cho người lao động, nhất là những lao động bị giảm giờ làm, mất việc làm do doanh nghiệp bị giảm đơn hàng, thu hẹp sản xuất, kinh doanh; tăng cường kiểm tra, giám sát, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, cấp giấy phép hoạt động

⁶⁴ Mỗi năm đã giải quyết việc làm cho khoảng 15.000 - 17.000 lao động.

cho thuê lại lao động; tình hình quan hệ lao động cơ bản duy trì ổn định, không có biến động lớn về tính chất vụ việc. Ước đến năm 2025, tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội còn khoảng 41,23%, tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị khoảng 1,79%.

3.6. Công tác dân tộc và miền núi

Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững ở các huyện miền núi được xác định là nhiệm vụ trọng tâm của giai đoạn 2021 - 2025: Tỉnh⁶⁵ ban hành các nghị quyết về tiếp tục đẩy mạnh phát triển KTXH, giảm nghèo bền vững ở các huyện miền núi; về công tác dân tộc; về việc lãnh đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ về Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh, trong đó đã giao các sở, ngành và các địa phương có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống triển khai thực hiện nhiệm vụ và đạt được nhiều kết quả tích cực.

Công tác quy hoạch, sử dụng, bố trí cán bộ là người dân tộc thiểu số được các cấp, các ngành quan tâm đúng mức, có chính sách ưu tiên nhằm thực hiện tốt công tác cán bộ đối với người dân tộc thiểu số như quan tâm bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý ở cấp huyện, các vị trí chủ chốt ở cấp xã, từng bước bảo đảm đúng cơ cấu, thành phần, chức danh và tỉ lệ trong cấp ủy, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức về các nội dung triển khai công tác giảm nghèo hàng năm đảm bảo theo kế hoạch đề ra đến cuối năm 2025.

Các chế độ, chính sách cho đồng bào DTTS&MN được tỉnh quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời⁶⁶, tạo sự đồng thuận và ngày càng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và chính quyền trong công tác bảo vệ và chăm lo các chính sách an sinh xã hội, góp phần quan trọng trong phát triển KTXH ở vùng đồng bào DTTS&MN ở tỉnh Quảng Ngãi.

4. Về lĩnh vực nội chính, tổ chức nhà nước và quốc phòng, an ninh

4.1. Xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh. Đẩy mạnh cải cách hành chính

Tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2021 - 2026. Thực hiện tốt công tác

⁶⁵ Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 17/8/2021 về tiếp tục đẩy mạnh phát triển KTXH, giảm nghèo bền vững ở các huyện miền núi, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/4/2022 về công tác dân tộc. Tỉnh ủy Kon Tum (cũ) đã ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 19/5/2022 về việc lãnh đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Chương trình số 12-CT/TU ngày 18/02/2022 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 19/5/2022. Thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ và Nghị quyết của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) ban hành Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 28/6/2022 và UBND tỉnh Kon Tum (cũ) ban hành Kế hoạch số 2714/KH-UBND ngày 08/7/2022.

⁶⁶ Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg; Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số; Chính sách hỗ trợ các mặt hàng thiết yếu nhân dịp Tết Nguyên đán giai đoạn 2019-2025; Chính sách thăm hỏi, biểu dương đồng bào DTTS tiêu biểu; Đề án “bảo tồn và phát huy giá trị nghề truyền thống của các dân tộc thiểu số tại chỗ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030...”

phê chuẩn bầu, miễn nhiệm thành viên UBND cấp tỉnh; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp huyện nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Công tác sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy: Đối với cơ quan chuyên môn: sau khi sắp xếp tỉnh Kon Tum với tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi mới có 14 cơ quan chuyên môn và 01 tổ chức hành chính khác thuộc UBND tỉnh⁶⁷. Có 107 tổ chức bên trong thuộc các Sở, ngành và tổ chức hành chính (*gồm phòng chuyên môn, chi cục và tổ chức tương đương*). Đối với đơn vị sự nghiệp: tỉnh Quảng Ngãi mới có 10 đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh⁶⁸; 167 đơn vị sự nghiệp thuộc các Sở, ngành. Đối với UBND các xã, phường, đặc khu: có 96/96 xã thành lập 03 cơ quan chuyên môn⁶⁹ và Trung tâm phục vụ Hành chính công; có 900 đơn vị sự nghiệp thuộc 96 xã, phường, đặc khu, trong đó có 91 đơn vị sự nghiệp khác và 809 đơn vị trường học công lập⁷⁰.

Công tác sắp xếp đơn vị hành chính: Triển khai, xây dựng Phương án, Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2023 - 2025, bổ sung hoàn thiện hồ sơ Đề án thành lập thị trấn Tịnh Hà gắn với sắp xếp đơn vị hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2023 - 2025 và đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 14/11/2024 tại Nghị quyết số 1279/NQ-UBTVQH15 về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2023 - 2025 (*có hiệu lực từ ngày 01/01/2025*); theo đó, giai đoạn 2023 - 2025, tỉnh Quảng Ngãi có 09 đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp, gồm 08 xã và 01 thị trấn. Sau khi sắp xếp, tỉnh Quảng Ngãi có 13 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 11 huyện, 01 thị xã và 01 thành phố; giảm 03 ĐVHC cấp xã (*tăng 01 thị trấn, giảm 04 xã*); từ 173 đơn vị (*148 xã, 17 phường và 08 thị trấn*) còn 170 đơn vị (*144 xã, 17 phường và 09 thị trấn*).

Tiếp tục thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về sắp xếp đơn vị hành chính theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Kon Tum đã phối hợp xây dựng Đề án sắp xếp tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Kon Tum, được Quốc hội thông qua sắp xếp tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Kon Tum thành tỉnh Quảng Ngãi (*mới*) tại Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Đồng thời, 02 tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Kon Tum đã tổ chức triển khai và xây dựng Phương án, Đề án sắp xếp đơn vị hành

⁶⁷ Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi; Thanh tra tỉnh Quảng Ngãi; Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi; Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi; Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi; Sở Công Thương tỉnh Quảng Ngãi; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi; Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi; Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi; Sở Ngoại vụ tỉnh Quảng Ngãi; Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Quảng Ngãi; Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi.

⁶⁸ Gồm: (1) Trường Đại học Phạm Văn Đồng; (2) Trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi; (3) Trường Cao đẳng Kon Tum; (4) Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi; (5) Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi; (6) Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi; (7) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi; (8) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi; (9) Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi; (10) Ban Quản lý Vườn quốc gia Chư Mom Ray, tỉnh Quảng Ngãi.

⁶⁹ Văn phòng HĐND-UBND; Phòng Văn hóa - Xã hội; Phòng Kinh tế đối với xã, đặc khu hoặc phòng Kinh tế - hạ tầng và Đô thị đối với phường.

⁷⁰ Gồm mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.

chính cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Kon Tum năm 2025, được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15 về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025; theo đó, sau sắp xếp, tỉnh Quảng Ngãi (mới) có 96 ĐVHC cấp xã, gồm 86 xã, 09 phường và 01 đặc khu. Ngày 01/7/2025, tỉnh Quảng Ngãi mới và 96 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi mới chính thức đi vào hoạt động.

Cải cách hành chính; nâng cao thứ hạng các chỉ số về cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh được xác định là nhiệm vụ trọng tâm⁷¹ trong giai đoạn 2021 - 2025: Xác định CCHC là một trong những nhiệm vụ quan trọng để thúc đẩy phát triển KTXH của tỉnh. Trên cơ sở thực hiện các quy định, hướng dẫn của Trung ương về CHCC nhà nước giai đoạn 2021-2030, triển khai Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/10/2021 của Hội nghị Tỉnh ủy Quảng Ngãi lần thứ 5 khóa XX về đẩy mạnh CCHC; nâng cao thứ hạng các chỉ số CCHC, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; trong những năm qua, tỉnh Quảng Ngãi đã quyết liệt chỉ đạo và ban hành nhiều văn bản⁷² chỉ đạo để xây dựng các cơ chế chính sách sát với yêu cầu thực tế của địa phương, làm cơ sở cho các ngành, địa phương triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, hàng năm UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo và triển khai đầy đủ các kế hoạch, văn bản⁷³ để thực hiện nhiệm

⁷¹ Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/10/2021 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 5 khóa XX về đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao thứ hạng các chỉ số cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

⁷² Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh về đẩy mạnh CCHC; nâng cao thứ hạng các chỉ số CCHC, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch CCHC; nâng cao thứ hạng các chỉ số CCHC, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch cải thiện, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) Quảng Ngãi, giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 1100/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình xây dựng chính quyền kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động, phục vụ Nhân dân; Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 20/11/2021 về thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ ở các lĩnh vực tỉnh cần ưu tiên thu hút giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch phát động và triển khai phong trào thi đua “Đẩy mạnh CCHC tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025”; Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch nâng cao chỉ số CCHC (PAR INDEX), chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) cấp tỉnh giai đoạn 2022-2025 của tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch truyền thông nâng cao chỉ số CCHC (PAR INDEX), chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022 - 2025; Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh khi thực hiện các TTHC thông qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

⁷³ Các Quyết định số: 2043/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh Quảng Ngãi năm 2021; 2108/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh Quảng Ngãi năm 2022; 1782/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh Quảng Ngãi năm 2023; 1879/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh Quảng Ngãi năm 2024 và 1546/QĐ-UBND ngày 04/12/2024 ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh; Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 22/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2021 trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 26/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đẩy mạnh CCHC trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 25/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2022 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 140/QĐ-UBND

vụ CCHC của tỉnh; trong đó, xác định cụ thể từng nhiệm vụ phải thực hiện, tiến độ hoàn thành để yêu cầu các sở, ban ngành, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện đạt hiệu quả cao.

Trong những năm qua, công tác CCHC có nhiều chuyển biến tích cực trên tất cả các lĩnh vực, các Chỉ số PCI, PAR INDEX, SIPAS, PAPI của tỉnh được Trung ương đánh giá có sự cải thiện⁷⁴. Qua đó, đã làm thay đổi nhận thức, tinh thần, thái độ, ý thức trách nhiệm của đội ngũ CBCCVC và người lao động của các cơ quan, đơn vị, địa phương và ý thức, trách nhiệm của người dân và doanh nghiệp cũng được nâng lên rõ rệt, góp phần tạo chuyển biến tích cực trong quan hệ với nhân dân, với tập thể và cộng đồng xã hội, nhờ đó đã góp phần đẩy mạnh phát triển KTXH, đảm bảo an ninh - quốc phòng, ổn định chính trị tại địa phương; ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của đội ngũ CBCCVC ngày càng được nâng lên; kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao ngày càng hiệu quả đã góp phần củng cố và tạo được niềm tin giữa người dân với chính quyền.

4.2. Công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân; phòng chống tham nhũng

Công tác thanh tra được triển khai thực hiện đảm bảo đúng định hướng của Thanh tra Chính phủ và lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh. Công tác

ngày 28/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 24/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 16/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2023 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 31/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2023 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 30/01/2023 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC năm 2023; Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 07/02/2023 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật” năm 2023; Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC; Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 23/01/2025 về rà soát, đánh giá TTHC; Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 18/02/2025 về truyền thông về hoạt động kiểm soát TTHC năm 2025; Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 22/01/2025 theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2025 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 244/KH-UBND ngày 20/12/2024 triển khai công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

⁷⁴ Kết quả điểm, xếp hạng các chỉ số PCI, PAR INDEX, SIPAS, PAPI qua các năm:

(1) Đối với tỉnh Quảng Ngãi cũ:

+ Năm 2021: Chỉ số PCI: Điểm 62,97/100; Xếp hạng: 45/63; Chỉ số PAR INDEX: Điểm: 86,45/100; Xếp hạng: 39/63; Chỉ số SIPAS: Điểm: 80,43/100; Xếp hạng: 53/63; Chỉ số PAPI: Điểm: 40,98/80; Xếp hạng: 43/63.
 + Năm 2022: Chỉ số PCI: Điểm 65,18/100; Xếp hạng: 33/63; Chỉ số PAR INDEX: Điểm: 86,08/100; Xếp hạng: 27/63; Chỉ số SIPAS: Điểm: 70,85/100; Xếp hạng: 49/63; Chỉ số PAPI: Điểm: 42,93/80; Xếp hạng: 23/63.
 + Năm 2023: Chỉ số PCI: Điểm 66,3/100; Xếp hạng: 43/63; Chỉ số PAR INDEX: Điểm: 87,37/100; Xếp hạng: 27/63; Chỉ số SIPAS: Điểm: 80,03/100; Xếp hạng: 48/63; Chỉ số PAPI: Điểm: 40,49/80; Xếp hạng: 49/63.
 + Năm 2024: Chỉ số PCI: Điểm 66,36/100; Xếp hạng: 45/63; Chỉ số PAR INDEX: Điểm: 87,88/100; Xếp hạng: 43/63; Chỉ số SIPAS: Điểm: 80,09/100; Xếp hạng: 59/63; Chỉ số PAPI: Điểm: 43,07/80; Xếp hạng: 38/63.

(2) Đối với tỉnh Kon Tum cũ:

+ Năm 2021: Chỉ số PCI: Điểm 58,95/100; Xếp hạng: 61/63; Chỉ số PAR INDEX: Điểm: 88,03/100; Xếp hạng: 29/63; Chỉ số SIPAS: Điểm: 59,00/100; Xếp hạng: 59/63; Chỉ số PAPI: Điểm: 39,89/80; Xếp hạng: 54/63.
 + Năm 2022: Chỉ số PCI: Điểm 64,89/100; Xếp hạng: 37/63; Chỉ số PAR INDEX: Điểm: 81,35/100; Xếp hạng: 55/63; Chỉ số SIPAS: Điểm: 78,39/100; Xếp hạng: 42/63; Chỉ số PAPI: Điểm: 39,98/80; Xếp hạng: 54/63.
 + Năm 2023: Chỉ số PCI: Điểm 65,6/100; Xếp hạng: 46/63; Chỉ số PAR INDEX: Điểm: 86,14/100; Xếp hạng: 43/63; Chỉ số SIPAS: Điểm: 82,10/100; Xếp hạng: 35/63; Chỉ số PAPI: Điểm: 39,82/80; Xếp hạng: 59/63.
 + Năm 2024: Chỉ số PCI: Điểm 65,1/100; Xếp hạng: 49/63; Chỉ số PAR INDEX: Điểm: 88,27/100; Xếp hạng: 33/63; Chỉ số SIPAS: Điểm: 84,03/100; Xếp hạng: 27/63; Chỉ số PAPI: Điểm: 40,33/80; Xếp hạng: 60/63.

theo dõi, đơn đốc thực hiện kết luận thanh tra và quyết định xử lý về thanh tra ngày càng được tăng cường và đi vào nề nếp. Phần lớn các cuộc thanh tra có trọng tâm, trọng điểm, đi vào những lĩnh vực, những vấn đề nổi cộm, bức xúc dễ xảy ra tham nhũng, lãng phí như: Lĩnh vực đất đai, đầu tư xây dựng cơ bản, thanh tra tài chính, ngân sách, công vụ, quy hoạch xây dựng,... Thực hiện tốt việc xử lý chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra ngày càng hiệu quả⁷⁵; chỉ đạo xử lý đối với 512 lượt doanh nghiệp có dấu hiệu trùng lặp trong kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh.

Toàn ngành Thanh tra đã triển khai thực hiện 4.392 cuộc thanh tra, kiểm tra, phát hiện sai phạm với tổng số tiền hơn 271.985 triệu đồng, 4.769,53 ha đất, cùng nhiều sai phạm khác; đã kiến nghị thu hồi nộp ngân sách nhà nước số tiền hơn 79.054 triệu đồng, 4.135,46 ha đất, kiến nghị xử lý khác gần 192.931 triệu đồng và 634,07 ha đất; kiến nghị chuyển cơ quan điều tra xem xét 20 vụ việc có dấu hiệu tội phạm; ban hành 2.242 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền hơn 18.346 triệu đồng cùng nhiều biện pháp khắc phục, chấn chỉnh khác.

Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ngày càng đi vào nề nếp; kết quả giải quyết hàng năm trung bình đều đạt trên 95% số vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền; việc giải quyết trực tiếp thông qua xử lý cơ chế, chính sách đã kết thúc được nhiều vụ trên thực tế, trong đó có một số vụ việc kéo dài. Các cơ quan hành chính nhà nước trong tỉnh đã tổ chức tiếp 26.054 lượt/28.804 người/24.922 vụ việc; trong đó có 122 lượt đoàn đông người. Tiếp nhận và xử lý 52.855 đơn khiếu nại, tố cáo và kiến nghị, phản ánh; đã giải quyết 1.592/1.679 vụ khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền, đạt tỷ lệ gần 95%.

Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được các cấp chính quyền, cơ quan tổ chức, đơn vị triển khai thực hiện đồng bộ và đạt được những kết quả tích cực⁷⁶. Kịp thời ban hành các chương trình, kế hoạch để chỉ đạo, triển khai các chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, nhất là Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 15/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh và nhiều văn bản về chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại hạn chế qua công tác đánh giá phòng, chống tham nhũng. Nâng cao các biện pháp phòng ngừa và nhận thức về phòng, chống tham nhũng; xử lý kịp thời các vụ việc có dấu hiệu tham nhũng⁷⁷. Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả công tác xác minh tài sản, thu nhập.

⁷⁵ Triển khai Phần mềm cơ sở dữ liệu hoạt động thanh tra trên địa bàn tỉnh; công bố công khai kế hoạch thanh tra kiểm tra doanh nghiệp hàng năm trên cổng thông tin điện tử của tỉnh; cử công chức làm đầu mối theo dõi, xử lý kiến nghị của doanh nghiệp...

⁷⁶ Thực hiện nghiêm việc công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị; chú trọng thực hiện việc kiểm soát xung đột lợi ích; thực hiện chuyển đổi vị trí công tác 1.704 cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập; theo đó, đã có trên 38.375 lượt người thực hiện kê khai tài sản, thu nhập theo quy định, các cơ quan kiểm soát tài sản thu nhập đã tiến hành xác minh tài sản, thu nhập đối với 315 cá nhân; chú trọng công tác PCTN, tiêu cực đối với khu vực ngoài nhà nước (105 tổ chức, gồm: 39 công ty đại chúng, 32 tổ chức xã hội, 34 quỹ tín dụng nhân dân ngoài nhà nước).

⁷⁷ Trong kỳ, qua công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo đã phát hiện 20 vụ việc có dấu hiệu tham nhũng, đã chuyển cho các cơ quan cảnh sát điều tra.

4.3. Công tác tư pháp

Công tác thẩm định văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) được triển khai thực hiện thường xuyên và chú trọng nâng cao chất lượng thẩm định⁷⁸; qua thẩm định, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã thông qua và ban hành 1.237 văn bản QPPL (302 Nghị quyết, 935 Quyết định). HĐND tỉnh thông qua 07 nghị quyết và UBND tỉnh đã ban hành 58 quyết định theo thẩm quyền được Luật giao quy định chi tiết⁷⁹. Hoàn thành việc xử lý 34 văn bản (*trong đó, Kon Tum (cũ) có 12 văn bản, Quảng Ngãi (cũ) có 22 văn bản*) có nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật theo kết luận, kiến nghị của Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp. Thực hiện công bố danh mục văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh hết hiệu lực toàn bộ và một phần hàng năm.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật tiếp tục được triển khai thực hiện bằng nhiều hình thức, nội dung phong phú, đa dạng. Công tác hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý, thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và cải cách hành chính thường xuyên được quan tâm triển khai thực hiện; công tác hòa giải ở cơ sở; thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được quan tâm thực hiện. Tổ chức thành công 06 Cuộc thi trực tuyến⁸⁰ tìm hiểu pháp luật trên địa bàn tỉnh, đã thu hút rất nhiều người tham gia và 01 Cuộc thi viết “Tìm hiểu pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực” với 30.364 người tham gia thi.

Trên địa bàn tỉnh có 109 luật sư đăng ký hành nghề với tổng số 32 tổ chức hành nghề luật sư và 10 Chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư đăng ký hoạt động; có 19 tổ chức hành nghề công chứng với tổng số 41 công chứng viên đang hành nghề; có 04 tổ chức hành nghề đấu giá và 07 Chi nhánh của tổ chức đấu giá tài sản; có 02 tổ chức giám định tư pháp công lập và 08 tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc, đội ngũ giám định viên tư pháp là 89 người và người giám định tư pháp theo vụ việc là 108 người, đội ngũ giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc tiếp tục được kiện toàn, bảo đảm các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về giám định tư pháp, cơ bản đáp ứng yêu cầu điều tra, truy tố và xét xử ở địa phương.

4.4. Công tác đối ngoại

⁷⁸ Từ năm 2021 đến nay, thực hiện thẩm định 1.221 lượt dự thảo văn bản QPPL (387 nghị quyết, 834 quyết định) và 56 đề nghị xây dựng nghị quyết.

⁷⁹ Tỉnh Quảng Ngãi ban hành (04 nghị quyết, 33 quyết định); tỉnh Kon Tum ban hành (03 nghị quyết, 25 quyết định) quy định chi tiết các Luật: Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều; Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022; Luật Bảo vệ môi trường; Luật Đất đai năm 2024, Luật Nhà ở năm 2023; Luật Đường bộ năm 2024; Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ năm 2024.

⁸⁰ Gồm: “Tìm hiểu pháp luật về cải cách thủ tục hành chính” trên địa bàn tỉnh, kết quả cuộc thi đã thu hút 11.799 lượt người dự thi; “Tìm hiểu pháp luật về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật” (02 đợt) trên địa bàn tỉnh với 33.941 lượt người dự thi; “Tìm hiểu pháp luật về định danh điện tử và dịch vụ công trực tuyến” trên địa bàn tỉnh với 57.868 lượt người dự thi; “Tìm hiểu pháp luật về lao động” trên địa bàn tỉnh với 33.439 lượt người dự thi; “Tìm hiểu pháp luật và kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ” 85.233 người tham gia thi; “Tìm hiểu pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có 30.323 người tham gia thi.

Công tác quản lý nhà nước về hoạt động đối ngoại đạt nhiều kết quả quan trọng về ngoại giao chính trị, kinh tế và văn hóa, từng bước làm cầu nối, xúc tiến và thúc đẩy hợp tác quốc tế phục vụ mục tiêu phát triển KTXH của tỉnh. Công tác lễ tân phục vụ lãnh đạo tỉnh đón tiếp và làm việc với 06 Đoàn đại biểu cấp cao của các địa phương của Lào và 30 Đoàn thuộc các cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam (*Đại sứ quán, Tổng Lãnh sự quán*) đến thăm và làm việc tại tỉnh được thực hiện tốt; tổ chức, quản lý đoàn ra, đoàn vào được thực hiện chặt chẽ⁸¹... Các sự kiện đối ngoại, hội nghị, hội thảo quốc tế do tỉnh Quảng Ngãi chủ trì được tổ chức thực hiện chu đáo, trọng thị, mang lại nhiều kết quả thiết thực.

Ban hành Kế hoạch thiết lập và đẩy mạnh quan hệ hữu nghị hợp tác giữa tỉnh Quảng Ngãi với các địa phương của Nhật Bản và Hàn Quốc giai đoạn 2023 - 2025; Kế hoạch hợp tác giữa tỉnh Quảng Ngãi với tỉnh Champasak và một số địa phương của nước CHDCND Lào giai đoạn 2021 - 2025; tổ chức thành công các chuyên công tác tại các nước Lào, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Canada, Ý và Thụy Sĩ, Pháp và Đức, Nam Phi; đặc biệt tại Nhật Bản, đã tổ chức thành công việc ký kết MOU về hợp tác trao đổi nhân sự giữa Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ngãi và Phòng Lao động, Công Thương và Du lịch tỉnh Oita (Nhật Bản), đặt nền móng để tiến tới thiết lập thành công quan hệ hữu nghị hợp tác giữa tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Oita; tổ chức thành công Hội nghị “Giới thiệu Quảng Ngãi” tại Hà Nội; Hội nghị trực tuyến trao đổi cơ hội hợp tác giữa tỉnh Quảng Ngãi với Văn phòng Đối ngoại Chính phủ Nhân dân Hà Bắc; Chương trình Presstrip khảo sát, tìm hiểu và truyền thông về Di tích Quốc gia đặc biệt Văn hóa Sa Huỳnh tại Quảng Ngãi; Đổi mới hình thức tổ chức thành công các hoạt động đối ngoại Nhân dân như Chương trình Homestay, Chương trình Friendship Night giúp các sinh viên nước ngoài đang học tập tại tỉnh tăng cường giao lưu, học hỏi, hiểu biết lẫn nhau, qua đó thiết chặt quan hệ hữu nghị hợp tác giữa tỉnh Quảng Ngãi và nhân dân Quảng Ngãi với các địa phương và Nhân dân nước ngoài cũng như cộng đồng quốc tế. Phối hợp với Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam tổ chức thành công Chương trình Đối tác Thái Bình Dương và Thiên thần Thái Bình Dương năm 2024 tại tỉnh với khoảng 60 hoạt động thuộc 05 lĩnh vực chính, gồm: (1) *Hoạt động đón tàu, khai mạc - bế mạc*; (2) *Hoạt động y tế*; (3) *Hoạt động hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ thảm họa*; (4) *Hoạt động xây dựng*; (5) *Hoạt động giao lưu cộng đồng*.

Cho phép 63 doanh nhân của 20 doanh nghiệp sử dụng thẻ ABTC. Phối hợp với các cơ quan chức năng của tỉnh và các cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam liên quan hỗ trợ, xử lý 53 trường hợp công dân có quốc tịch nước ngoài xảy ra tại địa phương như tai nạn, ốm đau, chết, cần giúp đỡ, nhập cảnh trái phép, vi phạm pháp luật. Phối hợp đề nghị Cục Lãnh sự bảo hộ đưa 66 công dân Quảng Ngãi ở nước ngoài về nước an toàn.

⁸¹ Từ năm 2021 đến nay, có 227 Đoàn vào với 1.369 lượt người nước ngoài đến thăm, làm việc tại tỉnh; có 65 đoàn/483 lượt CBCCVC đi công tác nước ngoài, 43 lượt CBCVVC tham gia đoàn liên cơ quan đi nước ngoài và 255 lượt CBCCVC đi về việc riêng.

Công tác bảo hộ ngư dân và tàu thuyền của tỉnh bị nước ngoài bắt giữ được thực hiện kịp thời; triển khai việc bảo hộ đối với 26 tàu và 221 ngư dân bị nước ngoài bắt giữ; 41 tàu cùng 455 ngư dân bị lực lượng nước ngoài ngăn cản, lấy tài sản khi đang hành nghề tại vùng biển thuộc chủ quyền của Việt Nam. Tính đến thời điểm báo cáo, đã phối hợp đưa 168 ngư dân bị nước ngoài bắt giữ qua các năm về nước an toàn. Hiện toàn tỉnh vẫn còn 57 ngư dân bị bắt giữ (*trong đó có 03 ngư dân Quảng Ngãi đi trên các tàu tỉnh bạn*).

Giai đoạn từ năm 2021 đến nay, có 41 tổ chức, cá nhân nước ngoài viện trợ 22,1 triệu USD tương đương 557.470 triệu đồng thông qua 143 khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh. Hầu hết các chương trình, dự án viện trợ nước ngoài chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực như y tế, giáo dục - đào tạo, hỗ trợ phát triển KTXH, xóa đói giảm nghèo, thích ứng với biến đổi khí hậu và viện trợ khẩn cấp. Các chương trình, dự án viện trợ nước ngoài đều phát huy hiệu quả, góp phần giải quyết nhu cầu cấp thiết của địa phương, hướng đến các đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương, đặc biệt là ở các huyện miền núi còn nhiều khó khăn của tỉnh; tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức và đời sống của Nhân dân trong vùng dự án, góp phần thiết thực vào công cuộc giảm nghèo, an sinh phát triển bền vững, phù hợp với các ưu tiên, định hướng phát triển KTXH của tỉnh.

4.5. Công tác quốc phòng, an ninh, trật tự và an toàn xã hội

Quốc phòng, an ninh được tăng cường; duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu ở các cấp. Đã triển khai thực hiện tốt Kết luận số 159-KL/TW ngày 29/5/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư (*khóa XVIII*) về Đề án tiếp tục sắp xếp tổ chức quân sự địa phương “tinh, gọn, mạnh” đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Khu vực phòng thủ tỉnh được xây dựng ngày càng vững chắc. Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ các cấp đúng kế hoạch, đạt chất lượng. Đã phối hợp với tỉnh Attapur (Lào) diễn tập phòng thủ dân sự đạt kết quả tốt. Công tác quân sự địa phương, xây dựng lực lượng dân quân/bộ đội thường trực, dự bị động viên, dân quân tự vệ, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh đều đạt kết quả tốt. Hằng năm, thực hiện đạt 100% chỉ tiêu giao quân; chất lượng được nâng lên. Tăng cường xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, nền biên phòng toàn dân vững mạnh. Thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới. Xây dựng, huấn luyện và bảo đảm hoạt động của Hải đội Dân quân thường trực. Huy động nhân lực, tàu thuyền và phương tiện dân sự tham gia bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền các vùng biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Chủ quyền lãnh thổ được giữ vững, đường biên, mốc quốc giới nguyên trạng.

Triển khai thực hiện có hiệu quả các biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, ổn định. Chủ động nắm, phân tích, đánh giá, dự báo sát, đúng tình hình, kịp thời phát hiện, giải quyết từ sớm, từ xa, từ cơ sở 100% vấn đề, vụ việc phức tạp nổi lên liên quan an ninh quốc gia; không để xảy ra bị động, bất ngờ trong bảo đảm ANTT. Triển khai hiệu quả phương án bảo đảm an ninh tuyến biên giới Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia; an ninh biển, đảo; an ninh dân tộc, tôn giáo. Chủ động triển khai

kế hoạch bảo vệ an ninh, an toàn các sự kiện quan trọng của tỉnh⁸²; bảo vệ tuyệt đối an toàn các đoàn lãnh đạo Đảng, Nhà nước và khách quốc tế đến địa phương. Triển khai các biện pháp bảo đảm vững chắc an ninh kinh tế; bảo đảm an ninh, an toàn 02 công trình trọng điểm liên quan đến ANQG. Công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng được tăng cường; thường xuyên tổ chức diễn tập ứng phó sự cố, rà soát và khắc phục kịp thời các lỗ hổng bảo mật, các hệ thống thông tin của tỉnh được bảo đảm an toàn, hoạt động ổn định, thông suốt. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm đạt kết quả tích cực, các loại tội phạm và vi phạm pháp luật được đấu tranh, xử lý kịp thời; tội phạm về trật tự xã hội đã kéo giảm 19,77% so với giai đoạn 2016 - 2020. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được triển khai thực hiện đạt hiệu quả thiết thực; ra mắt lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở; kịp thời củng cố, xây dựng lực lượng này thật sự trở thành “*cánh tay nối dài*” của lực lượng CAND.

Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án 06/CP của Chính phủ với nhiều giải pháp hay, sáng tạo; tăng cường phòng ngừa, đấu tranh với vi phạm pháp luật về vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo. Triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông⁸³, nhất là các vụ tai nạn giao thông rất nghiêm trọng trở lên. Chủ động triển khai nhiều giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ⁸⁴.

III. HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Một số hạn chế, khó khăn

1.1. Về lĩnh vực kinh tế

Tăng trưởng kinh tế chưa đạt yêu cầu. Sản phẩm công nghiệp chế tạo, sản phẩm công nghiệp có hàm lượng khoa học, công nghệ cao chưa nhiều. Công nghiệp hỗ trợ chậm phát triển. Tiến độ thực hiện đầu tư hạ tầng KKT, KCN chậm. Nông nghiệp phát triển thiếu bền vững, còn manh mún, nhỏ lẻ, giá trị gia tăng thấp; liên kết theo chuỗi giá trị gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ còn ít. Nuôi trồng thủy sản phát triển chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế. Chất lượng, hiệu quả hoạt động của các mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã chưa cao. Thu hút đầu tư phát triển nông nghiệp gặp nhiều khó khăn. Các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, dịch vụ logistics phát triển chậm. Phát triển du lịch chưa có sự chuyển biến rõ nét. Thu hút nguồn vốn ngoài nhà nước đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng KTXH chưa nhiều; thị trường bất động sản chậm phát triển. Hạ tầng giao thông, đô thị, thương mại, dịch vụ, nông nghiệp thiếu đồng bộ; hạ tầng chuyển

⁸² *Nổi bật là:* Bảo đảm ANTT Lễ Quốc tang đồng chí Nguyên ủy viên Bộ chính trị, nguyên Chủ tịch nước Trần Đức Lương; Lễ kỷ niệm 50 năm Giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025), Lễ kỷ niệm 80 năm Ngày khởi nghĩa Ba Tơ (11/3/1945 - 11/3/2025) và 50 năm Ngày giải phóng tỉnh Quảng Ngãi (24/3/1945 - 24/3/2025), Ngày chào mừng 65 năm thành lập Khu căn cứ Tỉnh ủy Kon Tum.

⁸³ Xảy ra 2.030 vụ, làm chết 1.199 người, bị thương 1.693 người (*So với giai đoạn trước: giảm 714 vụ, tăng 125 người chết, giảm 1.381 người bị thương*).

⁸⁴ Tổ chức thực tập phương án chữa cháy và CNCH của cơ quan Công an đối với 207 cơ sở, khu dân cư; xây dựng 831 phương án và tổ chức thực tập 158 CNCH đối với các loại hình sự cố, tai nạn; tổ chức 02 Hội nghị đối thoại với doanh nghiệp về PCCC và CNCH.

đổi số chưa được quan tâm đầu tư đúng mức. Kêu gọi đầu tư trên các lĩnh vực y tế, giáo dục, môi trường, thể thao còn hạn chế. Chưa thu hút được nhiều dự án đầu tư phát triển nhà ở xã hội. Thực hiện liên kết vùng chưa có nhiều chuyển biến. Triển khai thực hiện các Chương trình MTQG có nơi hiệu quả chưa cao.

1.2. Về văn hóa, xã hội

Nhiều thiết chế văn hóa xuống cấp chậm được sửa chữa. Việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa hiệu quả chưa cao. Còn khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các vùng miền trong tỉnh. Chất lượng giáo dục, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao có mặt còn hạn chế. Chất lượng khám, chữa bệnh có mặt chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của Nhân dân. Giải quyết việc làm cho người lao động gặp nhiều khó khăn; đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài còn hạn chế. Thu nhập và đời sống dân cư nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi còn thấp. Công tác giảm nghèo ở miền núi chưa thật sự bền vững; tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn cao.

Khoa học, công nghệ chưa thật sự trở thành động lực để đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển KTXH của tỉnh. Thực hiện chuyển đổi số, dịch vụ công trực tuyến còn gặp nhiều khó khăn. Vướng mắc trong thực hiện chính sách đất đai, đầu tư, quy hoạch chưa được tháo gỡ kịp thời. Quản lý đất đai, tài nguyên ở một số địa phương chưa chặt chẽ.

1.3. Về nội chính và quốc phòng, an ninh

Hệ thống các văn bản quy định và hướng dẫn của Chính phủ, của các Bộ, ngành liên quan đến việc sắp xếp tổ chức bộ máy để làm cơ sở cho các địa phương triển khai thực hiện chưa được thay đổi đồng bộ, do đó quá trình thực hiện còn gặp khó khăn, lúng túng, thiếu tính thống nhất chung.

Năng lực giám định tư pháp có mặt còn hạn chế. Tình hình an ninh trật tự tại một số địa bàn còn tiềm ẩn những yếu tố có thể gây mất ổn định. Công tác nắm và dự báo tình hình có lúc chưa kịp thời, chưa toàn diện. Tội phạm ma túy, tội phạm sử dụng công nghệ cao còn diễn biến phức tạp. Tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia đấu tranh, tố giác tội phạm ở một số nơi chưa đạt hiệu quả. Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế có mặt chưa đáp ứng yêu cầu. Việc thực hiện các biện pháp để “gỡ” thẻ vàng IUU đạt hiệu quả chưa cao.

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân khách quan

Tình hình thế giới có nhiều diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường; xung đột vũ trang, chiến tranh thương mại ở một số nước; đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, kéo dài; biến đổi khí hậu, thiên tai, nhất là hậu quả của cơn bão số 9 (năm 2020); những bất cập trong các quy định của pháp luật chưa được kịp thời sửa đổi; kết cấu hạ tầng, nhất là khu vực phía Tây của tỉnh còn yếu kém, chưa đồng bộ; nguồn lực đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh,... đã ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KTXH, đảm bảo quốc phòng, an ninh đã đề ra.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

Năng lực dự báo và giải quyết những khó khăn, vướng mắc còn hạn chế. Tổ chức thực hiện vẫn là khâu yếu; sự phối hợp giữa một số cơ quan, đơn vị, địa phương có lúc, có việc thiếu chặt chẽ, chưa đồng bộ, có trường hợp còn đùn đẩy trách nhiệm. Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của một số cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thật sự đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; có tình trạng e dè, sợ sai, sợ trách nhiệm. Một số cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức chưa thực hiện tốt trách nhiệm công vụ; chưa dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Một bộ phận người dân vẫn còn trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước, chưa có ý thức tự vươn lên thoát nghèo bền vững.

3. Về một số bài học kinh nghiệm

Để đạt được các kết quả như trên, Tỉnh Quảng Ngãi đã triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong giai đoạn 2021 - 2025, trong đó đúc kết một số kinh nghiệm như sau:

Bám sát và thực hiện hiệu quả các chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự đoàn kết của lãnh đạo tỉnh; sự chung sức, đồng lòng của Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp và sự vào cuộc với quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị của tỉnh. Nắm chắc tình hình thực tế, có phản ứng linh hoạt, kịp thời, hiệu quả; chỉ đạo điều hành đồng bộ, linh hoạt, tổ chức triển khai quyết liệt, xác định rõ nhiệm vụ ưu tiên, trọng tâm, trọng điểm.

Kế thừa những thành công của kết quả phát triển KTXH giai đoạn 2016 - 2020, là nền tảng rất quan trọng để tiếp tục đà phát triển trong năm giai đoạn 2021 - 2025. Đồng thời các quy hoạch nền tảng, quan trọng của tỉnh được phê duyệt là công cụ quan trọng để định hướng, tạo hành lang cho quá trình thu hút các nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển KTXH.

Giữ vững kỷ luật, kỷ cương hành chính; tăng cường thực hiện chuyển đổi số; đẩy mạnh cải cách hành chính, đơn giản thủ tục hành chính góp phần tạo đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp. Tích cực, chủ động bám sát các nhiệm vụ được giao, dám nghĩ, dám làm, chỉ đạo và triển khai tổ chức thực hiện nhiệm vụ đạt chất lượng và hiệu quả. Sự phối hợp nhịp nhàng, chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương để nâng cao chất lượng công tác tham mưu chỉ đạo điều hành và tổ chức triển khai thực hiện.

Công tác cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của việc thực hiện nhiệm vụ chính trị. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, đặc biệt là đội ngũ cán bộ chủ chốt có phẩm chất, năng lực, trách nhiệm đối với sự phát triển của tỉnh. Phát huy tính chủ động, sáng tạo, năng lực cụ thể hóa, thể chế hóa, lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên.

Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát, chủ động phòng ngừa sai phạm; lấy xây là chính, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, giải quyết sớm các vi phạm, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành sai phạm lớn. Kiên quyết đấu tranh phòng, chống

tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, góp phần củng cố, tăng cường niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng.

Tóm lại, Tình hình phát triển KTXH đạt được kết quả khả quan và chuyển biến tích cực. Kinh tế tiếp tục phát triển, chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng định hướng, ngành công nghiệp có mức tăng trưởng khá cao; huy động được nhiều nguồn lực cho đầu tư phát triển; thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn vượt dự toán; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được tăng cường... Bên cạnh đó, các chính sách xã hội an sinh xã hội được các cấp, các ngành, các địa phương tổ chức triển khai thực hiện tốt; bảo vệ môi trường ngày càng được chú trọng; đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của Nhân dân được nâng lên, công tác giảm nghèo đạt kết quả rõ nét; chính trị - xã hội ổn định. Quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; công tác đối ngoại được triển khai tích cực. Tuy nhiên, bên cạnh đó, có một hạn chế, khuyết điểm nhất định cần tập trung khắc phục trong nhiệm kỳ đến.

Phần thứ hai

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2026 - 2030

I. BỐI CẢNH QUỐC TẾ, TRONG NƯỚC VÀ TRONG TỈNH

Dự báo trong giai đoạn 2026 - 2030, cục diện thế giới sẽ chuyển biến nhanh, phức tạp; các thách thức toàn cầu tiếp tục tác động bất lợi đến an ninh và phát triển của nước ta và tỉnh ta. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tiếp tục phát triển mạnh mẽ và tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực; lực lượng sản xuất mới, nhất là công nghệ cao và trí tuệ nhân tạo phát triển đột phá. Xu thế tự chủ chiến lược về kinh tế, đẩy mạnh chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, chuyển đổi năng lượng ngày càng được quan tâm.

Trong nước, phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng ngày càng được đổi mới và nâng cao; Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày càng hoàn thiện. Cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy, hệ thống chính trị hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát triển kinh tế tư nhân là đòn bẩy đưa đất nước bước vào kỷ nguyên thịnh vượng sẽ là bộ 3 đột phá nhất thể tạo cơ hội lịch sử cho sự phát triển mạnh mẽ của đất nước.

Tình hình thế giới và trong nước tạo ra nhiều cơ hội, thuận lợi, khó khăn, thách thức đan xen. Không gian phát triển được mở rộng, tạo thuận lợi để phát huy hiệu quả các tiềm năng, lợi thế về liên kết phát triển kinh tế rừng, biển, đảo, cửa khẩu. Những thành tựu đạt được của tỉnh trong các nhiệm kỳ qua là nền tảng, tạo ra thế và lực mới cho sự phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn đến. Vai trò lãnh đạo của cấp ủy, sự điều hành, quản lý của chính quyền ngày càng được nâng cao. Tổ chức bộ máy được tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Các dự án trọng điểm đã, đang và sẽ triển khai trên địa bàn tỉnh sẽ tạo xung lực mới cho sự phát triển. Tuy nhiên, tỉnh ta sẽ đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như: Phát triển KTXH chưa thật sự bền vững; nhiều hạn chế, điểm

nghèo của những năm trước chưa được tháo gỡ, giải quyết triệt để; có đông đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, biên giới; tỷ lệ hộ nghèo còn cao; biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường;... là yếu tố chủ yếu, tiềm ẩn tác động trực tiếp đến phát triển chung của tỉnh trong thời gian đến.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng.

2. Gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ chiến lược, trong đó: Phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa, con người là nền tảng; tăng cường quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên.

3. Kiên quyết tháo gỡ kịp thời, dứt điểm các điểm nghẽn, nút thắt; khơi thông và giải phóng sức sản xuất, mọi nguồn lực, phát huy mọi động lực, mở rộng không gian phát triển. Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc; khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, khát vọng phát triển, ý chí tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc; phát huy sức mạnh văn hóa, con người thành nguồn lực nội sinh và động lực phát triển; đột phá mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thu hút, trọng dụng nhân tài.

4. Nâng cao đời sống của Nhân dân, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, miền, tầng lớp nhân dân. Mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của Nhân dân. Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới. Lấy hạnh phúc, ấm no của Nhân dân làm mục tiêu phấn đấu.

5. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện. Tiếp tục khẳng định vai trò, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng. Tiếp tục thực hiện mô hình tổng thể về tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo chủ trương của Trung ương. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, xác định rõ trách nhiệm gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát; phát huy tính chủ động, sáng tạo của các địa phương. Thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân. Tăng cường kiểm soát quyền lực, kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

III. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN

1. **Mục tiêu phát triển:** Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với Đảng. Phát huy truyền thống cách mạng anh hùng, đại đoàn kết các dân tộc; liên kết và phát huy tiềm năng, lợi thế của mỗi vùng, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội; đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường; bảo đảm quốc phòng,

an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội; tăng cường đối ngoại; nâng cao toàn diện đời sống Nhân dân. Phần đầu đến năm 2030, Quảng Ngãi là tỉnh phát triển khá, trở thành một cực tăng trưởng quan trọng ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

Theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, tỉnh Quảng Ngãi xây dựng các chỉ tiêu KTXH chủ yếu trong giai đoạn 2026 - 2030 như sau:

2.1. Các chỉ tiêu về kinh tế

(1) Phần đầu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt từ 10%/năm trở lên.

(2) Năng suất lao động xã hội tăng bình quân 8,5% - 9,5%/năm.

(3) Đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người khoảng 6.900 - 7.000 USD.

(4) Thu nhập bình quân đầu người (giá hiện hành) tăng bình quân 9% - 10%/năm.

(5) Đến năm 2030, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm khoảng 75% - 76%; trong đó, công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 44% - 45%.

(6) Đến năm 2030, tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đạt tối thiểu 30%.

(7) Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn trong 5 năm đạt ít nhất 560.000 tỷ đồng.

2.2. Các chỉ tiêu về văn hóa - xã hội

(8) Đến năm 2030, có 13,1 bác sĩ trên 01 vạn dân; 37,5 giường bệnh trên 01 vạn dân.

(9) Đến năm 2030, có ít nhất 65,19% trường mầm non, 80% trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

(10) Đến năm 2030, tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 38,7%.

(11) Đến năm 2030, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ trên 30,6%.

(12) Đến năm 2030, phần đầu cơ bản không còn hộ nghèo.

2.3. Các chỉ tiêu về môi trường - đô thị

(13) Đến năm 2030, duy trì tỷ lệ độ che phủ rừng ổn định ở mức 60%.

(14) Đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 38%.

2.4. Các chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh

(15) Hằng năm, 100% đơn vị hành chính cấp xã đạt tiêu chuẩn vững mạnh về quốc phòng, trong đó vững mạnh toàn diện đạt khoảng 70%.

(16) Hằng năm, có ít nhất 80% khu dân cư, đơn vị hành chính cấp xã, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự.

IV. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung chỉ đạo của Trung ương về phát triển kinh tế - xã hội

Kịp thời ban hành các quyết định, chương trình hành động, kế hoạch, chỉ thị, xây dựng các phương án, kịch bản điều hành và quyết liệt chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương tập trung triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các Nghị quyết, nhiệm vụ, giải pháp của Chính phủ về phát triển KTXH hàng năm và 05 năm 2026 - 2030.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả, hiệu lực các nhiệm vụ trọng tâm và các đột phá chiến lược đề ra tại Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030. Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới; Chương trình MTQG về phát triển KTXH vùng dân tộc thiểu số và miền núi; Chương trình MTQG về giảm nghèo bền vững và các Chương trình khác được Trung ương giao.

2. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với cơ cấu lại nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển nhanh và bền vững

2.1. Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế

Cơ cấu lại nền kinh tế, xác lập mô hình tăng trưởng mới với trọng tâm là nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính. Đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Phát triển các mô hình kinh tế mới.

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; xác định phát triển kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế; kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài cùng các loại hình kinh tế khác giữ vai trò quan trọng. Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới theo Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương. Tập trung thu hút một số dự án lớn từ nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong các lĩnh vực bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI), đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuỗi cung ứng thông minh, năng lượng sạch, các dự án có sự liên kết, hợp tác về chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực chất lượng cao, chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị giữa đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài.

Bảo vệ quyền sở hữu tài sản, quyền tự do kinh doanh, cải thiện môi trường kinh doanh minh bạch, công khai, tạo động lực thúc đẩy khu vực tư nhân phát triển nhanh, bền vững. Tập trung tháo gỡ điểm nghẽn về đất đai, tín dụng, công

nghệ, thị trường; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp linh hoạt, năng động.

Khẩn trương rà soát, tích hợp, cập nhật lại quy hoạch tỉnh, bảo đảm đồng bộ với các quy hoạch vùng, quy hoạch quốc gia, vừa khai thác hiệu quả lợi thế tổng hợp của địa phương, vừa mở rộng dư địa và không gian phát triển mới. Phát triển kinh tế dựa trên nền tảng đa dạng sinh thái - kinh tế, hướng đến tăng trưởng xanh, bao trùm và bền vững, với mô hình tăng trưởng đa trung tâm, kết hợp giữa lợi thế khí hậu mát mẻ, thổ nhưỡng phù hợp phát triển nông nghiệp hữu cơ, cây dược liệu, rừng nguyên sinh ở vùng cao nguyên với nền tảng công nghiệp nặng, cảng biển, tạo nên chuỗi giá trị hoàn chỉnh từ nông nghiệp, khai thác tài nguyên đến chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu. Phát triển kinh tế đa ngành, bền vững từ nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, đến kinh tế biển, năng lượng tái tạo, du lịch sinh thái nghỉ dưỡng trên cơ sở kết hợp và phát huy lợi thế của 3 vùng sinh thái chủ đạo: vùng núi cao nguyên, vùng đồng bằng, vùng biển đảo.

Phát huy vai trò của các vùng kinh tế động lực, các hành lang kinh tế chiến lược, nhất là hành lang kinh tế Đông - Tây với vai trò là cửa ngõ phía Tây của hành lang kinh tế Đông Tây gắn với phát triển kinh tế vùng biên mậu, phát triển công nghiệp, kinh tế biển và du lịch, tạo động lực phát triển theo quy hoạch được phê duyệt. Khai thác không gian phát triển mới trên cơ sở thúc đẩy liên kết nội vùng, liên kết vùng, liên kết quốc gia, kết nối thông suốt từ vùng Tây Nguyên đến biển, hình thành trục giao thương liên vùng, liên quốc gia.

2.2. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, phát triển theo chiều sâu

Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu các ngành công nghiệp theo hướng hiện đại, phát triển theo chiều sâu, đa dạng hóa các ngành công nghiệp; phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Phát triển công nghiệp với tốc độ cao, thu hút một số dự án công nghiệp quy mô lớn, tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Phát triển mạnh công nghiệp: lọc hóa dầu, sau lọc hóa dầu, luyện kim, cơ khí và công nghiệp hỗ trợ trên cơ sở phát huy các tiềm năng, lợi thế khác biệt như: trung tâm công nghiệp lọc, hóa dầu, trung tâm công nghiệp đóng tàu, trung tâm sản xuất thép. Thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp quan trọng khác như: Điện tử, trí tuệ nhân tạo, sinh học, bán dẫn, năng lượng (điện khí, thủy điện, điện mặt trời, điện gió), sản xuất hàng tiêu dùng; phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo phục vụ phát triển nông, lâm, thủy sản gắn với các vùng nguyên liệu tập trung, quy mô lớn tại các địa bàn có lợi thế. Đồng thời, phát triển công nghiệp theo hướng xanh và bền vững, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị tiên tiến nhằm tiết kiệm năng lượng, giảm ô nhiễm môi trường và nâng cao hiệu quả sản xuất. Từng bước áp dụng tự động hóa, số hóa trong quản lý và sản xuất.

Thực hiện hiệu quả Đề án Tái cơ cấu ngành công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Kế hoạch tái cơ cấu ngành Công Thương tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn đến năm 2030 gắn với thực hiện chuyển đổi số nhằm tạo bứt phá và động lực tăng trưởng mới. Phát triển ngành chế biến thực phẩm, chế biến gỗ, da giày, dệt may, cơ khí chế tạo...; Đề án phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 và Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ. Giảm tỷ trọng sản phẩm công nghiệp sơ chế, gia công, lắp ráp và tăng tỷ trọng nội địa hóa đối với một số sản phẩm công nghiệp chủ lực.

Chủ động thúc đẩy mối liên kết giữa Khu kinh tế Dung Quất, Khu kinh tế cửa khẩu Bờ Y với Khu kinh tế mở Chu Lai để hình thành trung tâm công nghiệp trọng điểm của khu vực và cả nước. Hình thành Trung tâm lọc, hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất. Nghiên cứu thành lập các khu công nghiệp ở những nơi có điều kiện theo quy hoạch. Đẩy mạnh huy động đầu tư hoàn thiện hạ tầng các khu công nghiệp và cụm công nghiệp, nhất là hệ thống giao thông kết nối và hệ thống xử lý chất thải. Định hướng phát triển Khu Công nghiệp VSIP II là khu công nghiệp công nghệ cao, thu hút đầu tư các ngành có hàm lượng công nghệ cao gắn với chuyển đổi số, thân thiện môi trường, có giá trị gia tăng cao.

Hỗ trợ, thúc đẩy tiến độ thực hiện các dự án công nghiệp lớn, có tác động lan tỏa, tạo động lực phát triển công nghiệp của tỉnh như dự án: Nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2, Sản xuất ray đường sắt và thép đặc biệt Hòa Phát Dung Quất, KCN VSIP II, các dự án Nhà máy điện tuabin khí hỗn hợp Dung Quất I, Dung Quất II, Dung Quất III, Khu công nghiệp sản xuất, chế biến dược liệu tập trung Đăk Tô,... Phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm trong giai đoạn 2026 - 2030 của khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 12% - 13%/năm; trong đó công nghiệp tăng bình quân 12% - 13%/năm; tỷ trọng công nghiệp - xây dựng trong GRDP chiếm 44% - 45%.

Đẩy mạnh đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp. Ưu tiên đầu tư hạ tầng kết nối, đầu tư đồng bộ hạ tầng thiết yếu cụm công nghiệp đang hoạt động và các cụm công nghiệp đầu tư hạ tầng dở dang, nhất là hạ tầng giao thông, điện, cấp thoát nước, hạ tầng bảo vệ môi trường cụm công nghiệp đáp ứng nhu cầu thu hút các dự án thứ cấp trong cụm công nghiệp; Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành đưa vào khai thác vận hành các cụm công nghiệp đã thành lập. Quan tâm đầu tư hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp phía Tây Quảng Ngãi, vùng miền núi, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn. Đồng thời tăng cường thu hút đầu tư và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp mới trong quy hoạch.

2.3. Phát triển nhanh, đa dạng các loại hình dịch vụ, các sản phẩm dịch vụ chất lượng cao, giá trị gia tăng cao; phát triển du lịch gắn với phát huy sự đa dạng bản sắc văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo của mỗi vùng miền

Tiếp tục phát triển mạnh các ngành dịch vụ phục vụ đời sống người dân như: văn hóa, giáo dục và đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe, môi trường... Khuyến khích phát triển các dịch vụ: khoa học và công nghệ; tài chính; viễn thông; công nghệ thông tin; tư vấn pháp lý; tư vấn khởi nghiệp và các dịch vụ mới của nền kinh tế số.

Thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn 2025 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Chương trình phát triển thị trường trong nước, kích cầu tiêu dùng, đẩy mạnh Cuộc vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam giai đoạn 2025 - 2027. Phát triển thương mại điện tử, phổ cập các loại hình thương mại mới, áp dụng công nghệ cao. Phát triển hệ thống phân phối hàng hóa qua nền tảng số. Khuyến khích đầu tư các siêu thị, trung tâm thương mại, trung tâm dịch vụ tổng hợp tại các đô thị và khu du lịch. Tiếp tục nâng cao chất lượng, đa dạng hoá các hình thức bán buôn và bán lẻ. Thu hút đầu tư phát triển hợp lý hệ thống logistics đường bộ, đường thủy. Phát triển mạnh dịch vụ cảng biển, vận tải biển, logistics dựa trên ưu thế của cảng nước sâu Dung Quất gắn với phát triển Khu kinh tế Dung Quất. Thu hút đầu tư, phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Bờ Y, cửa khẩu Đăk Long - Văng Tắt (giáp Lào), cửa khẩu Hồ Le (giáp Campuchia),... gắn với định hướng phát triển kinh tế vùng biên mậu trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh của khu vực “Ngã ba Đông Dương”. Phân đấu tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2026 - 2030 của khu vực dịch vụ đạt 11% - 12%/năm; tỷ trọng dịch vụ trong GRDP chiếm 31 - 32%.

Đẩy mạnh phát triển đồng bộ kinh tế biển - du lịch - dịch vụ. Phát triển du lịch trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn. Phát huy những tiềm năng, lợi thế đặc biệt của tỉnh cùng các giá trị văn hóa, lịch sử, con người để thu hút đầu tư, phát triển du lịch với các hạt nhân tạo thành tam giác phát triển du lịch thế mạnh của tỉnh: Trung tâm du lịch biển - đảo Lý Sơn, Khu du lịch Măng Đen, Di tích quốc gia đặc biệt Văn hóa Sa Huỳnh. Phát triển du lịch với định hướng “ba quốc gia, một điểm đến”. Hình thành các tuyến du lịch kết nối giữa rừng và biển trên cơ sở phát huy sự đa dạng bản sắc văn hóa của mỗi vùng miền, của các đồng bào dân tộc thiểu số, các di tích lịch sử, văn hóa, thắng cảnh mang đậm bản sắc Tây Nguyên. Phát triển đa dạng các loại hình, sản phẩm du lịch như: Du lịch sinh thái, nông nghiệp; du lịch văn hóa, lịch sử, du lịch nghỉ dưỡng; du lịch cộng đồng; du lịch chuyên đề khác; ưu tiên sản phẩm du lịch đặc trưng, có bản sắc riêng. Phát triển Khu du lịch Mỹ Khê để sớm được công nhận là khu du lịch quốc gia; phát triển Khu du lịch Măng Đen thành trung tâm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng. Thu hút các nhà đầu tư chiến lược để đầu tư tổ hợp khu đô thị - dịch vụ - du lịch nghỉ dưỡng, giải trí quy mô lớn, chất lượng cao dọc tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, đặc khu Lý Sơn, Khu du lịch Thạch Bích - Núi Chúa, núi Cà Đam,... Thúc đẩy liên kết, hình thành các khu, điểm du lịch những nơi có tiềm năng. Đẩy mạnh xây dựng thương hiệu, tổ chức xúc tiến và quảng bá du lịch của tỉnh.

2.4. Phát triển nông, lâm, thủy sản hiệu quả, bền vững, nâng cao giá trị gia tăng

Chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp trên nền nông nghiệp sạch, sản xuất sạch, kiểm soát đầu vào, quy trình chế biến, bảo quản; có chiến lược truyền thông, giới thiệu sản phẩm ở thị trường nội địa, khu vực và thế giới. Khuyến khích phong trào khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp số. Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững; phát triển các ngành hàng chủ lực, lợi thế theo vùng, miền; nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh kết nối thị trường, quảng bá sản phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu nông sản, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; nâng cao vị thế và giá trị nông sản của tỉnh trên thị trường quốc tế. Phát triển ít nhất 5 thương hiệu nông sản mạnh cấp vùng, có khả năng xuất khẩu hoặc dẫn dắt thị trường nội địa.

Ưu tiên phát triển nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao gắn với xây dựng thương hiệu theo địa danh và đặc sản vùng miền; kinh tế lâm nghiệp, kinh tế dược liệu, với trọng tâm là sâm Ngọc Linh và các loài dược liệu quý đặc hữu, cây ăn quả, rau hoa xứ lạnh, tỏi Lý Sơn, cây công nghiệp; phấn đấu trở thành vùng trọng điểm dược liệu của quốc gia. Hình thành các vùng nguyên liệu tập trung gắn với chế biến sâu, tạo hàng hóa có giá trị gia tăng cao phục vụ xuất khẩu; trong đó, xây dựng vùng nguyên liệu (dứa, chanh dây,...) để phục vụ công nghiệp chế biến. Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với lợi thế của từng vùng, địa phương gắn với nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Thúc đẩy chuyển đổi xanh, chuyển đổi số trong nông nghiệp, xây dựng hệ thống dữ liệu số ngành nông nghiệp, nền tảng quản lý vùng trồng, công cụ đo lường sản lượng, chất lượng; bảo đảm an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất, bảo quản và chế biến nông sản. Có chính sách khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai, hình thành vùng sản xuất tập trung, chuyên canh. Phát triển đàn gia súc theo hướng hàng hóa. Đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển các trang trại chăn nuôi theo hướng tập trung.

Tăng cường quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, nhất là rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn. Phát triển ngành lâm nghiệp bền vững gắn với bảo tồn đa dạng sinh học; phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng, đặc biệt là giá trị các-bon rừng. Phấn đấu đến năm 2030, độ che phủ rừng tiếp tục duy trì đạt trên 60%.

Phát triển hài hòa giữa khai thác và nuôi trồng thủy sản; tiếp tục hình thành các trang trại nuôi trồng trên biển. Tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của các nghiệp đoàn nghề cá. Tuyên truyền, vận động giúp chủ tàu, ngư dân hiểu rõ các quy định, không vi phạm, không đánh bắt cá trái phép ở vùng biển nước ngoài, không khai thác hải sản bất hợp pháp. Nâng cao năng lực đánh bắt xa bờ; thu hút đầu tư, phát triển dịch vụ nghề cá và các cơ sở chế biến thủy sản, nâng cao giá trị gia tăng của thủy sản. Có chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản; mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản tại các hệ thống sông, lòng hồ thủy lợi, thủy điện khu vực miền núi. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm trong

giai đoạn 2026 - 2030 của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 5% - 6%/năm.

2.5. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; phát triển đô thị và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới

Tập trung đầu tư, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong xã hội theo phương thức đối tác công tư (PPP) để đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, nhất là các dự án trọng điểm có tác động lan tỏa, tạo động lực để phát triển, đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Phân bổ nguồn lực đầu tư cân đối, công bằng, hợp lý giữa các địa bàn, khu vực, đảm bảo mức đầu tư vào từng địa bàn không thấp hơn trước khi hợp nhất tỉnh, không để nơi nào bị tụt hậu, mất động lực phát triển. Đầu tư hạ tầng thiết yếu, đầu tư phát triển kinh tế tại các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tích cực phối hợp, nhất là trong công tác giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án hạ tầng giao thông quan trọng trên địa bàn tỉnh như: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn; đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam; tuyến cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum; đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh; đường tránh phía Tây thành phố Quảng Ngãi (cũ)... Kiến nghị Trung ương sớm đầu tư tuyến cao tốc Ngọc Hồi - Kon Tum - Pleiku; đồng thời, quan tâm đầu tư nâng cấp Quốc lộ 24, Quốc lộ 40B, Quốc lộ 40, Quốc lộ 14C. Đầu tư hạ tầng giao thông kết nối sân bay Chu Lai; nghiên cứu phát triển cảng hàng không, sân bay tại đặc khu Lý Sơn, cảng hàng không Măng Đen, tuyến đường sắt kết nối vùng Tây Nguyên. Nghiên cứu đề xuất Trung ương về chủ trương đầu tư hạ tầng giao thông kết nối cửa khẩu quốc tế Bờ Y và cảng nước sâu Dung Quất.

Phát triển hạ tầng logistics hiện đại; xây dựng mạng lưới logistics đa chiều, nâng tầm khu vực trở thành trung tâm trung chuyển hàng hóa, du lịch dịch vụ chiến lược của Tây Nguyên, duyên hải Trung Bộ và các nước tiểu vùng Mê Kông. Tiếp tục đầu tư để xây dựng các cảng biển trở thành điểm trung chuyển quốc tế gắn với Trung tâm logistics cấp vùng tại Khu kinh tế Dung Quất theo quy hoạch. Đầu tư, nâng cấp các tuyến đường kết nối các địa phương trong tỉnh, nhất là các xã vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới.

Phát triển hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp đồng bộ đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Ưu tiên nguồn lực để hoàn chỉnh hạ tầng thiết yếu trong Khu kinh tế Dung Quất, nhất là hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung, giao thông kết nối cảng biển - khu công nghiệp - khu đô thị, các khu tái định cư. Đẩy nhanh thực hiện dự án Dự án Chính trang đô thị, tạo quỹ đất để thực hiện quy hoạch Khu công nghiệp Sao Mai sớm đầu tư hoàn thiện hạ tầng, đưa KCN đi vào hoạt động thu hút đầu tư vào KCN. Đầu tư cải tạo nâng cấp các công trình thủy lợi đầu mối; nâng cấp hệ thống đê kè sông, biển, cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão,... gắn với ứng phó thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu. Đầu tư và đẩy mạnh huy động các nguồn lực đầu tư phát triển đồng bộ, hiện đại hạ tầng văn hóa - xã hội đáp ứng nhu cầu ngày càng cao

của Nhân dân. Phần đầu hoàn thành chỉ tiêu về xây dựng nhà ở xã hội do Trung ương giao.

Tập trung phát triển đô thị gắn với những đột phá về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, kiến trúc cảnh quan theo hướng đô thị sinh thái, văn minh, thông minh, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD). Hình thành các đô thị sinh thái, thông minh dọc hai bên bờ sông Trà Khúc, sông Đăk Bla, gắn kết giữa bảo tồn thiên nhiên và phát triển hiện đại; định hướng phát triển một số đô thị động lực ở các khu vực có lợi thế như: Đông Nam Dung Quất, xã Măng Đen; tập trung phát triển tại các đô thị hiện hữu, khu du lịch hiện nay.

Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo hướng toàn diện, bền vững gắn với đô thị hóa và phát triển kinh tế nông thôn; duy trì và phát huy kết quả xây dựng thôn (làng) nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Phần đầu đến năm 2030, có trên 65% số xã đạt chuẩn nông thôn mới. Quy hoạch phân bố dân cư phù hợp với truyền thống văn hóa, dân tộc, môi trường sinh thái của từng địa phương và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề nông thôn; tăng đầu tư ngân sách nhà nước và thu hút các nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa nông thôn và thành thị và giữa các vùng trong tỉnh. Phần đầu đến năm 2030, 100% dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung; trên 70% dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn.

2.6. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội

Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư. Đẩy mạnh thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin để cắt giảm thời gian, chi phí trong việc giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm, sự năng động sáng tạo và tiên phong của lãnh đạo các cấp chính quyền và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong việc hỗ trợ doanh nghiệp. Tăng cường công tác đối thoại với doanh nghiệp bằng nhiều hình thức, kịp thời nắm bắt, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp và xem đây là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cơ quan, đơn vị, địa phương. Việc giải quyết khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, nhà đầu tư phải được giải quyết dứt điểm hợp tình, hợp lý tạo niềm tin cho doanh nghiệp vào sự kiên quyết, nỗ lực của chính quyền trong quá trình đồng hành, hỗ trợ doanh nghiệp, từ đó tạo môi trường đầu tư kinh doanh lành mạnh, thông thoáng góp phần kêu gọi xúc tiến đầu tư cũng như thúc đẩy tăng trưởng dòng vốn tái đầu tư từ doanh nghiệp đã đầu tư thành công trên địa bàn tỉnh để tạo hiệu ứng lan tỏa thông tin để thu hút các nhà đầu tư mới. Đồng thời, thực hiện đối xử bình đẳng, công bằng giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trong việc tiếp cận các ưu đãi từ nguồn vốn, đất đai, cơ chế chính sách và giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý.

Khuyến khích khởi nghiệp sáng tạo, chuyển đổi số. Đồng hành cùng doanh nghiệp và hình thành đội ngũ doanh nhân có tâm, có tầm, đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế của tỉnh. Rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách để thu hút, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước; nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư có chọn lọc, ưu tiên các dự án phát triển hạ tầng, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, năng lượng tái tạo, logistics, du lịch sinh thái, các dự án công nghệ có giá trị cao, thân thiện với môi trường phù hợp với ngành, lĩnh vực mà tỉnh có lợi thế so sánh; chú trọng thu hút nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm đầu tư các dự án quy mô lớn, là đầu tàu dẫn dắt, liên kết phát triển tạo chuỗi giá trị trong các ngành, lĩnh vực của tỉnh. Áp dụng cơ chế ưu đãi đặc biệt cho các dự án công nghiệp bán dẫn, vi mạch, sản phẩm công nghệ cao. Mở rộng đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Đổi mới phương thức quản trị, thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách hỗ trợ, nâng cao hiệu quả hoạt động của các mô hình kinh tế hợp tác, hợp tác xã.

Bảo đảm điều hành thực hiện tốt các quy định, quản lý chặt chẽ, hiệu quả thu chi ngân sách, tiết kiệm, chống lãng phí; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn hằng năm vượt mức chỉ tiêu Trung ương giao; nâng cao hiệu quả đầu tư công, giảm chi thường xuyên, tăng chi đầu tư phát triển, ưu tiên cân đối nguồn vốn ngân sách đầu tư vào các ngành, lĩnh vực quan trọng, công trình, dự án trọng điểm, có sức lan tỏa, tạo động lực để phát triển KTXH.

3. Phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân

3.1. Tiếp tục phát triển văn hóa, con người Quảng Ngãi đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững

Xác định phát triển văn hóa, con người Quảng Ngãi là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cả hệ thống chính trị. Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa; tăng cường nguồn lực cho phát triển văn hóa tương xứng với tăng trưởng kinh tế. Chú trọng phục hồi, bảo tồn các loại hình nghệ thuật truyền thống có nguy cơ mai một; giữ gìn, phát huy và làm giàu di sản văn hóa các dân tộc thiểu số. Bảo tồn và phát huy giá trị các làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch trải nghiệm và tạo sinh kế cho người dân. Bảo vệ, giữ gìn thuần phong, mỹ tục, đạo lý, đoàn kết, nghĩa tình, tinh thần tương thân, tương ái của con người. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn hóa, tạo dựng các giá trị văn hóa phù hợp với phát triển xã hội số, nâng cao chất lượng các loại hình văn hóa, các tác phẩm văn học - nghệ thuật; đẩy mạnh xây dựng môi trường và đời sống văn hóa lành mạnh gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa, dịch vụ văn hóa đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ văn hóa của Nhân dân.

Đẩy mạnh huy động các nguồn lực trong xã hội để đầu tư xây dựng, nâng cấp các thiết chế văn hóa theo hướng thiết thực, linh hoạt, lấy địa bàn làm cơ sở, lấy người dân làm trung tâm. Hoàn thành việc xây dựng và đưa vào sử dụng Công viên Thiên Bút, Bảo tàng và Thư viện tỉnh thành tổ hợp thiết chế văn hóa,

nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân. Lập hồ sơ Di tích khảo cổ Văn hóa Sa Huỳnh trình UNESCO công nhận Di sản thế giới; đề nghị công nhận Ngục Kon Tum là Di tích cấp quốc gia đặc biệt; bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể, các di tích lịch sử cách mạng - văn hóa, danh lam thắng cảnh gắn với phát triển kinh tế, du lịch bền vững... Nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác văn hóa đủ phẩm chất, năng lực, đáp ứng yêu cầu giai đoạn mới. Phát triển thể dục, thể thao quần chúng, thể thao thành tích cao.

Tiếp tục tuyên truyền Kết luận số 70-KL/TW ngày 31/01/2024 của Bộ Chính trị; Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ các hoạt động thể dục thể thao quần chúng ở xã, phường, trường học, các cơ sở câu lạc bộ..., coi đây là nền tảng cơ bản để phát triển TDTT. Tập trung chỉ đạo, tuyên truyền, hướng dẫn phát triển TDTT đối với tất cả các đối tượng, kể cả người cao tuổi, người khuyết tật, trước hết là trong lực lượng thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên, cán bộ - công chức - viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang. Tập trung khai thác có hiệu quả cơ sở, vật chất, trang thiết bị Thể dục thể thao tỉnh đầu tư xây dựng giao ngành quản lý, sử dụng. Đến năm 2030, số người thường xuyên tập luyện thể dục thể thao đạt 41,39; số gia đình tập luyện TDTT đạt tỷ lệ 29%. Xây dựng và triển khai Đề án Phát triển thể thao thành tích cao tỉnh giai đoạn 2026 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2035.

Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác quản lý báo chí. Theo dõi sát sao thông tin trên báo chí, trên không gian mạng có liên quan đến tỉnh để kịp thời tham mưu giải quyết. Tiếp tục hợp tác truyền thông với cơ quan báo chí; ứng dụng các nền tảng số vào công tác truyền thông để đưa thông tin của các cấp chính quyền đến người dân, nhất là người dân ở vùng sâu, vùng xa. Kịp thời tham mưu, hướng dẫn và tổ chức tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị, các Ngày Lễ, kỷ niệm của tỉnh và của đất nước. Thúc đẩy nâng cao chất lượng báo chí, công tác thông tin đối ngoại, thông tin cơ sở thông qua đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực và đầu tư tăng cường cơ sở vật chất.

3.2. Đẩy mạnh đổi mới căn bản, toàn diện, hiệu quả giáo dục và đào tạo; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Tổ chức thực hiện hiệu quả các Chương trình, Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị đột phá phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học và giáo dục thường xuyên; chú trọng đối với học sinh dân tộc thiểu số. Chuẩn hóa đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp. Tập trung đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học; chuyển mạnh quá trình giáo dục phổ thông từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực, kỹ năng và phẩm chất người học, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người dạy, người học. Đầu tư kiên cố hóa trường học, lớp học, nhà ở công vụ cho giáo viên, bảo đảm đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tối thiểu, nhất là ở các vùng nông thôn, miền núi. Chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục tại các xã biên giới; đồng thời duy trì và tổ chức tốt hoạt động của các trường nhằm tạo điều

kiện thuận lợi cho học sinh được học tập và sinh hoạt ổn định. Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ phòng học được kiên cố hóa đạt 100%.

Nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Phạm Văn Đồng. Tăng cường công tác tư vấn học đường, tư vấn hướng nghiệp; sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục, phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất của người học. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu thị trường. Khuyến khích đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo, đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập. Nâng cao năng lực ngoại ngữ của học sinh, sinh viên, đưa Tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Tập trung đào tạo nhân lực chất lượng cao theo chuẩn quốc tế, nhất là cán bộ quản lý, các ngành mũi nhọn về khoa học, công nghệ, quản trị thông minh, khoa học cơ bản và các lĩnh vực ưu tiên. Có cơ chế, chính sách hiệu quả trong phát hiện, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng nhân tài, các chuyên gia, nhà khoa học giỏi. Chú trọng nâng cao trình độ lao động nông thôn, tăng số lượng lao động kỹ thuật có tay nghề cao gắn với chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

3.3. Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 18/02/2022 và Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Đến năm 2030, bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách địa phương cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đẩy mạnh thu hút nguồn lực xã hội. Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ. Phát triển tổ chức dịch vụ khoa học, công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm xúc tiến và hỗ trợ chuyển giao công nghệ. Khuyến khích nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp sáng tạo trong học sinh, sinh viên.

Đào tạo, đào tạo lại, chuẩn bị nguồn nhân lực số, kỹ năng số cho chuyển đổi số để phát triển xã hội số, kinh tế số. Phổ cập kỹ năng số cho người dân nhằm xây dựng một xã hội số bao trùm, toàn diện. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số trên tất cả các lĩnh vực; trong đó, ưu tiên một số lĩnh vực như: Y tế, giáo dục, nông nghiệp, tài chính - ngân hàng, tài nguyên và môi trường, đảm bảo kết nối đồng bộ với các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, doanh nghiệp. Đầu tư, phát triển hạ tầng số và đẩy nhanh chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị. Ứng dụng các công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của cấp ủy, chính quyền trong tỉnh. Thúc đẩy phát triển mạnh khoa học, công nghệ, chủ động đặt hàng sản phẩm khoa học công nghệ cao, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa

phương. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong các doanh nghiệp; hỗ trợ từng bước hình thành và phát triển doanh nghiệp số, doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác thông tin truyền thông, tạo sự đồng thuận trong xã hội; nâng cao năng lực bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

Tổ chức thực hiện có hiệu quả các kế hoạch thực hiện các chương trình, đề án của Chính phủ ban hành⁸⁵; tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; tăng cường công tác phổ biến, hướng dẫn, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức thực thi pháp luật về tiêu chuẩn đo lường chất lượng của tổ chức, doanh nghiệp...

3.4. Tiếp tục nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trên địa bàn tỉnh. Nâng cao chất lượng, hiệu quả khám, chữa bệnh ở các tuyến đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh ngày càng cao của người dân, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận và sử dụng dịch vụ y tế cơ sở, nhất là vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa góp phần xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả, bền vững. Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển; phấn đấu 100% số xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế. Tập trung đầu tư, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh. Thúc đẩy phát triển y tế tư nhân, thu hút đầu tư các bệnh viện chất lượng cao. Đẩy mạnh thực hiện tự chủ trong các bệnh viện công lập, cải cách hành chính, chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế; liên thông, công nhận kết quả xét nghiệm giữa các cơ sở khám, chữa bệnh. Tăng cường kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại. Phát triển nguồn nhân lực y tế bảo đảm số lượng và chất lượng. Thu hút nguồn nhân lực y tế; khuyến khích y, bác sĩ có năng lực chuyên môn làm việc tại y tế cơ sở. Nâng cao năng lực y tế dự phòng, chủ động kiểm soát và ứng phó với các dịch bệnh.

Triển khai khám sức khỏe định kỳ bắt buộc từ năm 2026 cho mọi người dân theo lộ trình; đến năm 2030 tiến tới miễn viện phí cơ bản trong phạm vi quyền lợi bảo hiểm y tế; thực hiện chính sách ưu đãi đặc thù cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, trong đó nâng mức phụ cấp ưu đãi nghề lên tối thiểu 70 % đối với nhân viên y tế làm chuyên môn tại trạm y tế cấp xã (và 100 % đối với những người làm việc tại vùng miền núi, vùng đặc biệt khó khăn).

⁸⁵ Kế hoạch của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 1703/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư; Kế hoạch thực hiện Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế; Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Kế hoạch thực hiện Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc; Kế hoạch thực hiện Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng bảo hiểm y tế toàn dân; phấn đấu tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 97,1% dân số. Đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và phát triển; có chính sách để duy trì vững chắc mức sinh thay thế. Quan tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, bà mẹ, trẻ em. Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số. Chú trọng công tác bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm.

3.5. Thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững

Chú trọng thực hiện và huy động các tổ chức, cá nhân trong xã hội tích cực tham gia thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, điều dưỡng, đền ơn đáp nghĩa người có công với cách mạng. Phát triển các cơ sở trợ giúp xã hội, chăm lo đời sống đối với các đối tượng yếu thế, khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt, phụ nữ và trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số là nạn nhân của bạo lực gia đình, bị mua bán trở về. Bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng, tạo môi trường lành mạnh để trẻ phát triển toàn diện. Hỗ trợ sinh kế đối với người khuyết tật. Bảo vệ và phát huy vai trò của người cao tuổi trong gia đình và xã hội.

Phát triển thị trường lao động gắn với giải quyết việc làm và đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài. Xây dựng cơ sở dữ liệu người trong độ tuổi lao động làm cơ sở để dự báo thị trường, kết nối cung - cầu lao động. Chú trọng phát triển đa dạng các hình thức bảo hiểm xã hội; thực hiện hiệu quả chính sách bảo hiểm thất nghiệp. Hỗ trợ thanh niên giải quyết việc làm, khởi nghiệp; phấn đấu tỷ lệ thất nghiệp khu vực đô thị dưới 1,68%.

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia gắn với giảm nghèo bền vững. Mở rộng phạm vi, quy mô, đối tượng thực hiện tín dụng chính sách xã hội để góp phần tạo việc làm, cải thiện sinh kế, giảm nghèo nhanh và bền vững, nhất là ở các vùng khó khăn, vùng dân tộc ít người, bảo đảm trợ giúp cho các nhóm đối tượng yếu thế. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, nâng cao dân trí, ý thức tự lực, tự cường để vươn lên thoát nghèo bền vững. Thu hút đầu tư phát triển KTXH khu vực miền núi; khuyến khích trí thức trẻ, thanh niên tham gia phát triển nông thôn, miền núi, vùng khó khăn. Đẩy mạnh công tác bố trí, sắp xếp dân cư các vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo; 100% hộ dân tộc thiểu số có đất ở, đất sản xuất.

4. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

Kiểm soát chặt chẽ và nâng cao hiệu quả hoạt động khai thác khoáng sản, đặc biệt là khai thác cát, sỏi lòng sông, bờ biển; thu hút đầu tư Nhà máy tuyển luyện quặng tại những nơi có điều kiện gắn với quy hoạch khoáng sản. Nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, thực hiện tốt công tác quản lý đất đai. Thường xuyên rà soát, kiểm tra và kiên quyết xử lý các sai phạm trong sử dụng đất, không để lãng phí tài nguyên đất đai. Quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng,

các hệ sinh thái biển gắn với bảo vệ đa dạng sinh học. Nâng cao năng lực bảo vệ tài nguyên, phòng, chống cháy rừng.

Ưu tiên thu hút các dự án đầu tư xanh, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng và tài nguyên, ít phát thải nhà kính để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững. Tăng tỷ lệ cây xanh trong các đô thị, nhất là các đô thị trung tâm của tỉnh; phấn đấu đến năm 2030, diện tích cây xanh đạt 8 - 10 m²/người dân đô thị. Tập trung giải quyết hiệu quả các vấn đề cấp bách về môi trường, nhất là xử lý nước thải tại các đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường các dự án. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, ngăn ngừa và xử lý nghiêm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường. Đẩy mạnh thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng phân loại, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt kết hợp thu hồi năng lượng, hạn chế chôn lấp. Tạo sự chuyển biến tích cực trong ý thức, văn hóa người dân về bảo vệ môi trường. Giảm thiểu chất thải nhựa, ô nhiễm chất thải nhựa. Phấn đấu đến năm 2030, trên 98% chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, 100% chất thải y tế được xử lý.

Thực hiện hiệu quả Chiến lược Quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050. Ưu tiên đầu tư xây dựng, củng cố hệ thống hạ tầng KTXH thích ứng với biến đổi khí hậu, chủ động ứng phó với thiên tai. Tiếp tục nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai; bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa; chủ động ứng phó với sạt lở đất, lũ quét khu vực miền núi; chú trọng công tác di dời, tái định cư cho người dân ở các khu vực có nguy cơ rủi ro thiên tai cao. Chủ động chuyển đổi cơ cấu các ngành, lĩnh vực để thích ứng với biến đổi khí hậu, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp.

5. Bảo đảm quốc phòng, an ninh

Xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh toàn diện gắn sát mục tiêu xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp. Đẩy mạnh xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Nâng cao hiệu quả công tác bồi dưỡng, giáo dục kiến thức quốc phòng, an ninh và phổ biến giáo dục pháp luật. Thực hiện tốt nhiệm vụ phòng thủ dân sự tại địa phương; xây dựng khu vực phòng thủ các cấp vững chắc. Nâng cao chất lượng công tác tuyển quân. Kết hợp chặt chẽ giữa KTXH, đối ngoại với quốc phòng, an ninh. Phát triển các công trình lưỡng dụng có khả năng chuyển đổi trạng thái kịp thời, hiệu quả. Chú trọng công tác đảm bảo an ninh biên giới; quản lý chặt địa bàn biên giới, xây dựng vùng biên hòa bình và phát triển; đấu tranh có hiệu quả với các hành vi xâm hại đến chủ quyền biên giới quốc gia, quyền chủ quyền các vùng biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Thực hiện tốt chính sách đối với Quân đội, hậu phương quân đội.

Kịp thời phát hiện, chủ động xử lý có hiệu quả các vấn đề phức tạp về ANTT và ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống. Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh tuyến biên giới Việt Nam - Lào - Campuchia, an ninh cửa khẩu Bờ Y, cửa khẩu Đăk Long - Văng Tắt, an ninh trong tôn giáo,

an ninh vùng dân tộc thiểu số và an ninh tại các khu kinh tế trọng điểm mới. Thực hiện tốt bảo vệ chính trị nội bộ trong công tác nhân sự và bảo đảm ANTT Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031. Bảo đảm an ninh số, an ninh mạng, an ninh, an toàn thông tin, an ninh dữ liệu.

Triển khai đồng bộ, quyết liệt các chủ trương, biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm; tập trung đấu tranh triệt xóa các tụ điểm phức tạp về tệ nạn xã hội, trấn áp mạnh các băng, nhóm liên quan đến “tín dụng đen”, núp bóng doanh nghiệp, tội phạm lợi dụng công nghệ cao. Tăng cường công tác phát hiện, xử lý nghiêm loại tội phạm về môi trường, vệ sinh, an toàn thực phẩm, tài nguyên, khoáng sản. Thực hiện hiệu quả Chương trình MTQG phòng, chống ma túy đến năm 2030; tăng cường các biện pháp quản lý, phòng ngừa đối tượng liên quan đến ma túy phạm tội tại địa bàn cơ sở; nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai.

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTT phù hợp điều kiện, hoàn cảnh, tình hình mới, nhất là trên không gian mạng và trong công nhân, doanh nghiệp FDI. Nâng cao hiệu quả khai thác, ứng dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Đề án 06/CP của Chính phủ vào phục vụ quản trị xã hội. Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, chuyển đổi số. Tăng cường thực hiện các giải pháp giảm tai nạn giao thông, giảm cháy, nổ.

6. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế

Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, tích cực tham gia các sự kiện đối ngoại quan trọng, phù hợp trong và ngoài nước nhằm xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, huy động nguồn lực góp phần phát triển KTXH, thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế của tỉnh ngày càng sâu rộng, hiệu quả. Tiếp tục củng cố, tăng cường quan hệ, hợp tác toàn diện với các địa phương của các nước Lào, Campuchia, nhất là các tỉnh Nam Lào, Đông Bắc Campuchia, Thái Lan; phối hợp chặt chẽ trong công tác mở các cặp cửa khẩu phụ trên tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia, nâng cấp cặp cửa khẩu phụ Đăk Long - Văng Tắt lên thành cửa khẩu chính; tiếp tục kiến nghị đầu tư, nâng cấp Quốc lộ 18B từ Cửa khẩu Quốc tế Bờ Y đi tỉnh Attapư (Lào). Tham gia giải quyết vấn đề phân giới, cắm mốc còn tồn đọng giữa Việt Nam với Campuchia trên tuyến biên giới qua tỉnh. Tạo điều kiện để các nhà đầu tư trong tỉnh triển khai đầu tư, góp phần kết nối về kinh tế với các địa phương của Lào và Campuchia. Đẩy mạnh ngoại giao kinh tế, tăng cường năng lực hội nhập kinh tế quốc tế trong các ngành, lĩnh vực. Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp trong các hoạt động sản xuất, đầu tư, kinh doanh, hợp tác với đối tác nước ngoài. Phát huy công tác đối ngoại nhân dân, nâng cao chất lượng công tác thông tin tuyên truyền đối ngoại và ngoại giao văn hóa góp phần quảng bá, giới thiệu về tiềm năng, thế mạnh, khả năng hợp tác của tỉnh. Tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; thực hiện tốt công tác bảo hộ ngư dân, tàu thuyền trên địa bàn tỉnh.

Triển khai thực hiện đồng bộ 17 Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã có hiệu lực, các cam kết trong WTO và Cộng đồng Kinh tế ASEAN; Kế hoạch triển khai chương trình hành động thực hiện chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030 của tỉnh; Hỗ trợ doanh nghiệp đa dạng hóa thị trường, gắn với nâng cao chất lượng sản phẩm, tham gia sâu rộng vào các chuỗi cung ứng, chuỗi sản xuất khu vực, toàn cầu và đẩy mạnh xuất nhập khẩu.

Kính báo cáo Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- VPUB: CVP, PCVP, các phòng, ban, đơn vị;
- Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Y Ngọc